

BACH KHÓA

Quán
SỔ KÝ NIỆM 18 NĂM

A & B
XXI - XXII

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 90đ.

— Ai-lao : 90đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 140đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 190đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 365đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BANQUE FRANÇAISE COMMERCIALE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

Siège Social : 74, Rue St. Lazare — PARIS

VIỆT NAM	SAIGON	AGENCE	52, Đại-lộ Hàm-Nghi Tél : 90.065, 90.066, 90.067.
		BUREAUX	178, 180, 182, Đường Lê-Thánh-Tôn (Marché central), Tél : 22.142 415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél : 93.172. 333, Đường Phạm-Ngũ-Lão (Thái-Bình). — Tél 98.270
	CHOLON	AGENCE	386 Đại-lộ Đồng-Khánh (Chợ Lớn) Tél : 36.105.
		BUREAU	105, Đại-lộ Minh-Mạng (Ngũ Bấy) — Tél. 50.626. 523, Đường Hồng-Bàng (Hồng-Bàng) — Tél. 51.641.
		KHÁNH-HƯNG AGENCY	23, Đường Hoàng-Dịu (Khánh-Hung) — Tél : 51

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER, TOULON, ANNECY.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP-Á NGÂN-HÀNG

HỘI NẮC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Trụ sở : 96. Bd. Haussmann-Paris (8 đ)

Số vốn sung dụng tại Việt-Nam : VN \$ 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V.N : V.N \$ 50.000.000

SỐ THƯƠNG MẠI SAIGON : 157B

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 001

C. C. P. SAIGON N° 27 - 04

TRỤ SỞ :

29 Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21018

CHI NHÁNH :

- Hành-lang EDEN — Saigon — Điện thoại : 23.207
- 461 Phan đình Phùng — Saigon — Điện thoại : 92.367
- 834 Trần hưng Đạo — Cholon — Điện thoại : 50.149
- 68 Phùng Hưng — Cholon — Điện thoại : 50.246
- 67 Trương minh Kỳ — Gia định — Điện thoại : 40.280

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

Số kỷ niệm 18 năm
và Xuân Ất Mão

B Á C H K H O A

A** - B** :

TỪ MINH 1974, một năm khủng hoảng toàn diện	07
ĐẶNG TRẦN HUÂN những việc đáng ghi nhớ trong năm 1974	17
VÕ PHIỄN có gì mới trong sinh hoạt văn nghệ ?	19
NGUYỄN MỘNG GIÁC nghĩ về thơ, truyện 1974	25
NGUYỄN HIẾN LÊ nhân loại lâm nguy (tương lai nhân loại đi về đâu ?) Báo cáo số 1 và số 2 của nhóm La-mã	35
TRẦN NGỌC NINH tư tưởng Việt-Nam	49
PHẠM LONG ĐIỀN những phát giác về Huỳnh Tịnh Của	55
THẠCH HÀ KIM HOÀNG SƠN giá trị của những Bút-hiệu	61
KIM CƯƠNG tâm sự cuối năm của một nữ nghệ sĩ sân khấu	65
LÊ TẮT ĐIỀU ngưng bắn, ngày thứ 492, xin kể lại ngày đó (hồi ký)	71
VŨ HOÀNG CHƯƠNG bài thơ giàn dừa; bài từ hoa lan; bài hát cành mai (thơ)	82
MINH ĐỨC HOÀI TRINH nhìn qua cửa sổ (thơ)	84
MINH ĐỨC HOÀI TRINH lá thư Minh-Đức Hoài-Trinh	85

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

In tại nhà in TRÍ DẰNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon 3

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon 3

Giá : 380đ

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

Công sở : 760đ

LÊ HẰNG ngọn sóng Nam-ô (truyện)	91
HUỲNH TẤN dậy hồn (thơ)	97
THẠCH ĐIỀN xuân nhớ (thơ)	97
VÕ CHÂN CỬU trên đầm xưa trong mùa xuân mới (thơ)	98
BÁCH KHOA đàm thoại với Đoàn Thêm về "Việc từng ngày"	100
LÊ PHƯƠNG CHI tâm sự của một số nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ vào những ngày cuối năm Dần	103
SINH HOẠT	
THẾ NHÂN thơ, nhạc, và... chả cá đêm thơ Vũ Hoàng Chương	123 125
THU THỦY thời sự văn nghệ	126
NAM TIẾN trình bày bìa (Hình ảnh : của VĂN THANH).	

HỘP THƯ

— Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

● **THƠ** : Yên Giang, Lê Đình Thạch Hân, Đông Chinh, Từ Nguyên Trung, Lê Thuận, Trần Nguyên Diệm, Vũ Vốn, Lê Văn Chương, Lê Phồ Đức, Thu Đan, Nguyễn Công Nhân, Phạm Định Phong, Nguyễn Phượng Du, Lê văn Ngăn, Thùy Dương Tử, Lê Quan Trinh, Phạm Trương Linh, Lê Thánh Thư, Thùy Triều, Phượng Vũ Long Thanh, Thương Việt Linh, Vũ Linh Thoại, L. Thuận, Hoàng Đình Huy Quan, Huỳnh Tấn.

● **TRUYỆN** : Trần quang Thiếu (Mưa chiều), Tuệ Dương (Lạc bước), Phạm Hà Quân (Tổ tình ; Bước vào từ giọt lệ); Hồ Minh Dũng (Lạc quỳên); Nguyễn Ghềnh (Lớp chào).

● BIÊN KHẢO - NGHỊ LUẬN :

Trường Giang (Một thái độ...)
Nguyễn Ghềnh (Cánh én mùa xuân),
Võ văn Dật (Sự khàn thiết có mặt của một Viện Bảo-tàng nông, công, ngư-nghệp). Hoàng văn Bình (Tuổi trẻ và tương lai dân tộc).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề tên thực và ghi lại cho địa chỉ hiện đại để tiện liên lạc.

— Cùng quý bạn gửi bài : Vì số trang có hạn, nên một số lớn truyện và thơ không đăng kịp vào số này, mà phải dành cho số Tân niên. Xin cáo lỗi cùng quý bạn và mong quý bạn thông cảm cho.

Các bạn thân mến

Với số này, Bách Khoa đã bước sang năm thứ 19 bằng những bước thực là chật vật và cực nhọc.

Nói về giá giấy và chi phí ấn loát đã leo thang nhiều bậc thật dài, nói về mải lực của bạn đọc giảm sút đều đều. tháng này qua tháng khác, là những chuyện nhàm chán ai cũng đều quá rõ. Một bạn gửi bài về, trong lá thư kèm theo, đã ghi rằng : « Chúng tôi rất vui mừng thấy Bách Khoa *vẫn* còn ra được... »- Như vậy sự « ra được » trong năm vừa qua đã gây ngạc nhiên và thật là gay go đối với riêng Bách Khoa cũng như đối với chung cả ngành báo chí và xuất bản trong nước.

Tuy nhiên vào ngày đầu năm dương lịch và cuối năm âm lịch này, số Bách Khoa Xuân còn được xuất hiện để đến tay bạn đọc là do sự ủng hộ nhiệt thành của quý bạn, dầu báo đã trở thành giai phẩm được 2 năm 4 tháng, xuất bản không kỳ hạn nhất định, và nhiều khi phải bỏ đi cả chục trang, không chạy được. Nếu không có sự thông cảm và tin yêu bền bỉ của bạn đọc, nếu không được sự giới thiệu và cổ động hồn nhiên của quý bạn thì chắc hẳn Bách Khoa không thể tồn tại đến hôm nay.

Cảm tình của bạn đọc có sức mạnh gây được niềm tin tưởng cho những anh em đã cộng tác và làm nên tờ Bách Khoa ngày nay, để hy vọng Bách Khoa còn đứng vững được trong những tháng sắp tới của năm mới, mặc dầu tình hình chiến sự đương khẩn trương hơn lúc nào hết, tình trạng kinh tế mỗi ngày một khó khăn và tương lai của ngành xuất bản và báo chí thì tối tăm như đêm ba mươi Tết...

Xin chân thành chúc quý bạn một năm mới nhiều may mắn.

Nhóm Chủ trương **BÁCH KHOA**

Sách nhận được trước 15-1-75

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— Viết cho các bà mẹ sanh con đầu lòng của B.s. Đỗ Hồng Ngọc, do La Ngà xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 392 trang, gồm 58 chương, trình bày những điều cần biết để các bà mẹ có thể săn sóc con mình từ khi đưa nhỏ mới sinh cho đến năm nó lên 3 tuổi (vệ sinh, dinh dưỡng, phòng bệnh) và khi đưa nhỏ mắc bệnh thì theo dõi và cộng tác với y sĩ chữa trị bệnh ra sao. Sách viết rất rõ ràng, do kinh nghiệm nuôi chính con mình và kinh nghiệm chữa trị trẻ thơ ở bệnh viện nhi đồng, của một thầy thuốc nhiệt thành với nghề nghiệp. Bản đặc biệt. Giá bán thường 980đ.

— Chữ, văn Quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc của Nguyễn văn Trung, do Nam Sơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 192 trang, gồm 3 phần chính: Chữ quốc ngữ; Văn quốc ngữ; Tiếng nói, chữ viết, văn học trong hoàn cảnh mất nước. Phụ lục: Tiếng Việt trong 25 năm đầu thế kỷ 20 của Ô. Mai Ngọc Liễn. Giá 600đ.

— Chạy trốn tự do, nguyên tác "Escape from Freedom" của Erich Fromm, bản Việt dịch của Khuất Duy Trác, Lê Xuân Khoa hiệu đính, Hiện Đại Thư Xã xuất bản và gửi tặng. Sách dày 218 trang, trình bày tình trạng bệnh hoạn của văn minh hiện đại trong đó con người luôn luôn lo âu và toan tính từ bỏ tự do để tìm về với chế độ phát xít cho được no ấm. Giá 500đ.

— Ca khúc của Phạm Duy và "Songs" của James Durst, do Hiện Đại thư xã xuất bản và gửi tặng. 62 trang gồm 10 ca khúc (Lời và Nhạc) của Phạm Duy thuộc Tình khúc, Tâm ca, Đạo ca, Bình ca, Nữ ca, Bé ca, Dã ca... Lời Anh ngữ của ca sĩ James Durst. 62 trang gồm 10 ca khúc (Lời và Nhạc) của James Durst, Lời Việt ngữ của Phạm Duy. Rất nhiều hình ảnh của 2 ca sĩ trong các chuyến trình diễn tại Saigon và các tỉnh. Khổ 21 × 27. Giá 400đ.

— Màu xanh đang lên, truyện dài của Lê Hằng do Nguyễn Đình Vương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 310 trang, bìa của Họa sĩ Thái Tuấn. Giá 936đ.

— Phòng triển lãm trần gian, truyện dài của Trần Hoài Thư do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo, dày 40 trang, để tặng các thân hữu, một tác phẩm được hoàn thành với tất cả nỗi đam mê của tác giả.

— Trái tim hòa bình tập thơ của Sâm Thương do Văn Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 64 trang gồm 16 bài thơ tự do, tác giả làm từ 1964 đến 1968.

— Nội san Trường Bưởi, Bộ mới, số 2, kỷ niệm 15 năm thành lập Hội Ái hữu cựu học sinh Bưởi và Chu Văn An, do Ô.Ô. Lê Đình Chung và Phạm Quang Khai chủ trương, Hoàng Ưng và Đỗ Lộc thực hiện. Mỗi số khổ 21 × 28 dày 100 trang, với nhiều bài hoặc liên quan đến sinh hoạt của trường Bưởi cũ hoặc tác giả là học sinh, Giáo sư cũ của trường Bưởi, Chu Văn An... Một số bài trích từ tuần báo "Trung Bắc Chủ Nhật" ngày xưa. Số đặc biệt về trường Bưởi.

LBK : *Bạn Từ-Minh là một cây bút chuyên viết về chính trị quốc tế, về cuộc đời và sự nghiệp các nhà chính trị, văn hóa, trên thế giới... đã có mặt trên Bách-Khoa từ 1966 đến nay và nhiều năm vừa qua hầu như không số Bách Khoa nào là không có bài của ông. Từ tháng 9 đến nay, ông Từ Minh xuất ngoại vì công vụ nên phải gác bút ít lâu, và mặc dầu còn rất bận rộn, ông cũng vẫn cố thu xếp để gặp lại bạn đọc trên số Bách-Khoa kỷ niệm 18 năm này, bằng bản Tổng kết tình hình chính trị thế giới sau đây. Chắc chắn bạn Từ-Minh sẽ không có mặt được đều đặn trên Bách-Khoa như trước, nhưng sẽ cố gắng viết bài gửi về mỗi khi có thì giờ, để đáp lại sự thăm hỏi và trông đợi của bạn đọc, trong những tháng vừa qua.*

Trong năm 1974 mới chấm dứt một sự kiện đặc biệt đã được mọi người chú ý là cuộc khủng hoảng lãnh đạo trên thế giới. Tổng Thống Pháp đột ngột qua đời, Thủ-tướng Đức ra đi, Tổng Thống Hoa-kỳ từ chức, Thủ-tướng Anh bị cử tri thay thế, Quốc vương Ethiopie bị lật đổ v.v.. Với các sự thay đổi lãnh tụ, với những khó khăn kinh tế trên thế giới, các vấn-đề quốc-tế quan trọng khó có thể được giải quyết trong năm vừa qua. Người ta đã chứng kiến hiện tượng thay bậc đổi ngôi không

những tại nội bộ mỗi quốc gia mà người ta còn thấy hiện-tượng này ngay cả trong đời sống chính trị quốc tế. Trong khi các đại cường quốc cổ-diễn đang lúng túng trước sự ra đi của các lãnh tụ thì các quốc-gia Trung Đông, chủ các mỏ dầu hỏa, đã bành trướng thế lực mạnh mẽ trên trường quốc-tế. Người ta có cảm tưởng rằng trong năm 1974 các quốc gia Á-rập đã làm mưa làm gió nhờ có những mỏ dầu hỏa trữ phú trong tay.

I) THAY BẬC ĐỔI NGÔI TẠI NỘI BỘ CÁC ĐẠI CƯỜNG

Năm 1974 vừa qua các quốc gia trên thế giới, nhất là các đại cường, đã « tiêu thụ » rất nhiều lãnh-tụ. Người ta có cảm tưởng rằng tại các quốc gia này dân chúng muốn thay thế giai cấp lãnh đạo già nua bằng một giai cấp mới trẻ trung hơn.

Trước hết người ta phải nói tới sự ra đi đầy tai tiếng của Thủ-tướng

Tây Đức Willy Brandt. Ông Willy Brandt, một nhân vật đang lên với một tương lai đầy hứa hẹn, đã phải rời bỏ chính quyền đi chỉ vì dính líu tới một vụ gián điệp và gái đẹp. Được Giải Nobel về Hòa-bình năm 1971, Willy Brandt đang hoạt động mạnh trong chính sách hòa giải Đông-Tây và đang nuôi mộng làm

Tổng-Thống một Liên-bang Âu châu thống nhất. Chỉ vì háo sắc mà ông đã tin dùng một điệp viên tên là Guillaume, người hay đưa ông đi « giải trí » nên khi tên gián điệp này bị « cháy » thì sự nghiệp lừng lẫy của Willy Brandt cũng sụp đổ theo.

Sau sự ra đi của Willy Brandt, người ta phải kể tới cái chết bất ngờ của Tổng-Thống Pháp quốc Georges Pompidou. Cho tới phút chót ông Pompidou đã cố gắng tạo cho chính sách đối ngoại của Pháp một tính cách hấp dẫn. Ông đã sang Nga gặp Tổng Bí-thư Brejnev và sang Islande gặp Tổng-Thống Nixon để tìm cách đóng vai trò trung-gian hòa-giải Đông-Tây và đồng thời cạnh tranh vai trò lãnh tụ Âu châu với Willy Brandt. Nhưng ông Pompidou đã đột ngột từ trần vì bệnh ung thư xương. Cái chết của ông Pompidou đã mở màn cho một cuộc tranh giành gay go giữa các người kế vị.

Ra đi một cách đau thương nhất là ông Richard Nixon. Sau khi đã tái lập hòa bình tại Việt Nam, rút quân đội Mỹ về nước, xích lại gần Trung Cộng, ông Nixon đã được tái đắc cử Tổng Thống với một uy tín lừng lẫy. Chỉ vì vụ Watergate mà người ta khám phá ra được những vụ lừa

đổi dân chúng khiến quốc dân Mỹ đã công phần đến nỗi người ta đòi truất phế ông. Từ đầu năm cho tới tháng 9 người ta thấy ông Nixon vùng vẫy một cách tuyệt vọng để thoát khỏi vòng vây của các đối thủ. Ông sang Trung Đông, ông viếng thăm Nga, ông gặp Tổng Thống Pháp để được dân chúng tại ngoại quốc hoan hô cổ vũ. Nhưng khi về đến nhà, ông cũng vẫn không thoát khỏi vòng định-mệnh nên phải từ chức ra đi. Trong những ngày cuối năm người ta thấy cảnh tượng một vị Tổng Thống thất thế, sống cô đơn tại San Clemente, rồi vào hết bệnh viện này tới bệnh viện kia có lúc đã suýt nguy tính mạng với bệnh đông mạch máu ở chân.

Ngoài 3 quốc gia Mỹ, Pháp và Đức người ta còn phải kể tới sự ra đi của Bà Golda Meir, nữ Thủ tướng Do Thái, sau 26 năm cầm quyền, của ông Edward Heath, Thủ tướng Anh, bị cử tri thay thế, của Quốc vương Hailé Selassié xứ Ethiopie bị quân đội lật đổ và đe dọa bị đưa ra hành quyết. Tại Bồ-đào-nha, tại Hy Lạp, tại Chypre các chính thể mới đã được thành lập. Tại Á-cần-đỉnh Tổng Thống Péron già nua cũng từ trần để lại địa vị Tổng Thống cho bà vợ thứ ba là Isabellita...

II) QUY-CHẾ QUỐC-TẾ MỚI CỦA CÁC QUỐC GIA Ả-RẬP

Vào cuối năm 1973 các quốc gia Ả-Rập tại Trung Đông đã quyết định tăng giá dầu hỏa và dùng loại nhiên liệu quý giá này để làm phương

tiện mặc cả chính trị trên trường quốc-tế. Quyết định trên đã làm xáo trộn đời sống kinh tế thế giới rất nhiều. Các quốc gia kỹ-nghệ-hóa tiêu,

thụ dầu hỏa đã bị một phen điều đưng với những đoàn xe hơi không xăng chạy, với những nhà máy đóng cửa và với đám công nhân thất nghiệp.

Quốc gia Tây-phương nào không chịu ủng hộ lập trường Ả-rập trong vấn đề Palestine đều bị Ả-rập trừng phạt không bán dầu cho. Đó là trường hợp của Hòa Lan. Chỉ vì lên tiếng can đảm ủng hộ Do-Thái mà Hòa-Lan bị « cúp » dầu và người ta thấy Thủ-tướng Hòa-Lan đã đi xe đạp đến sở. Ngược lại Pháp vì luôn luôn có lập trường thuận lợi cho các quốc-gia Ả-rập nên khi quyết định ngưng bán dầu, các quốc gia này luôn luôn dành cho Pháp một khối lượng dầu đặc biệt.

Trước sự nhượng bộ của các cường quốc Tây phương, các nước Ả-rập càng ngày càng làm dữ. Họ nhất định dùng dầu hỏa và tiền bạc làm áp lực để giải quyết vấn đề Palestine. Họ đòi phải giải tán quốc gia Do-Thái và thành lập một quốc gia Palestine gồm có cộng-đồng Do-Thái và cộng-đồng Ả-rập, những người Ả-rập gốc Palestine tỵ nạn tại Jordanie, Liban, và Syrie thừa cơ hoạt động mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Các quốc gia Ả-rập chủ mỏ dầu đã cung cấp cho các người Ả-rập Palestine trên 2 tỷ Mỹ kim, nên các tổ-chức khủng bố Palestine lại càng có thêm phương tiện hoạt động trên toàn thế giới. Họ mua vũ khí, mở các cuộc tấn công du kích tàn sát dân Do-Thái, bắt Đại-sứ Pháp tại Hòa-Lan để buộc phải thả tù nhân Palestine. Tổ chức Giải phóng

Palestine (PLO), một tổ chức khủng bố tàn bạo, đã dần dần được các quốc gia trên thế giới coi như một chính phủ. Yasir Arafat, lãnh tụ của Tổ chức được mời ra trước Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc để trình bày quan-điểm và được các quốc-gia Ả-rập cũng như một số lớn các quốc-gia Á-Phi phi-liên-kết hoan hô nhiệt liệt.

Với những số tiền bán dầu hỏa, không hề thu hoạch được các quốc gia Trung Đông lại càng có thêm phương tiện để củng cố địa vị của họ trên trường quốc tế. Ba Tư đã ồ ạt gửi vốn sang đầu tư tại Hoa-Kỳ. Anh quốc, trước các khó khăn kinh tế tại quốc nội, đã phải cầu cứu Ba-Tur để xin viện trợ. Ngoài ra Ả-rập Sa-u-di lại còn tung tiền ra để mua một số lớn cổ phần của hãng Mercedes Benz ở Tây Đức.

Với uy tín mới trên trường quốc-tế, các quốc gia Ả-rập đã tỏ ra hết sức cứng rắn trong các cuộc hòa-dàm với Do-Thái. Ông Kissinger, trong suốt năm, đã đi đi lại lại vùng Trung Đông để tìm cách hòa giải Do-Thái và Ả-rập. Trong mấy tháng đầu năm người ta đã có cảm tưởng rằng « chính sách ngoại-giao đưa thời » của ông Kissinger đã mang lại một vài thành quả. Vào tháng 1 năm 1974, Do Thái và Ai-Cập thỏa thuận rút quân khỏi vùng Sinai. Đến tháng 5, Do-Thái bằng lòng rút quân lùi lại 15 dặm trên lãnh thổ Syrie. Nhưng sau đó cả Do-Thái lẫn Jordanie đều đi vào bế tắc vì Quốc-vương Hussein xứ Jordanie, trước áp lực của các người Ả-rập tỵ nạn Palestine, đã không

dám có một thái độ hòa hoãn nữa. Do đó vào cuối năm, ông Kissinger hầu như đã hết hy vọng giải quyết vấn đề Trung Đông và khi tháp tùng ông Gerald Ford sang Vladivostok vào

tháng 11-74 ông Kissinger đã phải yêu cầu Nga cũng tham gia các hoạt động đi tìm hòa-bình cho vùng Trung Đông.

III) HÒA GIẢI ĐÔNG-TÂY GẶP KHÓ KHĂN

Trong năm 1974 hai nhân vật chủ trương hòa giải Đông - Tây nồng nhiệt nhất là các ông Pompidou và Willy Brandt đã phải đột ngột rời chính quyền. Tại Pháp Tân Tổng-Thống Giscard d'Estaing và tại Đức Tân Thủ-tướng Helmut Schmidt đều không có tham vọng đóng vai trò hòa giải nên các lãnh tụ điện Kremlin đã ngừng mọi cuộc thương thuyết với Tây-phương.

Hơn nữa ông Richard Nixon, một nhân vật cũng chủ trương hòa giải không kém, lại đang ở trong một địa vị lung lay nên suốt trong năm 1974 người ta không thấy vấn đề hòa-giải tiến được thêm một bước nào.

Vào mùa Hè 1974 mặc dầu ông Nixon đã sang tận Mạc-tư-khoa để thương thuyết, nhưng các lãnh tụ điện Kremlin chỉ ký với ông Nixon những thỏa-uớc nhỏ về hợp-tác khoa-học v.v...

Khi ông Gerald Ford lên làm Tổng-Thống, Nga vẫn tỏ vẻ hết sức dè dặt trước mọi sáng-kiến hợp-tác giữa hai bên. Nhưng đến tháng 11-1974 khi ông Ford sang Vladivostok để 'làm quen' với các lãnh tụ Nga-sô thì người ta thấy các nhà lãnh-tụ này đã tỏ ra hết sức nồng nhiệt để giải tỏa

các khó khăn trong việc thương thuyết giới-hạn các vũ khí chiến-lược (SALT). Nhưng ông Gerald Ford, vì mới lên còn cần phải giải quyết nhiều vấn đề nội bộ nên chưa thể vận dụng mọi nghị-lực để có một chính-sách đối-ngoại hoạt-động.

Hội-nghị thượng-đỉnh Nga-Mỹ đã được tổ chức tại Vladivostok là một nơi mà Trung Cộng luôn luôn coi là thuộc lãnh thổ Trung-Hoa. Tuy vậy người ta không thấy Bắc-kinh có phản-ứng gì vì hiện thời tình hình chính trị Trung Cộng cũng không được ổn định. Trong năm vừa qua chính quyền Trung Cộng đã phát động mạnh mẽ phong trào bài trừ ảnh hưởng Khổng học và cuộc tranh chấp quyền hành đang tiếp diễn giữa phe Chu-ân-Lai và phe Giang-Thanh. Do đó dù Nga-Mỹ có bắt tay nhau để hòa giải thì Trung Cộng cũng chưa thể có hành động nào để ngăn chặn sự hợp tác Nga-Mỹ. Ngoài ra với sự thay thế Ngoại-trưởng tại Bắc-kinh có lẽ Trung Cộng đang khởi đầu một chính sách đối ngoại hòa hoãn hơn. Tân Ngoại-trưởng Trung Cộng, từ hai năm nay làm đại diện của nước này tại Liên-Hiệp-Quốc, nên đã có thái độ cởi mở hơn đối với các vấn-đề quốc-tế.

IV) KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI

Chính sách bắt bí của các quốc gia sản xuất dầu hỏa Trung-Đông đã tạo nên một cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Vì thiếu nhiên liệu các sản phẩm biến chế chỉ được sản xuất với một giá cao hơn và số lượng sản xuất phải giảm đi. Trong khi số cung giảm, số cầu vẫn gia tăng nên gây ra tình trạng lạm phát. Nhật-Bản chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng này nặng nhất. Tại nước này nạn lạm phát đã gia tăng trung bình 24% một năm. Tại Pháp nạn lạm phát cũng đi tới 14% và tại Đức nạn lạm phát cũng lên tới 7,6%. Kết quả thứ hai của khủng hoảng kinh tế là nạn thất nghiệp. Tại Anh, Pháp, Mỹ, Tây-Đức và ngay cả Úc người ta cũng thấy con số thất nghiệp gia tăng mau lẹ.

Cuộc khủng-hoảng kinh-tế năm 1974 đã được nhiều kinh-tế-gia so sánh với cuộc khủng hoảng năm 1929. Tại mỗi quốc gia người ta thấy các nhà cầm quyền vật lộn với các khó khăn kinh tế. Ngay khi mới lên cầm quyền, ông Gerald Ford đã tìm cách đối phó với nạn lạm phát mà ông gọi là « Kẻ thù số 1 » của Hoa-kỳ. Tại Anh, các công nhân đã biểu tình đình công đến nỗi đảng Bảo-thủ bị loại khỏi chính quyền trong cuộc bầu cử Quốc-hội vừa qua. Tại Pháp, mặc dầu tân Tổng-Thống Giscard d'Estaing là một nhà kinh tế, đã từ 15 năm qua thực hiện được sự phồn thịnh cho Pháp, mà cũng phải bó tay trước các khó khăn kinh-tế xã-hội. Các công nhân Pháp đã đình công

tới 3 tháng trời liên tiếp để đòi tăng lương. Tại Nhật các cuộc biểu tình tuần hành xảy ra hằng ngày để đòi tăng lương. Tình hình kinh tế khó khăn cùng với các vụ tai tiếng về vấn đề tham nhũng và những âm mưu mờ ám lạm dụng quyền thế để mua nhà đất đã khiến cho Thủ-tướng Nhật Tanaka phải ra đi nhường chỗ cho ông Miki.

Vào cuối năm người ta có cảm tưởng rằng guồng máy kinh-tế tự-do của thế-giới tư-bản đang bị kẹt. Nhưng nền kinh tế tại các nước Cộng-sản cũng không tốt đẹp gì hơn. Tuy ít bị lệ thuộc vào dầu hỏa Trung Đông, tuy không bị các giới tư-bản quốc-tế chi phối, nhưng các nước Cộng-sản cũng không thể thực hiện được các tiến bộ kinh tế như họ mong muốn. Vì vậy cả Nga lẫn Trung Cộng đều phải gạt bỏ lý thuyết Mác-xít để cầu viện tại các nước tư-bản. Trong năm 1974 người ta thấy các doanh nhân Mỹ đã ồ ạt kéo nhau sang Nga để tìm thị-trường đầu tư. Cũng trong năm nay tân Thủ tướng Tây Đức Helmut Schmidt đã được các lãnh-tụ điện Kremlin mở rộng vòng tay đón tiếp để vay tiền. Trung Cộng cũng cần thế-giới tư-bản không kém. Nhân dịp mở đường hàng không Bắc-kinh - Đông-kinh một phái đoàn Trung Cộng đã rầm rộ kéo sang Đông-kinh để ăn mừng như một thắng lợi chính trị quan trọng.

Tại thế giới đệ tam vấn đề kinh tế cũng khó khăn không kém. Nạn

đôi đe dọa tại Phi Châu, tại Ấn-Độ, vậy mà các lãnh tụ Phi Châu cũng như Ấn-Độ vẫn tìm cách mở rộng ảnh hưởng chính trị trên thế-giới. Tuy dân chúng không đủ cơm ăn mà chính phủ New Delhi vẫn còn cố gắng cho nổ một quả bom nguyên tử đầu tiên để khoa trương thanh thế. Việc Ấn-Độ nổ bom nguyên tử sẽ là một bước đầu tiên trong việc phổ biến loại vũ khí nguy hại này trên thế-giới.

oOo

Khủng hoảng lãnh đạo, khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng chính trị và khủng hoảng xã hội. Đó là những đặc điểm của năm 1974. Trong năm

này người ta có cảm tưởng rằng một hiện tượng điên rồ tập thể đang lôi cuốn toàn thể thế giới đi vào một con đường đầy phiêu lưu và nguy hiểm. Các vấn đề bỏng cháy như chiến tranh Việt-Nam, chiến tranh Trung-Đông, độc tài tại Nam-Mỹ, kỳ thị chủng tộc tại Nam Phi vẫn chưa được giải quyết. Nhưng ngược lại các khó khăn nội bộ cũng đã khiến cho các quốc gia có trách nhiệm trên thế giới không rảnh rang để tính chuyện bành trướng và thôn tính lẫn nhau. Nhưng dù sao thì năm 1974 không phải là một năm mà con người có thể tự hào là đã có những hành động khôn ngoan, chín chắn.

TỪ MINH



Bộ máu Chuông vàng
Soluté B₁, B₁₂, Fer

FERAMIN

Mất máu — Đau mối khỏi — Ăn
không tiêu — Băn khoăn mỗi một

Viện bào chế TENAMYD

Đặt kỹ và giữ trong tối

Những việc đáng ghi nhớ trong năm 1974

● DẶNG TRẦN HUÂN

Trước hết phải kể năm 1974 là năm khó khăn của chính khách. Nhiều ông có tầm tiếng và thành tích đã phải ra đi. Như Tổng-Thống Pháp Georges Pompidou ra đi vì không chống được với căn bệnh mà các đàn em cố dẫu điểm cho tới ngày chót (2-4-74). Tổng-Thống Mỹ Richard Nixon cố dẫu điểm, che đậy vụ Watergate, tìm mọi cách chống đỡ nhưng ngày 5-8 đã phải nhận lỗi và ngày 8-8 thì đệ đơn từ chức cho ông Ngoại-trưởng thích được gọi là tiến-sĩ, ông Kissinger. Ông Nixon về quê ở hơi bình hoạn và rối loạn tinh thần nhưng vẫn tự do trong khi đàn em của ông lần lượt tiếp tục đi tù. Ông Gerald Ford đương nhiên trở thành Tổng-Thống Mỹ đầu tiên chẳng phải bầu bán tốn kém phiền nhiễu gì cả.

Tại Tây Đức ông Brandt, một lãnh tụ đang lên, người có tham vọng tranh quyền chỉ huy Tây-Âu với Pháp, từ chức ngày 7-5 sau khi Phụ tá Guillaume bị bắt vì tội gián điệp ngày 24-4. Ngày 16-5 ông Helmut Schmidt được bầu làm Thủ-tướng Đức.

Tại Anh, cuộc bầu cử ngày 28-2, đã đưa ông Wilson lên làm Thủ-tướng ngày 5-3 thay thế ông Heath. Ở nước bạn của Anh là Do-Thái, bà Golda Meir từ chức ngày 11-4 sau nhiều lần nhong nhẽo, sau gần ba tháng khủng hoảng và một lần được Quốc-hội Do biểu quyết tín nhiệm với đa số 2 phiếu ngày 10-3. Gần một tháng sau, vào ngày 28-5 ông Rabin thành lập tân chính phủ và

chính phủ ông được Quốc-hội Do-Thái tán phong ngày 3-6.

Thủ-tướng nữ Golda Meir từ chức, thành ra trong ba bà góa phụ làm Thủ-tướng trên thế giới chỉ còn lại bà Thủ-tướng Ấn-Độ và Thủ-tướng Tích-Lan nay đổi quốc hiệu quá khó gọi là Sri-Lanka.

Nhưng tới ngày 1-7 thì con số góa phụ lãnh đạo chính phủ lại tăng lên thành 3 như cũ khi bà Isabelita thay chồng bà là ông Péron vừa từ trần lên làm nữ Tổng-Thống xứ Á-căn-đinh nhiều nhưng với nhiều vụ khủng bố nhất thế giới.

Khi ứng cử làm Phó Tổng-Thống cùng chồng trước đó một năm bà Péron đã hứa là nếu chồng chết thì sẽ từ chức để bầu một nam Tổng-Thống khác. Nhưng khi ông chết, bà đã quên đi lời hứa cũ (Đàn bà vốn phôi bò, mau quên lắm ỉ)

Sốt ruột vì các nữ chính khách, Cộng Hòa Trung Phi cũng bổ nhiệm một nữ Thủ-tướng da đen đầu tiên. Bà này thuộc vào ngoại lệ vì chắc bà không là góa phụ và dưới quyền Tổng-Thống độc tài Bokassa thì Thủ-tướng cũng như không vì đâu có quyền hành gì !

Trở lại Âu-Châu, ông Caramanlis lưu vong được mời từ Ba-lê về Hy-Lạp làm Thủ-tướng tái lập dân chủ tại Hy sau khi các tướng lãnh từ chức. Ông nhận chức ngày 24-7.

Tại Á Đông, Thủ-tướng Tanaka của Nhật không hên gì hơn ông

Brandt ở Tây Đức. Ông Tanaka bị tố có những nguồn tài chánh mập mờ nên đã phải từ chức ngày 26-11 sau khi gây gượng nán tại chức vụ Thủ-tướng để đón vị Tổng-Thống Mỹ thăm Nhật lần đầu tiên sau thế chiến thứ 2. Ngày 9-11 ông Takeo Miki được bầu làm Thủ-tướng Nhật thật bất ngờ trong khi các quan sát viên tiên đoán nhiều nhân vật khác.

Tại Pháp Tổng-Thống Giscard d'Estaing lên làm Tổng-Thống khá chật vật: phải bầu tới hai lần mới thắng ông Mitterrand với một đa số thật mỏng manh vào ngày 19-5. Sự thay đổi Tổng-Thống tại Pháp khiến người ta lưu ý tới một người chuyên môn làm Tổng-Thống Pháp dăm bữa nửa tháng là ông Chủ-tịch Thượng-viện Alain Poher. Pháp không có Phó Tổng-Thống, nên ông Poher đã làm quyền Tổng-Thống ít ngày vào năm 1969 khi ông De Gaulle từ chức. Kể đó trong cuộc bầu cử Tổng-Thống ông ứng cử và bị thất bại trước ông Pompidou. Khi ông Pompidou chết ông lại làm quyền Tổng-Thống ít ngày nhưng lần này không ra tranh cử với ông Giscard d'Estaing nữa.

Được ở lại chính quyền lý thú nhất trong năm qua phải kể tới ông Thủ-tướng ăn chơi gần 50 tuổi vẫn độc thân đề o mèo, khi lấy vợ thì thật kín đáo chẳng cho nhân viên nội các nào biết mà chúc mừng biểu xén. Đó là ông Trudeau, Thủ-tướng Gia-nã-đại. Ngày 8-5 Quốc-hội Gia lật đổ chính phủ của ông. Ngày 9-8 ông giải tán Quốc-hội để trả đũa. Hai tháng sau vào ngày 8-7, bầu lại Quốc-hội, phe của ông Trudeau được đa số tuyệt đối

và cố nhiên ghế Thủ-tướng của ông lại vững và hợp hiến bao giờ hết.

oOo

Có những lãnh tụ đi xuống hay đi lên một cách ôn hòa thì cũng có nhiều khi phải lên, xuống bằng đảo chánh. Ở Éthiopie, thuộc Phi châu cuộc đảo chánh được coi như khôn khéo và ôn hòa có quá nhiều bất ngờ vào đoạn cuối. Thoạt đầu, ngày 26-2 một đơn vị quân đội nổi loạn đưa yêu sách. Một đơn vị nữa làm theo kéo dài hơn 7 tháng mới truất phế Hoàng-đế Sélassié (12-9). Vẫn ôn hòa. Có tin vua Sélassié tham những chừng 10 tỷ Mỹ kim. Số tiền lớn quá, bằng 7.000 tỷ bạc Việt-Nam, không biết ông lấy ở đâu vì Éthiopie được coi là xứ thất học (trong 100 người chỉ có 3 người biết chữ) và nghèo nhất thế giới. Cho tới ngày 23/11, Hội đồng Cách mạng đột nhiên hành quyết một lúc 59 người, rồi bao vây nhà, giết nốt người thứ 60 là tướng Aman Andom Thủ-tướng chính-phủ quân sự do Hội-đồng đề cử. Lúc đó một nhân vật trong bóng tối mới xuất hiện là Thiếu-tá Mengistu Haille Mariam, người chủ xướng cuộc hành quyết tập thể. Ngày 27/11 Trung-tướng Teferi Benti 53 tuổi được cử thay thế tướng Andom điều khiển Chính-phủ. Và ông Tướng này cũng vội tuân lệnh Thiếu tá Mengistu gọi thêm 7000 quân tới dẹp loạn tại tỉnh Eritrée chứ không chủ trương hòa giải như tướng Andom. Quân kỷ đã đảo ngược. Và một khúc quanh đã rõ khi Éthiopie công bố chương trình

(xem tiếp trang 119)

Có gì mới trong sinh hoạt văn nghệ

Năm vừa qua, trong sinh hoạt văn nghệ có điều đáng chú ý, là giới cầm bút bỗng nhiên tự chú trọng mình một cách đặc biệt, là văn nghệ có vẻ tương như văn nghệ sĩ hơn bao giờ hết. Một phái đoàn văn nghệ được thành lập để đi thăm viếng chúc thọ một nhà thơ lão thành đã từ lâu gần như bị lãng quên. Các tạp chí văn nghệ như *tờ Văn*, *tờ Văn Học*, *tờ Thời Tập*... dành nhiều số đặc biệt cho những tác giả đang còn sống. Cho nên trong nhiều tháng liền, người ta trông thấy ở các quầy sách, các sạp báo, bên cạnh những tờ báo in hình Thanh Nga, Hùng Cường vv... có những tờ báo khác in các bức ảnh to tướng của Bình nguyên Lộc, Mai Thảo, Vũ Hoàng Chương, Doãn Quốc Sỹ vv.. Kẻ viết bài này nhờ hảo ý của bạn bè cũng có dịp được trình diện người qua kẻ lại các phố phường trong một trường hợp như thế. Hình ảnh to tướng, tên tuổi cũng in đậm bằng chữ to tướng ngoài bìa.

Tóm lại, giới văn nghệ bỗng làm rùm beng về giới văn nghệ. Và điều đó hình như có một ý nghĩa đáng thương.

Thật vậy, sự phô trương ồn ào, sự chú trọng đến mình nhiều quá, thương khi là đều đáng ghét; nhưng ở đây thì không có thể. Ở đây chỉ có cái gì như là một sự kêu la chói

vời, một cố gắng chồi dậy trước nguy cơ bị nhận chìm.

Một vị chủ trương một tạp chí văn nghệ từng tiết lộ rằng quả là ông có chủ trương tung cao hình ảnh cùng tên tuổi các văn nghệ sĩ để kêu gọi sự chú ý của xã hội; nếu không thế, giữa những biến cố dồn dập về chính trị, về quân sự, về kinh tế v.v... của thời này, người ta chỉ biết nói đến chuyện sống chết, chuyện tiền bạc, chuyện ông tướng này, trận đánh kia, áp phe nọ... chẳng ai buồn nghe chuyện về một tác phẩm, một tác giả, chuyện văn với thơ..

Văn học nghệ thuật đang mất dần vai trò trong sinh hoạt xã hội. Cứ xem số lượng ấn hành các tạp chí văn nghệ, các tác phẩm văn nghệ trong những năm gần đây, người ta có cảm tưởng như thế. Số người biết chữ, số sinh viên học sinh mỗi năm mỗi tăng, tăng nhiều, vậy mà sau năm mười năm, số báo văn nghệ in ra mỗi kỳ không tăng thêm lại còn trụt giảm, sách văn học nghệ thuật in ra mỗi cuốn không nhiều bản thêm lại còn ít đi. Tạp chí văn nghệ trước kia in chừng năm sáu nghìn số mỗi kỳ, bây giờ còn được ba bốn nghìn chẳng? Sách, trước ấn hành đôi ba nghìn bản, bây giờ thì tẻ hơn nhiều. Tẻ đến nỗi trong giới văn nghệ gần đây có cái lối in những «ấn bản cho thân hữu»: sách viết xong, bỏ đi

cũng uồng, in ra thì chẳng có nhà xuất bản nào chịu in, mà có in được cũng chẳng bán cho ai, bèn bỏ tiền « thực hiện » lấy từ dăm bảy chục đến một vài trăm bản, gửi bạn bè xem chơi. Cuối thế kỷ thứ XX, chúng ta đang lăm le tiến về hình thức bản thảo chép tay luân lưu trong vòng hạn hẹp của thời trung cổ.

(Tưởng cần nói rõ là đây không phải lối in sách dành cho các mầm non văn nghệ. Các nhóm « Con Đường », « Ý Thức », « Văn Mới » v.v... đã qui tụ những tác giả như Tạ Tỵ, Bùi Giáng, Nguyễn Mộng Giác, Văn Quang, Hoàng Anh Tuấn v.v... Như thế, chính những kẻ từng có sách in năm ba nghìn bản, bây giờ đi vào con đường phổ biến dăm bảy chục bản cho thân hữu.)

Một số sự việc xảy ra cho thấy như thế là ngoài các người văn nghệ ra không còn mấy ai đọc tác phẩm văn nghệ nữa, và ngoài các người văn nghệ ra cũng không mấy ai buồn chú ý tới văn nghệ nữa.

Cái cổ găng rùm beng đáng thương là vì vậy.

oOo

Không phải là gần đây không có ai đọc gì. Trái lại. Mới đôi ba năm trước, thiên hạ đọc Kim Dung kinh khủng, rồi đọc truyện trinh thám gián điệp dịch của Tây phương, rồi mê Quỳnh Dao như điên, rồi đọc truyện Hitler hành quân thần sầu quỷ khốc, Hitler thiêu xác Do Thái, đọc truyện Papillon vượt ngục v.v... Hiện nay thì mọi thứ đều kệt cứng

cả không nói làm gì, chứ mới hồi đầu năm những sách loại ấy số in vẫn còn nhiều, số người đọc còn nhiều hơn nữa, vì là đọc sách mượn ở khắp nơi trong các đô thị. Có nghề cho mượn sách tức là có nhu cầu đọc sách khá lớn lao.

Chuyện cho mượn sách có hồi phát triển cực mạnh cực nhanh, đã đánh dấu một giai đoạn trong sinh hoạt văn nghệ ở ta, đã được đề cập tới nhiều lần trên báo chí. Chuyện ấy cho thấy quả thật mấy năm sau này số người đọc tăng lên nhiều, dù không rõ có theo kịp tỷ lệ tăng gia của dân số, của số sinh viên học sinh chẳng.

Như vậy, độc giả có tăng mà một loại sách báo lại giảm : vấn đề không còn đơn giản nữa.

Loại văn phẩm bị giảm sút là loại không thấy ở các hàng sách cho thuê : các sách khảo luận, các thơ truyện của Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Sa v.v... Chẳng hạn. Không phải là người ta không cho thuê được những đại danh : có L. Tolstoi, có E. M. Remarque, có P. Buck v.v... Tuy nhiên có Soljenitsyn mà không có Lê Quý Đôn, có Tolstoi nhưng ít có Malraux. Sách Mai Thảo cho thuê là những sách *Sống chỉ một lần*, *Hạnh phúc đến về đêm* v.v..., chứ không phải là *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời*.

Sách cho thuê phải có chuyện : chuyện thật, chuyện giả, chuyện ly kỳ huyền hoặc, chuyện lâm ly ước át v.v... Sách cho thuê đọc phải lôi cuốn, hấp dẫn : danh tác hay không

danh tác, miễn là có thể giải trí. Vì đó đúng là cái nhu cầu của một thời.

Có một thời khác, người chủ trương tạp chí *Văn* nhằm đến hạng quần chúng độc giả « ham đọc, hiểu học, tra suy nghĩ ». Chỗ nhằm của ông không phải không có lý: Hồi ấy, năm 1964, và có lẽ suốt cả thời gian chín mươi năm trước đó, hình ảnh nổi bật của người độc giả tiêu biểu là hình ảnh một con người như thế. Tức người độc giả đã hoan nghênh, đã tạo nên tiếng tăm các tờ *Sáng tạo*, *Thế kỷ 20*, *Văn nghệ*, các sách của *Quan Diêm*, *Giao Diêm*, các tác giả như Thanh Tâm Tuyền, Mặc Đỗ, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu v.v. Ngôn ngữ thời thượng bấy giờ đầy những tiếng như: suy tư, dẫn vật, khắc khoải, hoang mang, hiện hữu v.v...

Thế rồi, bấy nhiêu danh từ bắt đầu rơi rụng dần dần từ khi Kim Dung xuất đầu lộ diện; và sau khi trải qua một thời đại Quỳnh Dao nữa thì chúng tưởng chừng mất dạng.

Giữa người độc giả « tra suy nghĩ » thời đó với người độc giả đi tìm thú tiêu khiển bây giờ, chúng ta mừng tượng hai phong thái khác hẳn nhau. Có lẽ họ cũng thuộc vào những thành phần khác nhau nữa.

Chúng ta đã nói đến mức tăng gia về số lượng người có học trong xã hội; ngoài ra, vào khoảng những năm từ 1966, 67 về sau, binh sĩ ngoại quốc vào nước ta đông đảo, cuộc sống xã hội cũng có những thay đổi liên quan đến sinh hoạt văn nghệ. Chẳng hạn người bình dân đô thị

làm ăn dễ dàng, có nhiều cơ hội kiếm ra tiền bạc: mức sống lên cao, họ có thì giờ và phương tiện để tiêu khiển, họ đọc sách đọc báo, Có thể vào những năm ấy thế giới quần chúng độc giả ở nước ta được mở rộng, bao gồm thêm nhiều thành phần trước đó chưa tham dự vào. Người ta có những lời nói khinh bạc về một vài hạng độc giả mới: hạng « các em », hạng « sến » v.v... Thật ra, các cô thợ may, thợ uốn tóc, các cô bán hàng, các cô cậu trong những gia đình làm công, làm thợ, .. đều có thể thuê Kim Dung, Quỳnh Dao về giải trí, để nói năng cho hợp thời thức.

Thành phần mới trong quần chúng độc giả, do số lượng đông đảo, đã làm chủ sinh hoạt văn nghệ. Hạng độc giả « tra suy nghĩ » có lẽ vẫn còn đó, nhưng bị lu mờ.

Thành thử từ cuối những năm 60 đến nay, người độc giả ở ta có thay đổi về thành phần, phong thái.

oOo

Và hình như người độc giả cũng thay đổi về tuổi tác nữa. Người ấy mất tuổi.

Các người đọc Nguyễn Mạnh Côn, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan v.v... sau cuộc ngưng chiến 1954 là những con người đầy ưu tư. Hoặc bận tâm về thời thế, hoặc thắc mắc về vấn đề ý nghĩa cuộc sống, về đường lối chính trị, hoặc ít ra cũng băn khoăn theo dõi sự tìm kiếm một đường lối sáng tác... (ngay đến cả những bạn đọc

Văn hóa ngày nay của Nhất Linh, họ cũng không vượt được thời gian mà thành thời hoàn toàn). Chúng ta hình dung đó là những con người trên dưới ba mươi tuổi. Những độc giả của *Đem tâm tình, viết lịch sử*, *Bốn mươi*, *Thần tháp rùa* vv., có thể còn cao niên hơn. Dĩ nhiên, đó là nói về cái tuổi tâm tình, không phải là tuổi đời.

Sau đó, thế hệ các độc giả của Nguyễn thị Hoàng, Hoàng ngọc Tuấn.. thuộc tuổi đôi mươi. Và đến lớp độc giả báo *Tuổi ngọc* và sách của Duyên Anh, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện... thì họ còn ở lứa tuổi thích ô mai.

Duyên Anh là trường hợp mới mẻ trong văn học ta : trong những năm 50 không có một tác giả như thế, trong thời tiền chiến không có, và trước đó thì ở xứ ta lại càng không bao giờ có một nhà văn của tuổi thiếu niên. Hình như chỉ đến giai đoạn này các nam nữ thiếu niên Việt Nam mới có một tầm quan trọng đáng kể trong sinh hoạt văn nghệ.

Cái mới của thời kỳ sau 1954 là nhóm *Sáng tạo*, cái mới của những năm gần đây là tờ *Tuổi ngọc*. Cần gì phải có một chủ thuyết, đường lối, lý luận văn nghệ mới, mới được kể là mới ? Mở rộng biên cương tuổi tác cho quần chúng văn nghệ, đó cũng là một biến cố quan trọng chứ.

Thiếu niên không ngẫu nhiên mà giành được chủ động trong một lãnh vực sinh hoạt ở xứ ta. Dường như chuyện ấy có ít nhiều liên quan với những chuyện khác xảy ra đây đó.

Cuộc cách mạng văn hóa ở Hoa Lục đưa lên sân khấu chính trị một lực lượng lớn lao những vệ lính đỏ rất trẻ, cuộc cách mạng văn hóa ở Tây phương cũng làm nổi bật vai trò của lớp teen-ager. Mặc khác, các thiếu niên thiếu nữ ngày nay có nhiều tiền túi hơn những bạn đồng lứa các thời trước, họ có khả năng tiêu thụ hàng hóa trên thị trường hơn, do đó có quyền được xã hội chú ý hơn, săn sóc kỹ hơn : và sách báo là một món hàng.

(Nhạc phẩm cũng vậy. Cho nên trong khi văn chương ca ngợi tuổi ngọc, tuổi hoa thì bên âm nhạc cũng có cả một « cao trào » nói lên cái tâm tình của tuổi sợ ma, tuổi biết buồn, tuổi ngu ngơ, tuổi..., tuổi... Có lẽ từ thuở nào tới giờ, trong lịch sử chưa bao giờ tuổi thiếu niên được khoác nhiều mỹ danh, biệt danh đến thế).

oOo

Nói đến sự chiều chuộng của giới sản xuất đối với giới tiêu thụ, người ta không khỏi nghĩ đến cái chuyện ngộ nghĩnh : độc giả đã làm trẻ lại nhiều tác giả.

Người đọc giả « tra suy nghĩ » hẳn là những người thuộc nam phái. Nét ưu tư ấy không thích hợp với lớp độc giả về sau này, lớp độc giả ưa những câu chuyện nhẹ nhàng, ướt át, tình tứ hơn : lớp này vừa trẻ hơn, lại vừa có nhiều nữ tính hơn.

Và để thích ứng với chuyển biến ấy, có những tác giả cũng tự mình biến chuyển. Mai Thảo của *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời* là một người đàn ông ưu tư, nhưng Mai Thảo

của Gần 17 tuổi, Sống chỉ một lần v.v.. lại thích hợp với nữ phái hơn. Từ Viên Linh của *Cảnh tượng đêm nay* đến Viên Linh của *Hạ đỏ có chàng tới hỏi, Tình gương ý lược...*, cũng có sự chuyển hóa từ nam ra nữ như vậy.

Có lần Duyên Anh trao cho một nữ nhân vật (trong *Hoa thiên lý*) câu nói chí lý: « Con gái không ưa chuyện gì hơn chuyện yêu đương. Vũ cứ dắt dẫn tôi vào đường lối suy tư mỗi một. » Vũ thật hồng kiều! Nhiều nhà văn đã làm trái lại và gặp thành công bên phái yếu: bằng cách dắt các nàng rời bỏ đường lối suy tư mỗi một trên ngọn đỉnh trời bước xuống những chuyện yêu đương ra rít.

Nhã Ca thì tất nhiên bao giờ chị cũng vẫn là một người nữ. Nhưng từ *Bóng tối thời con gái, Đêm dậy thì...* đến các tác phẩm trong tủ sách *Trăng mười sáu*, chị đã từ tuổi thanh niên xuống tuổi các thiếu nữ.

Thật vậy, trong những cuốn truyện đầu chị tố cáo các thảm trạng xã hội, chị gào thét, hăm học. Bây giờ, chị... « hiền như mực tím »! (1) Ấy, lớp « tuổi hồng vô cánh » (1), lớp tuổi trong trắng, đầy ước mơ hứa hẹn, đâu có thích nghe chuyện đen tối, nghe giọng dữ dằn!

Thành thử mười lăm năm trước Nhã Ca viết văn cho những người cùng lứa, bây giờ chị viết cho đàn em bé: tâm hồn chị theo thời gian như lắng dịu dần, lời lẽ chị không còn cay đắng gay gắt nữa.

Và ngay như Duyên Anh, anh cũng bắt đầu (*Hoa Thiên Lý*) từ một số truyện về ái tình của lứa tuổi đôi mươi, rồi sau mới tiến hẳn về phía tuổi ngọc.

Như vậy đã có một số tác giả được độc giả nắm tay lôi kéo thân ái, và đã vui lòng chiều theo ý họ. Những tác giả ấy biết thích ứng kịp thời, biết hòa mình với thành phần chủ động trong quần chúng, cho đến gần đây vẫn được hoan nghênh; còn các tác giả khác thì loay hoay... thực hiện những ấn bản cho thân hữu!

oOo

Từ đôi ba năm nay, chúng ta thỉnh thoảng tự hỏi: Tiểu thuyết hiện đi về đâu? Mà nó có đi đứng gì không? Bên Tây phương, phong trào tiểu thuyết mới đã xẹp mà không có hậu: Sau đó chẳng còn thấy trường phái chủ thuyết nào nữa cả. Bên ta, cũng không. Máy cây bút trẻ, xét về tài năng cá nhân thì cũng có chỗ xuất sắc độc đáo, nhưng về đường lối thì chẳng thấy có đường lối gì mới. Sơn cùng thủy tận rồi chăng?

Quả thực, về đường lối chủ thuyết không có mới. Nhưng có lẽ trong sinh hoạt văn nghệ không phải chị có cái mới trong đường lối, lý luận, là đáng kể. Nếu trong khối quần chúng văn nghệ mà có xu hướng mới, thành phần mới v.v... Chuyện ấy không có một tầm quan trọng nào cả sao? Và về phương diện ấy, ở ta, trong giai đoạn này hình như đã có

(1) Tên các tác phẩm của Nhã Ca.

thề ghi nhận một đối yếu tố mới mẽ như trên.

— Có mới lạ quái gì đâu? Chuyện quần chúng độc giả mở rộng về phía bình dân thì bao giờ chẳng vậy? Xưa nay lịch sử văn tiến theo chiều hướng ấy..

— Nhưng có lúc nhanh lúc chậm. Có lúc tiến từ từ êm ru từ thế kỷ nọ sang thế kỷ kia không gây chú ý, có lúc lại gia tốc đột ngột. Trong lịch sử văn học có được bao nhiêu lần quần chúng « xôn nhập » ồ ạt vào địa hạt văn nghệ, xoay chuyển cả chiều hướng sáng tác? Cho mượn sách, chuyện ấy từng được gọi là một phong trào, một hiện tượng. Tức là một cái gì bất thường.

— Vấn đề vai trò phái nữ trong quần chúng độc giả cũng là cũ riết. Ở đâu mà chẳng vậy? Bên Pháp từ năm 1960, đối với cái thắc mắc « Qu'est ce qu'un lecteur? » F. Nourricier đã đáp: « C'est une lectrice » Người đàn bà đây đó đều tiến lên làm chủ thị trường sách báo, có riêng gì xứ ta?

— Chắc chắn thế, xứ ta không có lý do để thành một trường hợp đặc biệt. Và lại mở rộng quần chúng văn

nghệ, chuyện ấy đâu có thể hiểu được là mở về phía thượng lưu trí thức? Dĩ nhiên chỉ xảy ra được sự mở rộng về phía những thành phần bấy lâu chịu thiệt thòi: phụ nữ, thiếu niên. Cho rên chuyện độc giả mất tuổi dần dần cũng không cần phải chứng minh là phát giác xoàng xĩnh. Có điều không phải vì là diễn biến thuận chiều, hợp lý mà nó không đáng kể, không đáng ghi nhận. Hợp lý đâu phải là một cái lỗi.

— Một mặt bảo rằng có sự mở rộng quần chúng độc giả, một mặt lại bảo văn nghệ đang lâm nguy đáng thương, kêu la chới với v.v... Như thế là diễn biến hợp lý?

— Chuyện báo văn nghệ mất độc giả và chuyện ấn bản cho thân hữu là những chuyện có thật, phong trào cho thuê sách cũng là chuyện có thật nữa. Một loại văn phẩm này gặp khó khăn trong khi một loại khác phát triển: như thế có gì không hợp lý? Một giai đoạn tiêu khiển tiếp theo một giai đoạn suy tư: như thế có gì không hợp lý?

VÕ PHIẾN

11-74

Đầu Xuân đón đọc:

BÍ MẬT DẦU LỬA

của NGUYỄN HIẾN LÊ

NHỮNG CUỘC SĂN RỪNG RỌN

của MINH QUÂN và PHƯƠNG BA

Hai cuốn sách không thể thi « trong tủ sách của các em, do nhà xuất bản MINH ĐĂNG ấn hành.

Nghĩ về Thơ, Truyện 1974

Năm ngoái, khi nhận định về sự phát triển bất quân bình giữa sách dịch và sách Việt, tôi liên tưởng đến cái thế khập khiễng của sinh hoạt văn học Việt Nam 1973 trong mấy câu thơ của Nguyễn Huy Chương (1). Thú thực lúc ấy tôi đã lúng túng. Thay vì nhận định về những-điều-đã-có, tôi phải bàn về những điều đáng-lẽ-phải-có: sự xúc động trước khúc quanh trọng đại của lịch-sử, phận sự xét lại toàn bộ thảm trạng của dân tộc, ước vọng hòa bình và nhân bản v.v... Chẳng lẽ những đám cháy những tiếng nổ vang động ngút trời, giọt nước mắt âm thầm của người vợ chờ, nụ cười buồn hiu của kẻ trở về ngóng đợi thân nhân trong vòng rào trại an-đrông, cả đến ước vọng dè dặt của những kẻ hồi cư trên nền nhà đồ, tất cả cảnh huống tâm trạng đó không đủ cường độ tác động lên tâm hồn nghệ sĩ chăng? Tôi đã rón tìm lời giải thích trong mớ hỗn độn của sách dịch, và ở khoảng cách quá gần gũi giữa cuộc chiến chưa tàn và người quan sát ghi nhận là nghệ sĩ — Những đám cháy nhỏ giữa hai buổi hội ở trại Davis vẫn còn đe dọa những người hết tin ở thiện chí hòa bình của kẻ nắm quyền dự hội. Và trong lo âu, hoang mang chờ đợi, người cầm bút có quyền viết tình ca.

Năm nay, nhìn lại số lượng và nhan đề các dịch phẩm, tôi càng lúng túng hơn. Gheorghiu, Remarque, Böll trong năm 1973 còn giúp ta xét lại bản chất cuộc chiến. Gibran, Tagore, Hesse đưa ta đến đầu đường của một sinh lộ mới. Tolstoi, Dostoievsky, Steinbeck, Thomas Hardy, Moravia mang thêm phù sa cho văn học miền Nam, chuẩn bị cho một mùa gặt hứa hẹn nhiều hơn. Giải thích như vậy có vẻ thỏa đáng, nhất là gần như hầu hết các tuyệt-tác-phẩm văn chương thế giới đều được dịch ra Việt ngữ. Nhưng làm thế nào hiểu được từ cao trào dịch thuật ấy, sang năm 1974, các nhà xuất bản chỉ cho phát hành những dịch phẩm gọi ọc tò mò: cuộc đời những tên đồ tề

phát xít, các trận đánh hay các cuộc tàn sát phi nhân, rồi lạ lùng hơn hết, là cuộc đời của các nữ hoàng. Thời thì đủ hết các bà hoàng hậu, từ Tây ban nha, Pháp, Anh, cho đến Trung Hoa v.v... Trong khi đó thì số lượng sách Việt được xuất bản cũng ít ỏi, ẻo uột như năm 1973, có thể nói là ít ỏi, ẻo uột hơn.

Những phát ngôn viên ít nói

Mỗi giai đoạn lịch sử đều có những phát ngôn viên thích hợp. « Mỗi lớp người chỉ có một vấn đề chủ yếu. » Đối với văn nghệ sĩ, điều đó càng rõ rệt hơn. Bởi vì sáng tác không phải chỉ dùng lý trí, mà còn vận

(1) Bách Khoa Tết Giáp Dần số 402-403 (A, B).

dụng cả tình cảm thiết tha, cả kinh nghiệm sống, cả những kỷ niệm tích lũy tận trong tiềm thức... (1) Dù là người cầm bút hay là người đọc, trong suốt cuộc đời dài, chỉ có một giai đoạn nào đó ghi đậm dấu vết lên tâm tưởng và chuyển hướng qui định cả đời sống mình. Về cuống quít e ấp của mỗi tình đầu, những kinh nghiệm chưa chát và đa diết của thời hoa niên, kỷ niệm phảng phất mờ mịt mà trường cửu của những lúc sống hết cung bậc của nghĩa sống, chính là chất liệu sáng tạo và sức quyến rũ huyền nhiệm của nghệ phẩm đối với người đọc — Nếu căn cứ vào cuộc hôn phối đầu tiên, mỗi tình đam mê ban đầu với cuộc đời này cho những người viết, chúng ta có thể phân định được thế hệ, khuynh hướng, lần tìm được các chuyển biến của tâm tư, khám phá được phát ngôn viên tiêu biểu của thời đại.

Năm 1966 với phương pháp ấy. Võ Phiến đã phân định ba thế hệ nhà văn :

* Thế hệ già là lớp mà tuổi thanh niên và thời kỳ sáng tác dồi dào nhất thuộc giai đoạn tiền chiến (Vũ Hoàng Chương, Quách Tấn...)

* Thế hệ trung niên trải qua thời trẻ tuổi tha thiết và sôi nổi trong kháng chiến, rồi dùng chất liệu đó cho việc sáng tác sau năm 1954 (Nguyễn Mạnh Côn, Mai Thảo, Doãn quốc Sỹ, Sơn Nam. Võ Phiến, Vũ khắc Khoan v.v...)

* Thế hệ trẻ đạt tới tuổi trách

nhậm sau hiệp định Genève. Trong kháng chiến họ chỉ là những trẻ thơ, lớn lên đã được lịch sử lựa sẵn cho thế đứng, nên thoát khỏi các dằn vặt đau lòng về chính trị như thế hệ trung niên. Nhưng ước vọng lý tưởng của tuổi trẻ va chạm phải cái thực tế của xã hội trước mắt. Cho nên lời viết của họ biểu lộ sự bất mãn, sự lạc hướng (Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Thế Uyên, Nhật Tiến, Viên Linh)

Từ 1966 đến nay, thời cuộc biến chuyển dồn dập, chiến tranh đạt đến cao độ của thảm khốc, xã hội đạt đến cao độ của phân hóa, thì chắc chắn trong giới nhà văn phải có thêm một hai thế hệ nữa. Mà khoản thời gian cho mỗi thế hệ cũng phải rút ngắn lại, vì thế hệ trung niên có thể nhân nhả với tốc độ của Bearcat B 29 thì thế hệ hiện đại phải hồi hã bảo tồn sự sống trước tốc độ của F 111 và B 52. Bốn năm thế hệ nhà văn ấy vẫn còn hiện diện vẫn còn tiếp tục viết trong năm 1974 này. Thế thì họ đã nghĩ gì, đã viết gì đã cho xuất bản những gì trong suốt một năm dài ? Và thế hệ nào, nhà văn nào mới đích thực nhận vai trò phát ngôn viên cho tình thế nhì nhằng đặc biệt này ?

Thế hệ của Vũ hoàng Chương chẳng ? Tập tùy bút *Ta đã làm chi đời ta*, nhan đề lấy từ một câu thơ của *Vân Muội*, làm cho độc giả nao nức mơ thấy một chàng Hoàng lang thoát xác, hết than oán :

(1) Võ Phiến. Tập bút, Tri Đăng xuất bản, trang 236.

*Nhớ thuở xưa chưa có ta thì đường
đi thênh thênh
Kịp đến khi có ta là chông gai mông
mênh
Cuồng vọng cả mà thôi, bốn phương
đều vương mắc
Ba mươi năm trên vai mà trống
không bình sinh (1)*

vì đã tìm được hào khí lên đường
Nhưng không, chúng ta đã lầm. Tập
tùy bút (hoặc hồi ký) chỉ cho ta
thấy chàng Hoàng lang quen thuộc,
trong những năm sôi nổi sau mùa
thu chỉ lo « hát và hút ».

Thế hệ trung niên của Nguyễn
manh Côn chẳng ? Không ! Gần như
các nhà văn thuộc thế hệ này đã giữ
im lặng, suốt năm 1974. Võ Hồng,
Nguyễn Mạnh Côn không có sách
xuất bản suốt hai năm qua, Doãn
Quốc Sỹ, Sơn Nam, Võ Phiến, Bình
Nguyên Lộc cũng không xuất bản
truyện, mà tiếp tục viết tiểu luận,
khảo cứu. Chỉ còn có Mai Thảo tiếp
tục điều khiển tạp chí Văn, và xuất
bản các truyện dài đã đăng nhật báo,
nhưng tiếng nói của Mai Thảo đã
khác, khác với thế hệ mình và khác
với tâm tư thời đại.

► Vậy thì phải đến thế hệ của
Dương Nghiễm Mậu ? Cũng không !
Trong các bài tạp ghi trên Sóng Thần
và Thời Tập, người đọc vẫn tìm thấy
cái ray rức cũ của nhà văn này, nhưng
thoang thoáng đằng sau lời văn, có cái
gì ư ử và hơi chán chường. Suốt
một năm qua, không có truyện của
Dương Nghiễm Mậu, Thế Uyên,
Viên Linh. Nếu kể cả những tác giả
xuất hiện từ thời có tạp chí Văn
Nghệ, Hiện Đại trở về những năm

1966, 1967, chúng ta ghi nhận thêm
Nguyễn Đình Toàn với quyển *Bố Hoa*,
Du Tử Lê với *Với nhau*, một ngày
nào, Nhã ca với các truyện dài cho
« Bé Yêu »... Nguyễn Thị Hoàng với
Cuộc tình trong ngục thất, *Buồn như
đời người*, *Chút tình xin lãng quên v.v..*
Phần đông các nhà văn thế hệ này,
trong các tác phẩm xuất bản năm 1974,
đã biến đổi đã lìa xa cái nguồn đam
mê và sức quyến rũ huyền nhiệm
ban đầu. Nguyễn Đình Toàn xa « Mặt
đăng » Nhã Ca xa « Đêm nghe tiếng
đại bác » và « Bóng tối thời con gái »,
Nguyễn Thị Hoàng xa « Vòng tay học
trò »... Tiếng vang vọng qua một thời
tiếc nuối, tiếng nói lạ với tiếng ban
đầu chân thật, phải chăng là tiếng nói
của phát ngôn viên ?

Còn các thế hệ gần đây ? Nói
đến chữ thế hệ, e có lớn lối quá
không ? Gần như mỗi người viết là
một thế giới riêng, «những ốc đảo cô
đơn nghìn năm » (như lối dụng ngữ
những năm 1962, 1963). Tuy gần
nhau ở tuổi tác, hoàn cảnh, tâm tư,
nhưng những người viết lớp mới
chịu ảnh hưởng của sự phân hóa
cùng cực, chỉ đề cập đến những điều
ít gây lời thôi nhất, « cho nó yên ».
Kết quả là lớp người mới lâu lâu
giống lên một tiếng đàn chuông lẻ loi,
không thành được một hợp tấu-khúc :
Trần Hoài Thư với *Một nơi nào để
nhớ* Lữ Quỳnh với *Sông sương mù*
và *Những cơn mưa mùa đông*, Hoàng
Ngọc Tuấn với *Hàn lễ*, Mùng Mán
với *Lá tương tư* và *Một chút mưa*

(1) Vũ hoàng Chương. Văn Mười Nguyễn
Đình Vương xb trang 10.

thơ, Nguyễn Thanh Trinh với Ví dụ ta yêu nhau v.v... Bản chất đa dạng và phức tạp của các tác phẩm lớp mới này, khó lòng tổng hợp thành một tính chất chung, xác định một khuynh hướng như Võ Phiến đã xác định cho ba thế hệ trước. Nếu có một nét chung, đó là sự rời rạc, cô độc của từng tác giả, từng tác phẩm.

Không tìm được tiếng nói tiêu biểu cho tiểu-thuyết 1974, chúng ta đành ghi nhận các tiếng động ồn ào vậy. So với lượng tiểu thuyết 1973, lượng tiểu thuyết 1974 đã kém cỏi. Trên thư mục tiểu thuyết năm nay, các nhà phê bình khó lòng tìm được niềm lạc quan. Trong khi đó, loại truyện giải trí phổ thông tràn ngập thị trường. Chưa có năm nào loại truyện này chiếm ưu thế như năm 1974. Các tác giả Nhã Ca, Duyên Anh, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện, Mùông Mán đã vận dụng tất cả tưởng tượng và tài ngôn ngữ để làm đẹp lòng các bé yêu mười lăm mười sáu, trong khi Lê Hằng, Dung Sài Gòn, Võ Hà Anh, Chàng Nguyễn, Đạt Cô Đơn làm ngán bết thì giờ chờ đợi các độc giả phòng khuê, và chuyện tri h thim đây trong học bàn các ông công chức rồi việc.

Ghi nhận cuối cùng về truyện 1974 là sự xuất hiện của hai tuyển tập đồ sộ: *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta* do Nguyễn Trọng Ngạc chủ trương, và tuyển tập *Không quân thời chiến*. Tuyển tập này là một cố gắng đáng phục về nội dung lẫn hình thức, nếu không có cái nhan đề nặng phẩn quảng cáo.

mất hẳn ý nghĩa sự cố gắng, còn tuyển tập dưới là thể hiện niềm tự tôn và tình đồng đội một binh chủng.

Số lượng tiểu thuyết xuất bản năm 1974 ít ỏi, tiêu điều, và trong cái tiêu sơ ấy của truyện Việt, chúng ta chỉ tìm thấy những phát ngôn viên lặng lẽ. Có cái gì phi lý và bi đát trong đó, giống y các vở kịch của Ionesco và Beckett.

Thời của những tình ca

Ở Việt Nam, kịch của Ionesco và Beckett không có khán giả. Sân khấu trống, tiếng nói của im lặng, những cái đó xa lạ quá. Phải có một cái gì trên sân khấu, cái gì vui vui, coi xong rồi bỏ (hoặc trả lại cho tiệm cho thuê để lấy tiền cọc). Nhu cầu ấy của người đọc làm phát sinh hiện tượng tràn ngập của loại truyện tình phổ thông trong năm 1974. Nhưng không biết nhu cầu đó có ảnh hưởng đến chiều hướng thi ca năm 1974 hay không?

Có lẽ không! Vì tiếng nói của thơ, tiếng nói tình khôi của ngôn ngữ, mầm non luôn luôn mơn mớn của thảo mộc tiếp nối tăng trưởng hình thành, luôn luôn hàm chứa tương-lai-tính. Thơ phủ nhận tính toán, mặc cả. Và các thi sĩ 1974, giống như thi sĩ của mọi thời đại, sau khi quặn-thắt vì sáng tạo, lại phải vất vả đọa đầy vì lo xuất bản tập thơ của mình. Hầu hết nhà thơ đều tự xuất bản tác phẩm, và số ấn bản không quá một nghìn. Nói đến ảnh hưởng của thương mại lên thi ca, là đã phần nào phỉ báng thi ca.

Nhưng kiểm điểm, phân loại các

thi tập xuất hiện năm nay, chúng ta sẽ thấy được những hiện tượng, những biến chuyển đặc biệt.

Trước hết, nguồn thơ lấy hứng từ không khí cổ điển, có nhiều đạo vị đã giảm bớt so với các năm trước. Ánh mây trên trời xanh, chùa cổ bên sông, khóm trúc, giày cỏ và thiền vị bàng bạc trong hơi sương, giọt nắng... chỉ còn tìm thấy trong thi tập các nhà thơ tiền chiến còn lại như *Gãy hoa cúc* của Mộng Tuyết, *Chúng ta mất hết chỉ còn nhau* của Vũ Hoàng Chương, trong thi tập các nhà thơ đạo học trẻ hơn đã tạo được uy tín vững vàng từ nhiều năm qua như *Trúc Biếc* của Đặng Tấn Tới, *Hội hoa đàm* của Phạm Thiên Thư; hoặc trong tập thơ đầu của một tên tuổi mới, tập *Gọi thăm* của Nguyễn Ngọc Hạnh. Sau bao nhiêu cái ồn ào, như đòi hỏi của chính khuynh hướng này, đạo vị trầm xuống, lặng lẽ, cô độc. Vì in tận bên Pháp (nhà xuất bản "Rừng Trúc" của Thi Vũ) hoặc ấn bản ít ỏi ("*Trúc Biếc*" chỉ in 100 bản), nên nguồn thơ này, năm nay, giống như vẻ đẹp cô độc của một vầng trăng lạnh đầu non đoài, một đêm khuya thanh vắng.

Nguồn thơ lấy chất liệu từ lịch sử, thi tập những người trẻ ước vọng gióng lên tiếng nói chính thức của thời đại, y như mọi năm, chỉ được xuất hiện lén lút và lẻ loi. Hầu hết các tập thơ loại này chỉ được in giới hạn, và phổ biến trong vòng thân hữu. Chắc chắn có rất nhiều tập thơ nhiều thời-sự-tính được phát hành đồng thời với các vận động

chính trị mà sau này các nhà phê bình văn học phải có phận sự sưu tập bảo tồn. Một vài tập tiêu biểu phổ biến khá rộng rãi như *Thơ Đỗ Nghê*, *Bếp lửa còn thơm mùi bã mía* của Lê Ký Thương *Vào một thời im bóng* của Lê Văn Ngăn. Những tác giả này không xa lạ gì với độc giả vì đã từng đăng nhiều thơ trên tạp chí từ 1966 đến nay. Tuy nhiên, các thi tập trên được xuất bản, ngoài việc xác định chỗ đứng của nhà thơ trong sinh hoạt văn học, còn nhắc nhở cho chúng ta nhớ rằng vẫn luôn luôn còn đó một nguồn thơ mãnh liệt từng là niềm hãnh diện của dân tộc, nguyên tố của sức mạnh tiềm tàng của đất nước. Nếu so thơ đạo với hình ảnh vầng trăng lạnh lẻ loi trên trời khuya, an nhiên tự tại, thì ta cũng có thể so nguồn thơ thứ hai như những nhịp sóng đập vào eo biển, nhắc nhở nhịp đập của trái tim dân Việt:

Sóng vẫn đập vào eo biển

Tiếng sóng dịu dàng và

cương quyết

Tiếng sóng chất chứa những gì khiến

tôi xác tín một điều

Vầng trăng ấy

*Chẳng có sức mạnh nào lay
chuyển được*

*Quê hương quê hương nơi trái tim
tôi rung động dưới bầu trời đầy sao*

*Nơi tôi muốn được nhắm mắt dưới
lòng đất quen thuộc (1)*

Cuối cùng phần phong phú nhất cho thi ca 1974 vẫn là tình ca, phong phú cả phần lượng, lẫn phần phẩm

(1) Lê Văn Ngăn, *Vào một thời im bóng* Thị Nại xb 1974 trang 15.

Mới chỉ kể sơ những thi tập phát hành được ở Saigon, chúng ta đã thấy : *Tạ ơn những giọt sương* của Phạm Cao Hoàng, *Thiên Nga trên ngọn đỉnh trời* của Vương Đức Lệ, *Bài thơ cho ai* của Minh Đức Hoài Trinh, *Bi ca* của Lê Miên Tường, *Đời mãi ở phương đông* của Du Tử Lê, *Ngày xưa người tình* của Phạm Thiên Thư, *Mưa bão nghìn năm* của Phan Sĩ Hòe, *Thơ tình* của Trịnh Bửu Hoài, *Thơ Kim-Tuấn*, *Thơ Bùi Đức Long*, *Suối* của Tuệ Nga, *Hợp Tuyền* Triều Linh Hoàng Hương Trang, *Giữa muôn ngàn ly biệt* của Quan San, *Thi phẩm trữ tình* của Trần Tuấn Kiệt, *Suối mây hồng* của Tuệ Mai.

Trừ Lê Miên Tường, Trịnh Bửu Hoài, Tuệ Nga, và Quan San, những tác giả xuất bản tập thơ đầu tay, còn những nhà thơ khác đã có địa vị chắc chắn trong tình ca. Tất cả mọi cung bậc của tình yêu, mọi sắc diện của người tình, nói chung cái nguồn bất tuyệt của thi ca muôn thuở được khai thác khéo léo diễn tả bằng từ ngữ óng ả nhất. Sau Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên... các nhà thơ tình 1974 góp thêm nét trầm buồn chải chuốt cho cái kho vốn đã phong phú của tình ca. Nhưng là những người đi sau, các nhà thơ 1974 đã không có được hai đặc tính mà Boris Pasternak cho là quan trọng nhất đối với nghệ thuật, đó là sự mãnh liệt và tân kỳ (1).

Tình và tiền

Không một chút chua chát, ta có thể tóm tắt tinh chất sinh hoạt sáng

tạo văn học trong năm 1974 trong hai chữ : *tình* và *tiền*.

Cả thơ lẫn truyện trong một năm qua đồng loạt ngợi ca tình yêu, từ xao động thơ ngây của các bé 14-15 cho đến các loại tình hận, tình sầu của các thiếu phụ hồi xuân. Riêng phần tiểu thuyết, đã đến lúc xảy ra một hiện tượng lạ lùng : độc giả gần như không cần biết đến tên tác giả. Chỉ cần cuốn truyện có khổ bé bông, vừa tầm lòng bàn tay «bé», chỉ cần tranh vẽ có mắt nai và tóc mây, chỉ cần nhan đề có cái tên *tình yêu*, *đôi ta*, *nỗi nhớ*, *người thương*... Còn tác giả, là Nàng Lê hay chàng Lý, Đạt Cô Đơn hay Vân Cô Độc, cũng được. Độc giả Việt Nam khao khát tình yêu đến như vậy sao, đến cái độ chấp nhận bất cứ loại tình nào, bất chấp nguồn gốc và chất liệu của nó ?

Liên minh với *tình*, là *tiền*. Hỗ trợ cho loại sách cung cấp tình yêu đủ màu đủ vẻ, là hoạt động ấn loát chú trọng đến thương mại, và hầu như đó là ưu tư duy nhất của các nhà xuất bản.

Tình yêu đã tràn lan lẫn át phần ý thức, dù là ý thức xã hội hay ý thức về triết lý, lịch sử. Thương mại đã tràn lan lẫn át phần nghệ thuật, đẩy nghệ thuật vào phần đất hẹp khiêm nhường và lẻ loi. Nghệ thuật càng ngày càng trở thành một

(1) Theo chàng, hai đặc tính đó, sự mãnh liệt và tân kỳ, đem lại thực tại cho nghệ thuật, còn lại thấy đều hão huyền, lừa dối, vô ích (Boris Pasternak — *Docteur Jivago*).

ngành chuyên môn, chỉ dành đề "phổ biến trong vòng thân hữu."

Người viết viết xong chẳng lẽ đề đó. Họ vay tiền nong, có khi giắt giành cả tiền cơm tiền áo của vợ con bè bạn, in ronéo ra vài mươi bản như nhóm *Con Đường, Sống Việt* ở Cần Thơ, hoặc vài trăm bản như *Ý Thức, Văn Mới, Nhập Cuộc*, hoặc in toàn bản quí đề trân trọng trao tặng cho khách tri âm như *Đặng Tấn Tới* và *Thi Vũ* đã làm — Khốn nỗi những Bá Nha tân thời càng ngày càng ít đi!

Phổ biến trong vòng thân hữu!

Nhưng ai là thân hữu đây? Tôi nghe nói có một đạo Bùi Giáng đã mang các tập thơ vừa in xong ra ngồi ngoài đường ký tặng tất cả những ai "may mắn" hay "rủi ro" qua đây, theo cái kiểu "Je sème à tout vent" của nhà xuất bản Larousse. Phải đến một trình độ đạt đạo nào đó, mới đủ khoan dung chấp nhận thân hữu kiểu Bùi Giáng. Còn thì tất cả người viết hiện nay đều gặp tình cảnh như *Đặng Tấn Tới*. Anh đã khổ công làm thơ. Anh đã khổ công chạy tiền, khổ công in thơ cho thật đẹp. Chưa hết. Anh còn khổ công gửi bạn đem thơ vào Saigon thuê đóng toàn bla quí. Nhưng cuối cùng, anh đã gặp một nỗi khổ to tát nhất, gặp cái tuyệt lộ, anh không tìm đủ 100 thân hữu để tặng 100 bản *Trúc Biếc*.

Nghệ thuật bị đẩy vào cái thế cô độc biệt lập nghiệt ngã như vậy sao?

Tìm cho đủ 100 thân hữu khó khăn như vậy sao? Lỗi tại ai? Chúng ta, những người cầm bút đã

không nói lên được khát vọng của thời đại, đã không chu toàn trách nhiệm phát ngôn viên? Hay lỗi về độc giả như Vũ Hoàng Chương từng than trong *Vân Muội*:

"Há vì cơm áo chẳng no lành?"

"Há vì đời không ai mắt xanh?"

Hoạt động thương mại, trong đó có ngành kinh doanh xuất bản, thị lúc nào cũng vậy, nghĩa là luôn luôn tìm cách đoạt được nguồn lợi lớn nhất. Điều ấy tự nhiên, như mặt trời lên vào buổi sáng, và lặn vào buổi tối. Nếu nghệ thuật bị đẩy vào cái thế biệt lập, quanh quẩn, phần lỗi là ở nghệ thuật và hoàn cảnh.

Thật vậy, sở dĩ chúng ta không tìm ra được đủ 100 thân hữu, là vì lịch sử đã đưa chúng ta, cả người viết lẫn người đọc đến một tình trạng phân hóa cùng cực. Số độc giả thời tiền chiến còn thuần nhất về hoàn cảnh, nên dễ thông cảm ở thị hiếu và quan niệm thẩm mỹ. Cuộc đấu tranh giành độc lập chống thực dân tự nhiên phân định độc giả thành hai phía: phía kháng chiến và phía "quốc gia". Phía kháng chiến vì ở biệt lập rải rác nên tâm tình từng liên khu không giống nhau. Kháng chiến Nam bộ giữ ý nguyên được huyền thoại bùng biến, trong khi kháng chiến ở Khu 5 và Khu 4 đã phần nào bị xoay chiều do nhu cầu cai trị và cuộc cải cách ruộng đất. Rồi những người "dinh tề" lạc lõng giữa vùng quốc gia, khác với những người di cư sau hiệp định Genève đầy đủ tự tin. Cuộc đảo chánh 1963 làm nổi bật yếu tố phân

ly tôn giáo, và các biến động chính trị liên tiếp sau đó làm nổi bật hơn nữa sự phân ly đảng phái, địa phương, ý thức hệ. Chúng ta bị cột chặt vào một hoàn cảnh rõ rệt, qui định bởi tôn giáo, quá khứ địa phương, học vấn, và càng ngày cái biên giới khắc nghiệt ấy càng thu hẹp số thân hữu có thể tặng sách quý của ta. Trong khi đó, chất liệu sáng tạo bắt nguồn từ ý thức, xúc động, kỷ niệm về một hoàn cảnh xác định. Làm sao gửi nỗi niềm cá biệt ấy đến một Bá Nha đồng thời? Làm sao hy vọng những điều mình viết là tiếng nói chính thức của thế hệ? Mà đã không tìm được đủ 100 bạn văn để tặng sách, thì người viết truyện làm thơ, làm cách nào tìm cho đủ 1000 bạn đọc cùng tâm cảnh để cảm thông?

Hơn nữa, thành phần bạn đọc trong xã hội ta là ai?

Như bất cứ xã hội chậm tiến nào, giới trung lưu trí thức, do học vấn thu nhận được, đã tách ra khỏi đa số quần chúng thất học. Do đó, nếu có một nghệ thuật đại chúng, thì nghệ thuật ấy phải lùi lại ít ra là vài chục năm (đa số khán giả Việt Nam hiện nay vẫn khoái các tuồng cải lương hơn là các vở kịch của Vũ Khắc Khoan, và ở thôn quê dân chúng vẫn tiếp tục đọc Thạch-Sanh Lý Thông, Tấm Cám chứ chưa bao giờ biết đến tên tuổi Thanh Tâm Tuyền hay Vũ Hạnh).

Giới trung lưu luôn luôn góp phần nhiều nhất vào công trình sáng tạo nghệ thuật, cũng như tiêu thụ nghệ

phẩm. "Bạn đọc" hiện nay, giống như "các thân hữu" là những trí thức trung lưu thành thị. Họ đã bị kiệt quệ về tài chánh từ nhiều năm nay, mỗi ngày mỗi trầm trọng hơn, cho nên không còn đủ khả năng để mua sách báo nữa. Cái nhóm độc giả, vì phân hóa mà ít ỏi, của mỗi nhà văn nhà thơ, bây giờ càng ít ỏi hơn do tình trạng vật giá khắc nghiệt.

Để tránh tình trạng chuyên-biệt-hóa nghệ thuật, ngành xuất bản đã phải tự xoay xở, tự cứu bằng cách dứt khoát tình nghĩa với nghệ thuật. Để tránh động chạm đến vấn đề chính kiến dễ gây ngộ nhận và phân hóa, ngành xuất bản đòi hỏi tác giả chỉ được viết tình yêu, và chỉ "tình yêu thuần túy" mà thôi.

Lớp trí thức trung lưu không có tiền mua sách nữa, thì xoay về lớp độc giả bình dân và lứa tuổi mới lớn ham đọc và tò mò: Các bé 15, 16, các chị Ba anh Tư, hoặc dư tiền mua sách hoặc dư thì giờ đến các tiệm cho thuê sách. Ngành xuất bản đã tìm được một mẫu số chung, và trong năm 1974, họ đã có lý.

Nhưng còn nghệ thuật, văn chương?

Lúc nào mới được giải thoát khỏi thế đứng cô lập lạnh lẽo này?

Chúng ta phải trở về nguyên nghĩa: Văn là vẻ đẹp, chương là vẻ sáng. Phan Kế Bính căn cứ vào đó nói đến văn chương của bầu trời, văn chương của mặt đất trước khi nói đến văn chương của loài người.

Các bậc thượng lưu thành thị lo

ăn mặc đẹp đẽ, là đã làm *văn chương* của y phục.

Các nghị viên, dân biểu, các bậc quyền thế dùng từ ngữ hay, chữ nghĩa lớn, là đã làm « *văn chương truyền khẩu* ». Đã đến chưa, mặt thời của loại *văn chương tái ký* ?

Trong lúc chờ đợi, ở tư thế lè loi nghiệt ngã, mỗi người cầm bút vẫn tiếp tục viết, tiếp tục vay tiền, tiếp

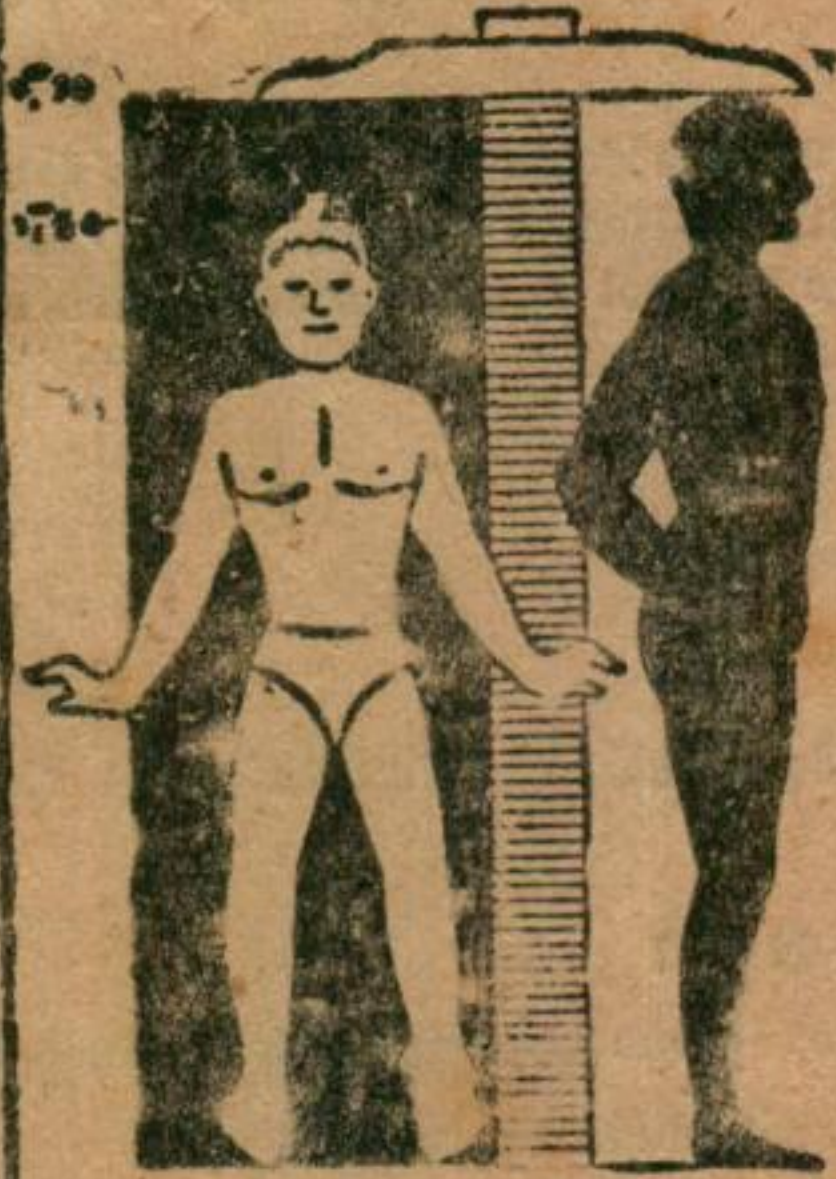
tục in thành 100 bản, 200 bản, tối đa là 500 bản sau đó tiếp tục đi tìm thân hữu đề tặng. Thật là một nghiệp dĩ, không thể hiểu được, nếu chúng ta không nghe, lâu lâu, tiếng sóng rì rầm đập vào eo biển, vang dội vào hồn ta như đã vang dội trong hồn nhà thơ Lê Văn Ngăn.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Mùa đông 1974, Sài Gòn

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



• CON NÍT MAU BIẾT ĐI

• CÙNG XƯƠNG.

• MẠNH KHỎE .

• NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .

• ÍT ĐAU RĂNG.

• YẾU PHỎI.

• MỆT MỎI .

LABCHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ!

Tìm hiểu ý-kiến về vấn-đề cải-tổ CHƯƠNG-TRÌNH TRUNG-HỌC

Đã từ lâu, nhiều người than phiền về sự bế tắc của chương-trình giáo-dục Việt-Nam, nhất là ở bậc Trung-Học. Các nhóm nghiên-cứu của Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh-Niên, các tổ-chức tư-nhân, hoặc các giáo-sư của trường Đại-Học Sư-Phạm đã đưa ra nhiều đề-nghị cải-tổ chương-trình. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một cuộc thăm dò dư-luận nào về cải-tổ chương-trình được tổ-chức qui-mô và rộng rãi để biết ý-kiến quý vị giáo chức toàn quốc, cùng ý-kiến quý báo của quý vị phụ-huynh học-sinh.

Trước viễn-tượng cải-tổ toàn diện chương-trình giáo-dục Việt-Nam, nhóm Nghiên-Cứu Giáo-Dục chúng tôi tự nguyện đứng ra đảm nhiệm cuộc thăm dò ý-kiến này, để góp một phần nhỏ cho công cuộc cải-tiến giáo-dục bậc Trung-Học.

Kính xin quý độc-giả xem kỹ bản câu-hỏi dưới đây, và hăng hái viết thư trả lời nhóm Nghiên-Cứu Giáo-Dục chúng tôi, hoặc theo địa-chỉ của Tòa Báo, hoặc theo-hộp thư 2155 Bưu-Điện Saigon.

- 1.— Chương-trình trung-học hiện hành có những ưu và khuyết điểm nào ?
- 2.— Nếu Quý Vị nhận thấy cần phải cải-tổ chương-trình trung-học, thì Quý Vị đề-nghị cải-tổ theo chiều hướng nào ?
- 3.— Trong chiều hướng cải-tổ Quý Vị đề-nghị trong câu 2, việc cải-tổ chương-trình trung-học sẽ đưa đến các hiệu-quả tốt đẹp, hoặc gặp phải các trở-ngại khó khăn nào ? Vì sao ?
- 4.— Nếu hiện tại Quý Vị là giáo-sư trung-học, dạy môn.... (Quốc-Văn, Toán, Lý-Hóa, Sử-Địa, Công-Dân, Vạn-Vật, Hội-Họa, Âm-Nhạc,...) thì theo ý Quý Vị, chương-trình môn này nên được sửa đổi ra sao, từ lớp 6 đến lớp 12 ? Xin giới-hạn trong ba vấn-đề sau đây :
 - Mục-tiêu chương-trình
 - Nội-dung chương-trình
 - Học-Liệu và trợ-huấn-cụ
- 5.— Nếu Quý Vị nhận thấy có vài tiêu-đề mới cần đưa thêm vào chương-trình trung-học, thì :
 - Đó là những tiêu-đề gì ?
 - Đưa những tiêu-đề ấy vào chương-trình lớp nào ?
 - Xin phác họa các nét chính của tiêu-đề ấy.

Vì lợi ích chung cho nền giáo-dục Việt-Nam, trong đó có ích-lợi con em Quý Vị, mong Quý Vị gửi ngay ý-kiến về địa-chỉ nói trên càng sớm càng tốt (Xin gửi TRƯỚC NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 1975).

Các ý-kiến có giá-trị sẽ được đăng trên báo và sẽ được Nhóm Nghiên-Cứu Giáo-Dục nghiên-cứu kỹ-luỡng.

Nhân loại lâm nguy

BÁO CÁO SỐ 1 VÀ SỐ 2 CỦA NHÓM LA-MÃ

Một kỉ nguyên chỉ có mười mấy năm

Mới từ đầu thập niên trước, nhân loại tràn trề hy vọng, mừng rỡ rằng nhờ khoa học mà bắt đầu bước vào một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên phong phú mà nhàn nhã, làm việc thì ít mà sản xuất mà thì dư dật, tha hồ tiêu thụ, mà cũng không hết, phải đồ đi nữa. Liên tiếp năm sáu năm, các nhà kinh tế học, xã hội học Âu Mỹ cất tiếng âu ca nền văn minh mới. Năm 1960. W.W. Rostow cho xuất bản cuốn *Các giai đoạn của sự phát triển kinh tế* (bản Pháp dịch in ở Paris năm 1963) giọng còn bình tĩnh, năm sau, cuốn *Kỉ nguyên phong phú* của Galbraith xuất hiện, giọng đã tung bừng rồi, tiếp theo là cuốn *40.000 giờ* của Fourastié (1965), rồi cuốn *Nền văn minh nhàn nhã* (1966) của một nhóm học giả do nhà Gérard et C^o ở Bỉ phát hành. Người ta tiên đoán rằng vài chục năm sau dân chúng các nước phát triển chỉ phải làm việc ba chục giờ một tuần (năm ngày, mỗi ngày sáu giờ), bốn chục tuần một năm (nghĩa là mỗi năm nghỉ ba tháng), và ba mươi lăm năm trong một đời (khoảng sáu chục tuổi đã về hưu). Như vậy có biết bao nhiêu thì giờ rảnh, biết

làm gì cho hết. Chính André Maurois trong cuốn *Thư ngỏ gửi tuổi đời mười* (1966) cũng thắc mắc tìm cách tiêu 24 giờ một ngày và 365 ngày một năm cho mọi người. Đọc sách, nghe nhạc ư? Nhưng riết rồi cũng chán. Làm ái tình ư? Nhưng ai mà làm « cái trò đú đờn trên giường, trên đi văng hoặc trên bãi cỏ » đó ngày nay qua ngày khác, suốt đời cho được? Mà rồi sẽ chết yểu. Tập thể thao? Không phải ai cũng thích thể thao. Tập một nghệ thuật như diễn kịch, vẽ, làm thơ? Phải có khiếu mới được. Cụ hàn của Pháp đó không giải quyết nổi vấn đề, và rốt cuộc, nhân loại theo các nhà kinh tế học, xã hội học thời đó, sẽ khỏi phải lo ăn lo mặc mà phải lo làm sao tiêu hết thì giờ nhàn rồi do cơ giới tặng chúng ta.

Nhưng kỉ nguyên phong phú, nhàn nhã đó mới xuất hiện được mười năm thì các nhà bác học đã cất tiếng báo động: « Nhân loại đương lâm nguy. Nhân số bộc phát ghê quá, tài nguyên trên thế giới sắp kiệt, không khí và nước đang bị nhiễm độc nặng, nếu không tốp bót sự phát triển lại thì chỉ vào khoảng 1980, một phần ba nhân loại sẽ đói, và tới cuối thế kỷ hằng tỉ người sẽ chết đói, mà trái đất sẽ không thể ở được nữa ».

Chúng ta đang sống vào ngày thứ 29.

Lời báo động đó làm cho cho chúng ta ngạc nhiên. Tại sao người ta thay đổi ý kiến mau quá vậy ? Chỉ trong có mười năm ?

N nguyên do là hầu hết các nhà bác học trước năm 1960 không ngờ tới những hậu quả ghê gớm của sự bùng phát nhân số. Từ thế kỉ thứ 3 trước công nguyên, Hàn Phi tử (-280-233), một triết gia Trung Hoa đã nhận thấy sự phát triển lũy tiến, nghĩa là phát triển theo cấp số nhân của nhân số, ông bảo lấy con số trung bình người nào sanh được năm con trai thì mỗi người con trai đó trung bình lại sanh được năm con trai nữa thành ra hai mươi lăm đứa cháu, do đó người mỗi ngày một nhiều mà của thì ít, đời sống sẽ càng ngày càng chật vật. Tới đầu thế kỉ XIX, kinh tế gia Anh Malthus lại cảnh cáo nữa, nhưng không ai cho là quan trọng, năm 1950, Robert Cook viết cuốn : *Sự mất con của loài người : tình thế tiến thoái lưỡng nan của thời hiện đại* (Human fertility : The modern dilemma) tỏ ý lo lắng cho thế giới, nhưng các nhà cầm quyền trên thế giới đều không để ý tới. Mãi tới năm 1960, nhiều nhà bác học mới bắt đầu nghiên cứu kĩ vấn đề và thấy rằng nguy cơ tới nơi rồi, chỉ còn vài chục năm để đối phó thôi. Trong cuốn *Những vấn đề của thời đại* (Mặt Đất 1974), trang 15, chúng tôi đã vẽ một đồ biểu về sự phát triển nhân số từ trước công nguyên tới nay : đường biểu diễn mấy ngàn năm trước lên rất chậm, qua thời hiện

đại bỗng vọt lên, và từ đầu thế kỷ XX, nó gần như dựng đứng. Điều đó, nhà cầm quyền nào cũng có thể đoán trước được, nhưng hoặc vì tình hình thảo vô trách nhiệm, hoặc vì coi thường như chúng ta coi thường đám lục bình trong ao, nên bây giờ mới hóa trễ.

Lục bình là loài sinh sôi nảy nở rất mau. Thời tôi còn trẻ, các ông già bà cả bảo loài đó nước ta trước kia không có ; đầu thế kỉ, một người đi dự một cuộc « đấu xảo » ở Nhật, thấy nó đẹp đem về, và đặt cho nó cái tên là sen Nhật Bản. Không ngờ chỉ vài chục năm sau nó lan khắp các ao hồ sông rạch từ Bắc tới Nam. Tôi không biết bao lâu thì một cây mẹ đẻ ra một cây con. Tôi cứ thí dụ cho dễ thấy là cứ một ngày thì một cây thành hai, hai ngày thì hai cây thành bốn... Và cái ao của chúng ta ba mươi ngày sau bị nó lan khắp mặt. Hai mươi ngày đầu, chúng ta thấy nó còn ít, không cần vớt nó đi. Tới khi thấy nó che kín nửa ao, ta mới nghĩ tới chuyện vớt. Nhưng ngày đó đã là ngày thứ hai mươi chín rồi, chỉ còn có mỗi một ngày nữa để cứu cá trong ao ; nếu mấy anh em trong nhà không bắt tay vớt liền, mà lại hục hặc nhau, gây lộn nhau, cản trở công việc của nhau thì khi chưa kịp hòa giải với nhau, ao đã kín mít lục bình rồi.

Đó tình trạng nhân loại năm 1970 là như vậy. Chúng ta vì coi thường bấy lâu nay mà bây giờ thế giới đang ở vào cái ngày thứ hai mươi chín đó.

oOo

Nhưng vẫn có người chưa tin

Từ 1970, rất nhiều nhà bác học, nhiều cơ quan đã vạch nguy cơ cho chúng ta thấy, và đưa những giải pháp đề cứu vãn.

Trong cuốn *Những vấn đề của thời đại* tôi đã giới thiệu cuốn *Population, Ressources, Environment* của Paul & Anne Erhlich do nhà W.H. Freeman ở San Francisco xuất bản năm 1970, với cuốn *The Year 2.000* của Hàn lâm Viện nghệ thuật và khoa học Mi xuất bản năm 1967. Một số độc giả tỏ vẻ nghi ngờ vì tinh thần oán ghét thực dân hoặc tinh thần lạc quan.

Hạng oán ghét thực dân bảo bọn chính khách tài phiệt Âu Mỹ ăn uống phũ phê, tiêu xài xa xỉ, bỏ tiền ra mua chuộc một bọn học giả tâng tặn lương tâm viết loại sách đó đề "hù" các dân tộc nhược tiểu Á phi, bán những thuốc ngừa thai cho chúng ta (1) một mặt biến chúng ta thành những kẻ thác loạn về sinh lý và tinh thần, một mặt làm cho dân số Á, Phi giảm đi mà chúng dễ thao túng, cưỡi đầu cưỡi cổ. Như vậy chúng ta vừa làm giàu cho chúng, vừa tiết giảm sự dùng các tài nguyên trên thế giới (chẳng hạn dầu lửa) để chúng tha hồ phung phí (lái những chiếc xe hơi du lịch uống bốn chục lít xăng một trăm cây số).

Tôi cũng oán ghét thực dân, nhưng không tin rằng tất cả các nhà bác học Âu Mỹ trong mười năm nay nghiên cứu về các vấn đề nhân mãn

tài nguyên suy giảm, sinh cầu (biosphère : tức lớp không khí bao địa cầu với lớp nước và đất ở trên mặt địa cầu) nhiễm uế đều bị mua chuộc cả.

Còn hạng có tinh thần lạc quan thì cho rằng các nhà bác học cảnh cáo chúng ta đó đã có những dự đoán quá bi quan, tài nguyên trên thế giới còn đủ để nuôi năm chục tỉ người, mà hiện nay chúng ta mới chỉ có bốn tỉ, có thể an tâm sống một hai thế kỉ nữa, chưa có gì phải lo. Sở dĩ hiện nay một số quốc gia nhược tiểu đói vì không biết khai thác tài nguyên, đất đai của mình, nhất là không có một chính sách phân phối công bằng, kẻ giàu thì giàu quá, kẻ nghèo thì nghèo quá, chứ nhiều nước đất đai còn ít hơn ta, mặc dù dân số cao hơn ta, như Hòa Lan, Nhật Bản, Trung Hoa... mà đâu có đói. Và lại khoa học và kĩ thuật sẽ giải quyết được mọi vấn đề cho ta, chúng ta sẽ khai thác những tài nguyên ở trong nước biển, dưới đáy biển ; chúng ta sẽ tìm được những nguồn năng lực mới, chế tạo được những sản phẩm mới vv... Còn về nhân số thì chẳng cần phải quan tâm tới, những dân tộc kém phát triển như chúng ta một khi nhờ kĩ thuật, mà đạt được mức sống như Âu Mi, sẽ tự nhiên giảm sinh suất đi như Âu Mi.

Tôi cũng có óc lạc quan, nhận

(1) Giữa năm 1974 có một bọn đi phát bừa bãi các hoàn thuốc ngừa thai trong vài xóm lao động chung quanh Saigon. Bọn đó có thể là tay sai của con buôn, không hiểu tại sao chính phủ không ngăn cấm họ.

rằng những lí lẽ kể trên đứng vững được một phần. Nhân loại thế nào, chẳng sớm thì muộn, cũng sẽ giải quyết được ba vấn đề: nhân mãn, cạn tài nguyên, sinh cầu nhiễm uế (mà hai vấn đề sau là hậu quả của vấn đề thứ nhất). Nhân loại sẽ không bị tiêu diệt đâu. Các nhà bác học mà tôi đã giới thiệu, nêu vấn đề lên chính là đề cho chúng ta tìm cách giải quyết đây (vì vấn đề này lớn lao quá, chung cho cả nhân loại, chứ không phải của riêng quốc gia nào, của riêng giai cấp nào); và nếu chúng ta nhận rằng vấn đề có thực thì giải quyết sớm vẫn hơn là giải quyết muộn chứ? Đỡ tốn kém mà mau có kết quả hơn chứ? Có thể rằng những nhà bác học đó quá bi quan: thế giới ngày nay mới ở vào ngày thứ hai mươi hay hai mươi lăm của cái ao có lục bình tôi đã đưa làm thí dụ ở trên; như vậy càng hay, ta vớt lục bình ngay đi thì tốn công chỉ bằng một phần mười, một phần hai mươi khi đợi cho tới ngày thứ hai mươi chín, mà cá tôm ở trong ao cũng đỡ chết.

Và lại tôi nhận thấy rằng những tư tưởng lạc quan đó chỉ là những ý kiến vụn vặt trình bày trong những bài báo nhỏ ở ngoại quốc chứ chưa có một nhà khoa học nào, chứ đừng nói là một nhóm, nghiên cứu kĩ lưỡng vấn đề để bác từng điểm một những dự kiến của tác giả các cuốn: *Population, Ressources, Environment* và *The year 2.000* (hoặc có mà tôi không thấy báo nào nhắc tới chẳng?). Trái lại những tác phẩm cùng một chủ trương với hai cuốn đó thì xuất

hiện thêm hoài: chẳng hạn cuốn *In defense of earth*, bản tiếng Pháp *La terre en danger* (Trái đất lâm nguy) của Lynton K. Caldwell (Editions internationales — Paris-1972); cuốn *The limits to growth* của Club of Rome (New York, 1972). Cuốn trên viết cho các nhà cầm quyền thế giới và các nhà bác học, các hội Khoa học, đề nghị mọi quốc gia hợp lực giải quyết vấn đề sinh cầu nhiễm uế (dĩ nhiên vấn đề đó liên hệ mật thiết với vấn đề nhân mãn); cuốn dưới viết cho mọi người có một trình độ văn hóa khá, khá đọc, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng: bản tiếng Pháp là *Halte à la croissance* — Nhà xuất bản Seuil — Paris; mới rồi nhà xuất bản Hiện Đại đã dịch ra Việt ngữ, nhan đề là *Giới hạn phát triển* (dịch giả là Cung Thúc Tiến và Trần Lương Ngọc); sau cùng, tiếp theo cuốn *The limits to growth*, nhóm La Mã (Club of Rome) lại cho ra tiếp cuốn thứ nhì nhan đề là *Mankind at the turning point*, mà nhà Seuil đã dịch là *Stratégie pour demain* và mới phát hành ở Pháp. Tôi chắc còn nhiều cuốn nữa về vấn đề đó mà tôi không được biết.

Đồng thời cũng trong khoảng mấy tháng gần đây, nạn đói Ethiopia, ở Ấn Độ, ở Bangladesh làm cho cả thế giới giật mình. Vậy ra thế chiến chấm dứt được 30 năm rồi, kĩ thuật và cuộc « cách mạng xanh » chẳng cứu đói được cho nhân loại ư? Chỉ làm cho những kẻ đã giàu lại giàu thêm lên ư? Mà các nhà bác học liên đoàn thế giới tới 1980 sẽ đói, tưởng là bi quan, không ngờ vẫn

còn lạc quan : mới năm 1974 mà cái viễn tượng đói đã lồ lộ ở trước mặt chúng ta rồi. Các nhà đó nghiên cứu vấn đề từ trước năm 1970, có ngờ đâu chiến tranh thứ tư Do Thái—Ả Rập xảy ra tháng 10 năm 1973 (1) khiến cho khối Ả Rập hạn chế sự xuất cảng dầu lửa rồi tăng giá dầu lửa lên gấp 4, làm cho cả thế giới hoảng hốt, kinh tế thụt lùi, tiền bạc mất giá, thày thợ thất nghiệp, dân chúng phải bóp bụng. Khổ nhất là các nước kém phát triển không có dầu lửa mà cũng không có ngoại tệ để mua dầu, mua phân bón, thuốc sát trùng (đều là những phó phẩm của dầu lửa), rồi đây hễ gặp một trận lụt, một cơn hạn hán là sẽ có hàng triệu người chết đói. Ngay những nước sản xuất thực phẩm mạnh nhất thế giới như Mĩ cũng đã cảnh cáo với chúng ta rồi; họ bảo : « Từ nay các ông phải tự lo lấy cho các ông, chúng tôi không giúp các ông được nữa đâu »; mà những nước xuất cảng gạo nhiều nhất như Miến-Điện, Thái-Lan cũng đã ngưng xuất cảng, đề lập kho dự trữ phòng đói.

Người ta đã tính kho dự trữ của thế giới về thực phẩm cứ mỗi năm mỗi giảm : mười năm trước, dự trữ cho 80 ngày tiêu thụ nay chỉ còn đủ cho 30 ngày.

Và bây giờ người ta mới thấy lời cảnh cáo của cố Tổng Thư kí Liên-Hiệp-Quốc, U-Thant, rất đáng suy gẫm. Ông bảo :

« Tôi không muốn tỏ vẻ bi quan quá

mức, nhưng tôi chỉ có thể kết luận từ những tin tức mà tôi có được trong tư cách Tổng Thư kí, là các Hội viên của Liên-Hiệp-Quốc có lẽ chỉ còn được mười năm để mà dẹp sang một bên những xung đột xưa cũ của mình và phát động một sự cộng tác toàn cầu để ngăn chặn cuộc thi đua vô trang, cải tiến ngoại cảnh con người, tháo gỡ ngòi nổ của dân số, và cung ứng cái động lượng cần thiết cho nỗ lực phát triển. Nếu như một cuộc hợp tác toàn cầu mà không được tạo thành trong thập niên sắp tới, thì tôi rất hối hận rằng những vấn đề tôi vừa nói đến sẽ vượt tới những tỉ lệ to lớn đến độ chúng sẽ vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của ta » (Dẫn ở đầu cuốn *The limits to growth* và do Cung Thúc Tiến, Trần Lương Ngọc dịch — Những chữ in ngả do tôi nhấn mạnh)

Chúng ta có thể nghĩ ngờ Paul và Anne Erhlich, Hàn lâm viện nghệ thuật và khoa học Mĩ là tay sai của chính khách và tài phiệt Mĩ, nhưng không ai có thể nghĩ ngờ U Thanh được. Ông bảo chúng ta chỉ có mười năm để hợp tác với nhau ; ông nói câu đó năm 1969, tới nay đã trên năm rồi.

(1) Như vậy thì không nên ngờ họ như một số người đã nghĩ rằng họ nhận tiền của chính quyền hoặc tài phiệt Mĩ mà bị đất hóa vấn đề để chuẩn bị dự luận trong chương trình nghiên cứu các nguồn năng lượng khác có thể thay thế dầu lửa, đồng thời cũng để cảnh cáo các nước Ả Rập sản xuất dầu lửa rằng họ tăng giá xăng là dùng một con dao hai lưỡi.

Nhóm La Mã

Chúng tôi đã có dịp giới thiệu hai cuốn Population, Ressources, Environment và The year 2000; nay xin giới thiệu sơ sài thêm hai cuốn mới nhất và cũng quan trọng nhất về nguy cơ của nhân loại, tức hai bản báo cáo đầu tiên của Nhóm La Mã: *The limits to growth* (1972) và *Mankind at the turning point* (1974).

Tôi nói giới thiệu sơ sài vì lẽ cuốn thứ nhất mà tôi có một bản dịch của nhà Hiện Đại là một công trình nghiên cứu vội vàng (chính các tác giả: Donnella H. Meadows Dennis L. Meadows, Jorgen Randers, William W. Behrens III cũng nhận vậy) nên ời chưa không được chính xác; còn cuốn thứ nhì của Pestel và Mesarovic, có dành phải tạm dùng bài phân tích đăng trên tờ Express số đặc biệt 1221 tháng 12 năm 1974.

Nhưng trước hết, chúng ta cần biết Nhóm La Mã do ai thành lập và gồm những ai đã. Những tài liệu dưới đây tôi rút trong lời nói đầu cuốn Giới hạn phát triển — Hiện Đại, và bài Le père du Club de Rome của Marc Ullmann trong số Express kể trên.

Năm 1968, Tiến sĩ Aurelio Peccei, một quản trị viên kỹ nghệ kiêm kinh tế gia Ý, trong ban quản trị hãng Fiat, nảy ra ý lập một nhóm chuyên gia khoa học, kinh tế, văn hóa của nhiều nước để thảo luận về nguy cơ hiện tại và tương lai nhân loại. Ông tuy ở trong giới kinh doanh nhưng đã sống một cuộc đời trôi nổi, và có lý tưởng, coi thế giới là « làng của mình ». Sinh ở Turin (Ý) năm

2908. ông đã qua Nga để kiểm tài liệu viết một luận án tiến sĩ về chính sách kinh tế Nga Xô, rồi khi làm kỹ sư cho hãng Fiat, ông được phái qua Trung Hoa, qua Argentine. Sau đó ông làm giám-đốc phòng Ital Consult do ông thành lập, một phòng chuyên giúp ý kiến về việc đầu tư, trong thời gian này ông có dịp đi thăm nhiều nước kém phát triển. Ông đã bị nhốt khám trong thời Phát-xít Ý cầm quyền, ông lại thấy những cảnh đói ở Ấn Độ. Ông có cảm tưởng rằng nhân loại như một gia đình giàu có bỗng nhiên nhận ra rằng mình tiêu pha huy hoắc quá, tài sản gần khánh tận, sắp nghèo đói tới nơi, bây giờ phải buộc bụng cho gắt. Mà những người con lãng phí nhất chính là các quốc gia Âu, Mĩ. Họ cứ muốn sản xuất mỗi ngày mỗi nhiều, muốn nâng cao hoài mực sống và bắt các nước khác trên thế giới phải thỏa mãn mọi dục vọng, mơ mộng của họ. « Thật là điên khùng ». Bây giờ đã đến lúc kiểm điểm lại tài sản; 154 quốc gia trên thế giới phải hợp tác với nhau cùng tìm cách quản lý tài sản còn lại một cách thông minh hơn, nhất là định một lối sống mới cho nhau, để không ai phải hi sinh cho ai mà quốc gia nào cũng giữ cá linh, bản sắc của mình được.

Tháng 4 năm 1968, ông họp được ba chục chuyên gia từ mười nước. Họ gặp nhau ở Accademia dei Lincei (La Mã) do đó mà có tên là Nhóm La Mã. Nhóm La Mã là một tổ chức

không chính thức, một « học viện vô hình », nhằm một mục đích chung là nghiên cứu những vấn đề trọng đại mà nhân loại đương phải đương đầu. Hình như số hội viên hiện nay đã lên tới bảy chục, thuộc hai mươi lăm quốc tịch. (Số đó sẽ hạn chế tối đa là 100); không một hội viên nào giữ một chức vị công quyền; và người nào khi làm việc cho nhóm cũng tự nguyện gạt bỏ ý-thức-hệ của mình ra, không bàn tới. Dưới đây là tên vài hội viên chính: Jay W. Forrester và Carroll Wilson người Mỹ thuộc viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT), Alexander King, người Anh, Bertrand de Jouvenel và Maurice Guernier, người Pháp, Saburo Okita, người Nhật, Eduard Pestel, người Đức, thuộc viện Kỹ thuật Hannover, Hugo Thiemann, đứng đầu viện Battelle tại Genève.

Tuy mang tên là Nhóm La Mã, nhưng mỗi năm một lần họ họp ở Berlin, còn những chỗ làm việc của họ gồm nhiều nơi: Grenoble, (Pháp) Hannover, (Đức) Cleveland (Mỹ)...

Báo cáo số 1

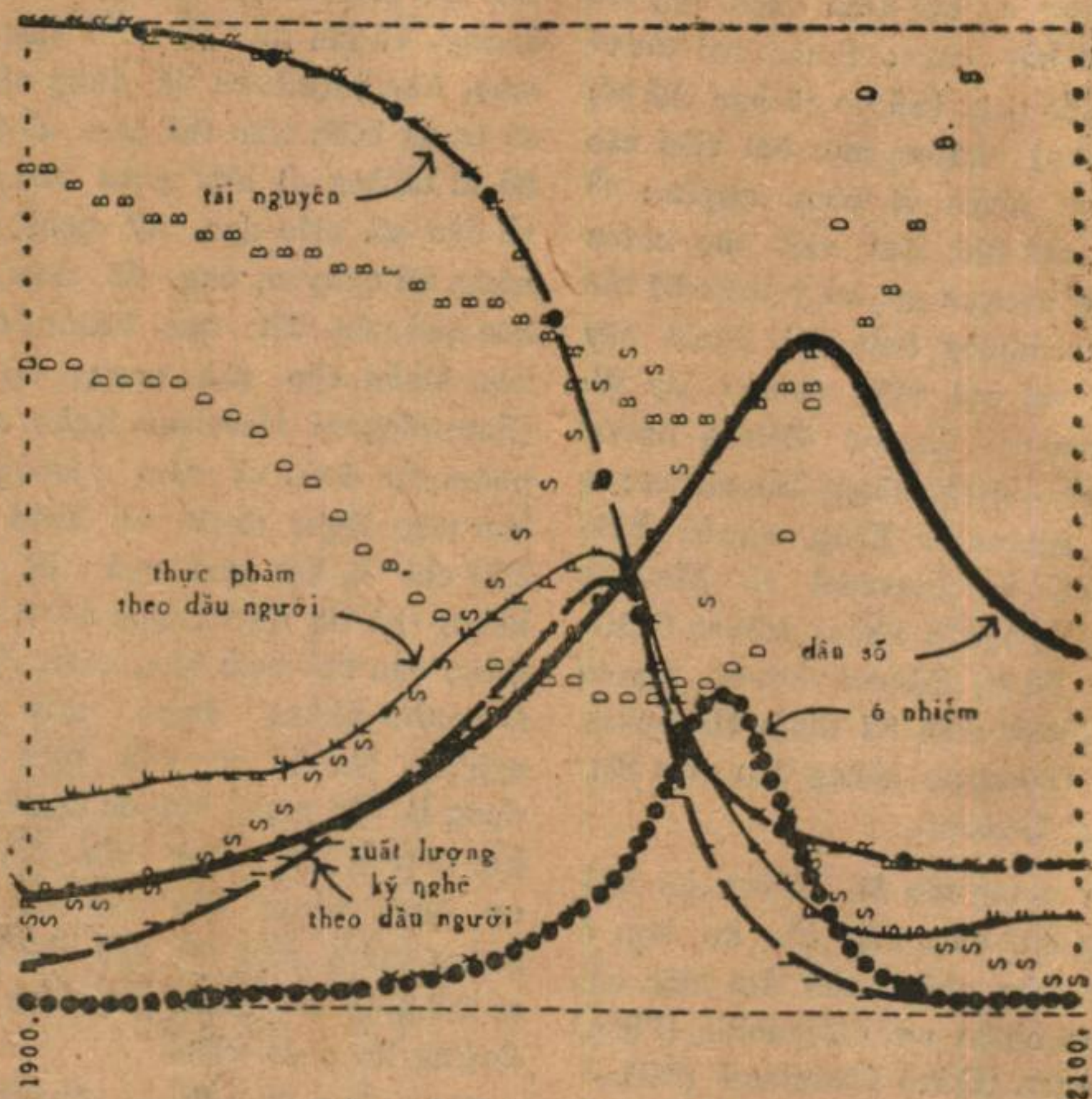
Năm 1970 họ bắt tay vào công việc đầu tiên: Dự án nghiên cứu về nguy cơ nhân loại. Công việc được cơ quan Volkswagen tài trợ và giao cho toán của ông Meadows. Toán này có nhiệm vụ khảo sát về năm yếu tố căn bản: nhân số, sản xuất nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên, sản xuất kỹ nghệ và sự nhiễm độc của sinh cầu (biosphère), rồi kiểm những dữ kiện cung cấp cho máy điện tử của Viện MIT (Viện kỹ

thuật Massachusetts) sau cùng đặt câu hỏi đề máy trả lời về tương lai của nhân loại. Như vậy, máy trả lời đúng hay không là do tài liệu cung cấp cho máy có đủ không, có đúng không. Và lần đó, đề làm việc cho mau, ông Meadows đã dùng những số trung bình trên thế giới, cố ý gạt bỏ đi những dị biệt giữa các miền về dân số, giáo dục, kỹ nghệ, canh nông, tài nguyên; ông đã đơn giản hóa quá nên kết quả không chính xác, khiến cho nhà tương lai học (Futurologue) Hermann Kahn trong nhóm dự đoán về năm 2.000 (Hàn lâm viện Nghệ thuật và khoa học Mỹ) chê là kết quả quá bi quan không thể tin được. Quả có bi quan thực, nên khi xuất bản, cuốn *Limits to growth* không được mấy hoan nghênh. Nó chỉ có mỗi một công dụng là đập mạnh vào óc người đọc, bắt ta phải đề ý đến vấn đề, thấy sự quan trọng của vấn đề, chứ không thể là một tài liệu chính xác có thể giúp các quốc gia vạch một đường lối phát triển.

Tác phẩm đầy biểu và đồ biểu, có một số đồ biểu chẳng chịt những đường biểu diễn. Tác giả đặt ra non một chục giả thuyết: 1 - không có gì thay đổi nhiều về tương quan vật thể, kinh tế hay xã hội hiện nay, nghĩa là sự tăng trưởng về nhân số, sự phát triển về canh nông, kỹ nghệ, sự suy giảm về tài nguyên, sự tăng gia về nhiễm uế từ 1900 đến 1970 biến đổi theo tốc độ ra sao thì từ nay trở đi cũng theo tốc độ như vậy, rồi tác giả hỏi máy điện tử từ nay đến năm 2100 sẽ ra

sao, máy cho những đường biểu diễn về mỗi yếu tố : tài nguyên thực phẩm, suất lượng kỹ nghệ, dân số, nhiệt uế. Dưới đây là đồ biểu đó mà nhà

Hiện Đại dịch là « Diễn trình chuẩn (?) mô thức thế giới ». (Giới hạn phát triển trang 117).



Diễn trình chuẩn mô thức thế giới ?

Chúng ta nhận thấy :

— Trên trục hoành chỉ ghi hai năm : 1900 ở đầu bên trái, và 2100 ở cuối bên phải ; ở giữa hai số đó không chia ra từng khoảng nhỏ chẳng hạn 1950, 2000, 2050.... ; còn trên trục tung không ghi một số nào cả, thành thử chỉ coi đồ biểu chúng ta không biết năm 1970 dân số là bao nhiêu, năm 2000, 2100 là bao nhiêu ; tài nguyên (dầu lửa, các kim thuộc : vàng, bạc, sắt, than đá...) năm 1900 là bao nhiêu, năm 2050 chẳng hạn còn được bao nhiêu. — Lại thêm, tôi xin thú thực không hiểu tại sao

ông Meadows và các bạn của ông lại tính gồm tất cả các tài nguyên khác nhau như vậy. Vì tất cả tài nguyên cạn mau hơn tài nguyên khác chứ. Như vậy đồ biểu chỉ cho ta biết sự tăng giảm, một cách rất tổng quát, mơ hồ, chứ không cho biết « trị giá » bằng con số. Tuy nhiên, theo tác giả thì các « tỉ lệ xích đều bằng nhau trong mọi diễn trình (run)... để có thể dễ dàng so sánh các diễn trình được » — trang 116.

— Bốn « lượng » : tài nguyên (đường — . — .) thực phẩm theo đầu người (đường liền nhỏ). « Xuất

lượng » Kĩ nghệ theo đầu người (đường — — —), « ô nhiễm » (đường — — —) đều tùy thuộc « lượng » dân số (đường liền mạch). Đường dân số lên thì ba đường thực phẩm, kĩ nghệ, « ô nhiễm » cũng lên, còn đường tài nguyên thì xuống ; ngược lại đường dân số xuống thì đường tài nguyên đứng còn ba đường kia cũng xuống. Nhưng sự lên xuống tới tột bậc không xảy ra đúng một lúc mà có một sự cách biệt nhau vài ba chục năm.

— Trên đồ biểu còn những đường:

EBB trở sinh suất sồi (số sinh của 1000 người mỗi năm)

DDD trở tử suất sồi (số tử của 1000 người mỗi năm)

SSS trở dịch vụ theo đầu người (bảng Mĩ kim) mỗi năm.

Dưới đây tôi tóm tắt lời giải thích trong « Giới hạn phát triển », trang 116-118.

Dân số gia tăng từ 1,6 tỉ năm 1900 lên 3,7 tỉ năm 1970. Dù sinh suất giảm dần, nhưng tử suất còn giảm nhanh hơn, đặc biệt là sau 1930, thành thử dân số vẫn tăng. Xuất lượng kĩ nghệ, thực phẩm và dịch vụ từng đầu người gia tăng tích lũy. Tài nguyên năm 1970 còn khoảng 95% trị giá năm 1900, nhưng giảm một cách ghê gớm sau đó, khi dân số và xuất lượng kĩ nghệ tiếp tục tăng, cho ta thấy một tình trạng suy sụp do sự khánh kiệt của tài nguyên không thể tái tạo được. Các mỏ bị khô cạn, càng ngày càng phải dùng nhiều tư bản để có tài nguyên [chẳng

hạn phải đào dầu ở biển sâu, tốn kém hơn ở trên cạn], và càng có ít tư bản để đầu tư cho sự tăng trưởng tương lai. Cuối cùng, đầu tư không thể theo kịp sự chiết cưu [tiếng Pháp gọi là amortissement], và Cản bản kĩ nghệ sụp đổ, kéo theo canh nông và dịch vụ [vì canh nông và dịch vụ lệ thuộc vào kĩ nghệ và sản phẩm kĩ nghệ như phân bón, thuốc sát trùng, phòng thí nghiệm, bệnh viện, điện cơ...] Cuối cùng, vì thiếu thực phẩm và dịch vụ y tế, mà tử suất tăng lên và dân số do đó giảm đi.

Điều đáng chú ý là sự phát triển sẽ ngừng trước năm 2.100. Ấy là chưa kể những sự kiện bất thường như chiến tranh, bệnh dịch có thể làm ngưng sự phát triển sớm hơn nữa. Như vậy, tác giả tin rằng, nếu không có gì biến chuyển trong hệ thống hiện tại thì dân số và phát triển kĩ nghệ chắc chắn chậm lắm cũng ngưng lại trong vòng thế kỉ tới.

oOo

Từ « mô thức » căn bản đó, toán Meadows đặt những giả thiết để thay đổi một số yếu tố, chẳng hạn giả thiết rằng :

— Tài nguyên thiên nhiên tăng gấp đôi

— Tài nguyên « vô hạn », nghĩa là sẽ có năng lực nguyên tử « vô hạn » và nhờ năng lực này người ta có thể tái biến cho những tài nguyên đã dùng rồi, và thay thế một số tài nguyên khác.

— Tài nguyên đã « vô hạn » mà loại

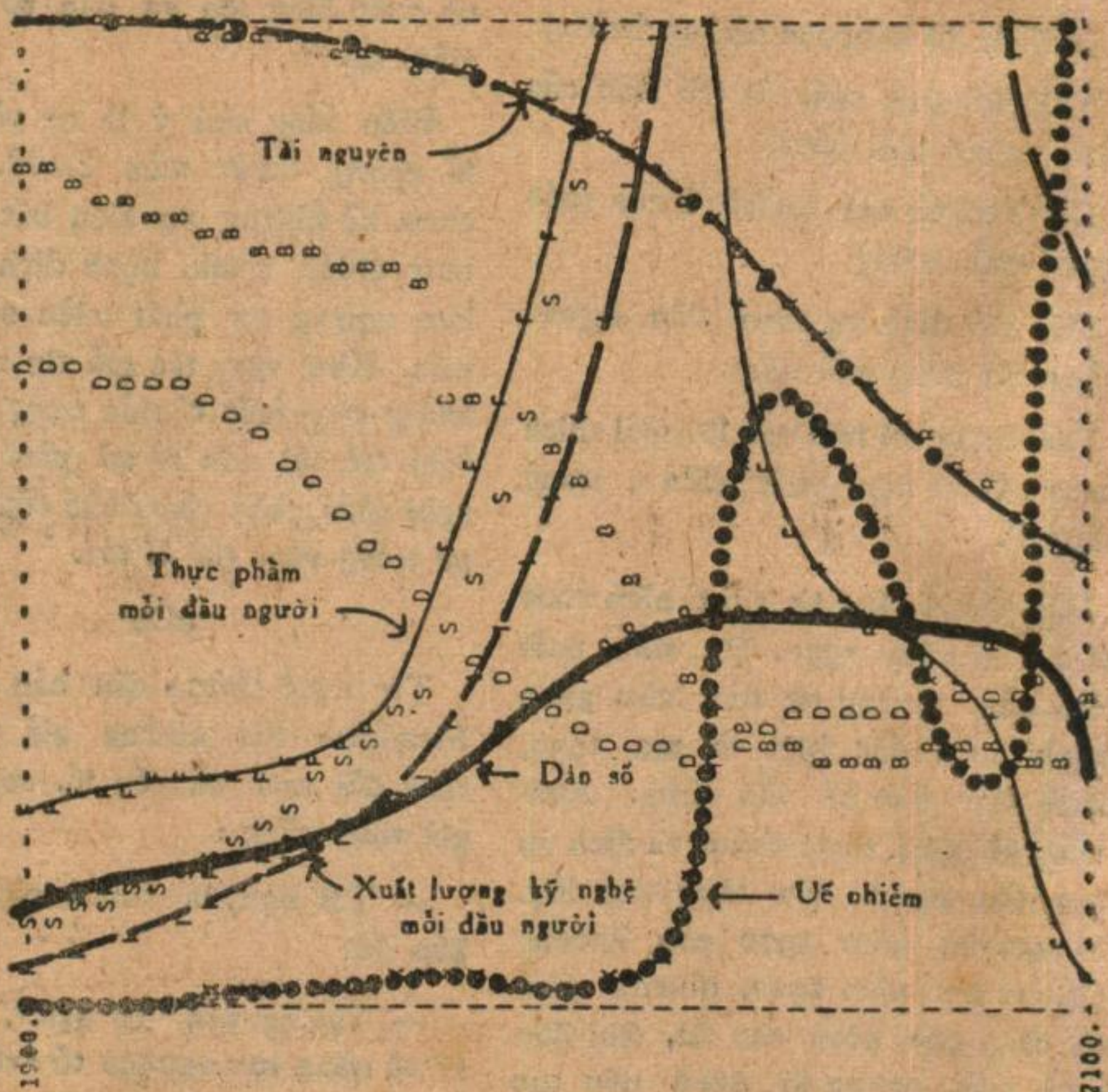
người lại kiểm soát được sự nhiễm uế.

— Tài nguyên vô hạn, kiểm soát được nhiễm uế, lại hoàn toàn kiểm soát được sự sinh sản nữa.

— Tài nguyên vô hạn, kiểm soát được nhiễm uế và sinh sản, mà còn tăng gia được năng suất canh tác nữa,

vân vân . . .

Mô thức thế giới với các tài nguyên « vô hạn », kiểm soát nhiễm uế, kiểm soát sinh sản hoàn toàn và với sự tăng gia năng suất canh nông.



Trong mô thức trên, toán Meadows giả thiết rằng các tài nguyên được khai thác đến tận cùng và 75% tài nguyên được biến chế, sự nhiễm uế được giảm xuống còn một phần tư năm 1970, năng suất đất đai được tăng gia gấp đôi, mà sự sinh sản

Và về mỗi giả thiết đó, máy điện tử lại cho ta một đồ biểu để ta đoán đại khái được tương lai.

Không thể chép hết lại non một chục đồ biểu như vậy được chúng tôi xin lựa dưới đây đồ biểu về giả thiết cuối cùng tôi mới ghi ở trên, để độc giả so sánh với đồ biểu đầu tiên.

được kiểm soát. Kết quả là tạm thời dân số không thay đổi với lợi tức trung bình mỗi đầu người trên thế giới gần đạt được mức độ hiện tại ở Mi. Nhưng mặc dầu sự tăng triển kỹ nghệ sẽ bị chặn lại và tư suất gia tăng khi tài nguyên cạn, mà

ay nhiễm uế (1) vẫn tích tụ lại và sự sản xuất thực phẩm giảm xuống.

Đồ biểu cho ta thấy, mặc dầu có những điều kiện rất tốt, « ngoài sự mơ ước » đó (tài nguyên « vô hạn ») nhiễm uế giảm nhiều, cha mẹ nào cũng chỉ có « một số con mà thực sự họ muốn có », kết quả vẫn là sự phát triển sẽ chấm dứt trước năm 2.100.

Tác giả giảng thêm : Trong trường hợp này, sự phát triển đã bị ba cuộc khủng hoảng đồng thời ngăn chặn. Thâm dụng đất đai quá (trong canh nông), khiến cho đất bị soi lở mà sự sản xuất thực phẩm giảm xuống. Tài nguyên bị khánh kiệt vì dân số thế giới quá đông. Sự nhiễm uế tăng, giảm rồi lại tăng một cách bi đát làm cho sự sản xuất thực phẩm suy giảm thêm, mà tử suất thì bất ngờ tăng lên.

Vậy các giải pháp kỹ thuật chỉ kéo dài được thời hạn tăng triển của dân số và kỹ nghệ chứ không loại bỏ được hẳn giới hạn tối hậu của sự tăng triển,

Chính kết luận đó đã khiến cho nhiều nhà bác học trên thế giới cho là bi quan quá.

Bản báo cáo thảo xong, được trình cho hai Hội nghị quốc tế ở Moscou và Rio de Janeiro, rồi gửi đến gần 40 vị hầu hết là ở trong Nhóm La Mã. Có nhiều lời phê bình nhưng không có sự bất đồng ý kiến nào lớn lao.

oOo

Cuối sách là một chương bình luận của Ủy ban chấp hành nhóm

La Mã gồm sáu nhà : Alexander King, Saburo Qkita, Aurelio Peccei Eduard, Peste^o, Hugo, Thiemann, Carrole Wilson. »

Trước hết họ nhận rằng dự án toán Meadows đưa ra không phải là một công trình vị lai học (futurologie) có tham vọng đoán trước được vị lai, mà chỉ là một « công trình phân tích những chiều hướng hiện thời và ảnh hưởng của mỗi chiều hướng đó đối với nhau, cùng những hậu quả có thể có của chúng ».

Họ cũng lại nhận rằng có những khả năng tiến bộ của khoa học và kỹ thuật chưa được đánh giá đúng mức (chẳng hạn sự cải thiện những phương pháp ngừa thai, sự sản xuất protéine từ nhiên liệu ở dưới đất, khả năng dùng năng lực của mặt trời, sự tổng hợp hóa thực phẩm từ khí trời và nước, nhưng họ lại bảo (cũng như tác giả Population, Ressources, Environment) rằng những phát minh đó khi thực hiện được thì đã quá muộn để ngăn ngừa được tai họa nhân mãn và nhiễm uế.

Còn sự khám phá ra những tài nguyên ở đáy biển và những vùng chưa được thám hiểm chỉ có thể làm hoãn lại tình trạng khan hiếm trong một thời gian là nhiều thập niên chứ không trừ được sự khan hiếm. Nhưng có thể nhờ thời gian trì hoãn lại đó mà nhân loại có đủ thì giờ tìm thuốc chữa chằng.

(1) Trong bản Việt dịch gọi là ô nhiễm Ô hay uế thì cũng vậy, nhưng tôi dùng chữ nhiễm uế vì mình quen nói uế khí chứ không nói ô khí, quen nói nhiễm độc chứ không nói độc nhiễm.

Sau cùng Ủy ban gởi cho chúng ta một thông điệp đại ý như sau :

— phải cương quyết chuyển hướng ngay trong thập niên này thì mới kịp;

— phải tìm sự quân bình thế giới, giúp các nước kém phát triển cải tiến số phận của họ để giảm khoảng cách bất bình đẳng giữa các nước đó và các nước Âu, Mĩ ;

— muốn vậy phải có một sách lược toàn cầu, một chiến lược liên hợp, một biện pháp quốc tế ;

— nhất là thay đổi « giá trị và mục tiêu ở cấp cá nhân, quốc gia và quốc tế », nghĩa là thay đổi nhân sinh quan cùng nếp sống, có một triết lí mới.

Kế hoạch đó hơi mơ hồ nhưng thiện chí thì đáng khen

Kỳ tới : Báo cáo số 2 của Nhóm La Mã

(còn nữa)

NGUYỄN HIỂN LÊ



X u a n Á t M ã o

Kính chúc

*quý văn hữu, quý độc giả
một năm an lành.*

n h à x u á t b á n A n T i ê m

T h i V ù

N G U Y Ê N T R Ầ I
SINH THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG

T Ô N G I Á O L À G Ì
của VIVEKANANDA
(in lần thứ 2)

Paul Freire

Một nền giáo dục
khai phóng

A n T i ê m x u á t b á n

s á c h A N T I Ê M xuất bản trong năm 1974

- * TỰ TƯỜNG LÃO TRANG TRONG Y THUẬT ĐÔNG PHƯƠNG
của Trần Văn Tích
- * HOÀNG TỬ BÉ — Le Petit Prince
của Saint — Exupéry, Bùi Giáng dịch (in lần thứ 2)
- * CON LỪA VÀ TÔI
của Juan Ramon Jimenez. Bửu Ý dịch
- * CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG
của Hermann Hesse. Phùng Khánh dịch (in lần thứ 6)
- * MÃ TỖ BÁCH TRƯỜNG Ngũ lục
của Trần Tuấn Mẫn dịch
- * SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT
của Bồ Đề Đạt Ma, Trúc Thiên dịch (in lần thứ 3.)
- * NỤ CƯỜI DƯỚI CHÂN THANG
của Henry Miller, Lương Đình dịch
- * CON CHIM TRỐN TUYẾT — The Snow Goose
của Paul Gallico Trần Phong Giao và Hoàng Ung dịch
- * SỬ MỆNH VĂN NGHỆ HIỆN ĐẠI
của Albert Camus, Trần Phong Giao dịch
(có in nguyên văn tiếng Pháp)
- * TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM
thơ Vũ Hoàng Chương, in lần thứ 3.
- * NHẬT KÝ ANNE FRANK
in lần thứ 2. Bửu Ý dịch
- * VẬT LÝ TIẾN HÓA LUẬN
của Albert Einstein và Leopold Infeld,
Nguyễn Ngọc Thơ dịch
- ★ VĂN LANG DỊ SỬ
của Nguyễn Lang

Sách phát hành đầu năm Ất Mão

- DOSTOIEVSKI với chân trời văn học Nga
của André Gide, Bửu Ý dịch
- BÁN HỒN CHO QUỶ — Faust
của Goethe, Thạch Trung Giả dịch

Tư - tưởng Việt - nam (*)

*Có, không, không có,
Có rằng không, không rằng có, cũng ừ*

Nguyễn Công Trứ, ngồi trên chiếu rượu, ngâm một bài hát ả-đào, đã đem cái câu hỏi chính-yếu của tất cả tư tưởng Đông Tây Kim Cồ ra để đặt lại; nhưng không như nhà đại-văn-hào Anh-quốc Shakespeare trong kịch *Hamlet*, đã hỏi:

To be or not to be, that is the question.
(Có hay là không có, đó là câu hỏi)

Đề rồi tự xé nát cái tâm-can của mình bằng sự hoài-nghi, và dự-dự trong ý-chí hành-động; cũng không như nhà đại-triết-lí Pháp-quốc Descartes, đi từ sự hoài-nghi đến sự tin-tưởng tuyệt-đối về sự "có" của mình bằng tư-tưởng:

Cogito, ergo sum
Je pense, donc je suis
(Tôi nghĩ, vậy là tôi thực có)

Lại cũng không như cả các nhà siêu-hình Ấn-độ, đã trả lời câu hỏi chính-yếu của triết-lí bằng câu:

Sắc sắc không không
Sắc tức thị không
Không tức thị sắc

và, như Đại-sư Long Thọ (Nagurjuna) nói:

Phi hữu phi vô

Đề rồi hướng về cái Hư-Không (Sunyata) mà bước ra ngoài cuộc đời sắc-tướng.

*Có không, không có
Có rằng không, không rằng có
cũng ừ*

Tư-tưởng Việt-nam không có sự hoài-nghi. Tư-tưởng Việt-nam không có sự tin-tưởng đơn-giản. Tư-tưởng Việt-nam không có sự từ bỏ. Tư-tưởng Việt-nam nhận sự siêu-hình để vượt qua mà vào hành-động. Tư-tưởng Việt-nam nằm ở trong lòng của dòng sống Việt-nam, và dòng sống ấy là một dòng sống trôi nổi nhưng hào hùng, đầy nguy nan nhưng rất phong phú, và luôn-luôn thực.

oOo

Tuy vậy mà cũng có những người Việt-nam trong xương máu. Việt-nam trong cách sống, Việt-nam trong cuộc đời, mà không biết rằng có một tư-tưởng Việt-nam. Đó là một sự-kien có thực: Phần lớn các người Việt-nam, không biết rằng có một tư-tưởng Việt-nam.

Ta không phủ nhận điều này. Và cũng không trách ai. Vì rằng tư-tưởng Việt-nam, bắt nguồn từ ở dòng sống của dân-tộc Việt-nam, đã không ngừng, không ngớt, nuôi dưỡng đời sống của con người Việt nam. Phần lớn chúng ta không biết rằng có một tư-tưởng Việt-nam thực,

(*) Bản thuyết-trình của Giáo sư Trần Ngọc Ninh đọc trong Đại-hội Văn-hóa Phật-giáo tại Saigon sáng ngày 23-12-1974.

và nếu có, thì cũng không mấy ai thấy được cái tư-tưởng ấy như thế nào, nhưng quốc-dân ta hầu hết vẫn sống cái tư-tưởng ấy, cái tư-tưởng ấy vẫn tiềm tàng sống trong cuộc sống của ta. Cũng như đối với tiếng Việt-nam : ai nấy đều nói tiếng Việt-nam, nhưng ít ai biết về sự cấu-thành, về sự biến-chuyển, và về những cơ-cấu âm-thanh, ý-nghĩa, và ngữ-pháp của tiếng Việt. Sự không biết tuy là một điều đáng tiếc, nhưng không phải là một điều đáng trách khi cuộc sống vẫn thấm nhuần cái truyền thống và còn thực hiện cái tinh thần của tư-tưởng Việt.

Đáng trách, và đáng thương, là những người đã lạc ra khỏi cái dòng sống ấy và mất hẳn sự tin-tưởng ở dân-tộc, đến mức có thể nghĩ và nói rằng :

— Tư-tưởng Việt-nam ư ? Làm gì có tư-tưởng Việt-nam !

oOo

Vì đâu mà có cái ý-nghĩ và cái thái-độ vong-bản vong-thân đó ?

Ở những thời giao động, có một số người nhờ sự ưu đãi đôi khi thiếu minh chính của thể cực, đã thụ nhận được một nền học vấn ngoại lai quý báu nào đó. Trong xã-hội cũng như trong trí-thức, một số những người này lại đã tự tách mình ra khỏi cái cộng-đồng chung, để bị lôi cuốn bởi những trào-lưu khác và rồi bị lóa mắt bởi cái cảnh-vật kì-diệu của những văn-minh mới lạ diễn ra trước mắt.

Việc này đã xảy ra từ xưa.

Khi nhà Nguyên đem quân trăm vạn tiến vào đất Đại Việt, thì có những người nho-sĩ tao-nhã, như Lê Tắc, đã vì thần phục nền văn-chương học-thuật của Trung-quốc mà hàng giặc, và một cách chân thành, đã nghĩ rằng đó là một hành-động thuận thiên-mệnh, hợp lòng người, vì rằng

Cờ lai Ngũ Linh hiện man-di

đã được nhờ « lễ nghĩa » mà Trung-quốc dùng uy-vũ đem đến giáo hóa, mới được yên ổn và biết trọng nho-phong từ đó :

*Nam Việt tùng tư quốc nãi phế
Trung Hoa giáo hóa, biến cửu châu,
Tiệm giao viễn nhân thông lễ nghĩa.*

Dịch : Nam Việt từ ấy bị truất phế
Trung Hoa khai hóa khắp chín châu,
Dạy dỗ người xa thông lễ nghĩa

Lê Tắc — *An-nam Chí-lược* XIX
(bản dịch Viện Đại-Học Huế)

Và giữa đời Thịnh Lê, Sử thần Ngô Sĩ Liên còn viết rằng :

« Nước ta sở dĩ thông Thi Thư, tập Lễ Nhạc, để thành được một « văn hiến chi bang », chính là từ đời Sĩ Nhiếp. Cái công đức ấy, đâu phải chỉ riêng ở thời bấy giờ, mà còn truyền xa cho tới các thời sau, há chẳng là thịnh lắm ru ? »

(Ngô Sĩ Liên *Đại-Việt Sử-Ký Toàn Thư*)
(Ngoại-ký, Quyền III)

Ngày xưa thì người ta qui phục kinh sách của Khổng Mạnh đến nỗi cho rằng nền văn-hiến của dân-tộc Việt chỉ mới bắt đầu khi cuộc khởi-nghĩa của Chưng Chắt đã bị dẹp tan và Nho-giáo

được lập thành cái học chính-thống (dưới thời Sĩ Nhiếp làm thái-thú); thì ngày nay, dưới áp-lực của kĩ-thuật chiến-tranh và kinh-tế mới. tự nhiên cũng có những người hướng về phía mặt trời ở phương Tây mà coi rằng tư-tưởng chỉ có ở Descartes, ở Hegel, hay ở Marx, ở Heidegger mà thôi: và cũng đã có những người không ngần ngại cho rằng Paul Bert hay Albert Sarraut mở đầu cho văn-minh tại Việt-nam.

Nói lên những điều trên, tôi không có ý bài ngoại, mà chỉ bài những người vọng ngoại, nhất là khi sự vọng ngoại ấy đưa đến sự vong-thân. Không-tử, Mạnh-tử, Nagarjuna, Bồ-đề Đạt-ma ở Đông-phương, Socrate, Descartes, Kant, Kierkegaard ở Tây phương, — tôi chỉ kể một vài những tên lớn nhất, — là những nhà đại-tư-tưởng của cả nhân-loại. Tư-tưởng Việt-nam cũng đã nhận và còn đang thôn nhận tư-tưởng của các vị ấy và nhiều tư-tưởng-gia khác, nhưng sau một sự chọn lọc có phê-phán và một sự biến-hóa để hấp thụ, trên những căn bản và theo những đường lối của Việt-nam. Cái lẽ đương nhiên là phải như thế. Không có một nền tư tưởng của một dân tộc hay một quốc gia nào có thể nảy nở một cách riêng-biệt đối với những tư-tưởng đã và đang lưu hành. Sự triệt trừ các giao-lộ của tư-tưởng là một việc không có và không thể có trong lịch sử của loài người; nếu có chẳng thì cũng chỉ có trong khoảnh-khắc một giấc mộng đời của một kẻ bạo-chúa mà thôi. Ở Việt-nam, chưa hề

có chuyện ấy, và tất cả chúng ta đều cầu ước rằng sẽ không bao giờ có chuyện ấy, dầu là chỉ trong thời-gian đề nẫu một nỗi kẻ. Sự đón nhận tư-tưởng của bốn phương sẽ được tiếp tục bởi nền tư tưởng Việt-nam.

Nhưng điều quan-trọng thiết-yếu ở đây là tư-tưởng Việt-nam đã chọn lọc và biến đổi các tư-tưởng khác trước khi thu hút vào trong cái vòng bánh của mình. Không phải bất cứ một tư-tưởng nào cũng có thể được chấp nhận, và cũng không phải là theo đúng nguyên-trạng mà một tư-tưởng của người ngoài có thể được sáp nhập vào sự tư-duy của con người Việt-nam. Mặc-tử, Tuân-tử, Hàn-phi-tử có thể coi như là không có, Bacon, Pascal, Hume, Peirce cũng vắng mặt. Còn như Lão-tử của Trung-Hoa thì tuy có chiếu vào trong tư-tưởng Việt-nam, nhưng là một Lão-tử không biện chứng, không chính-trị, rất hiền hòa, thuần tiên-phong đạo-cốt và không hằn như Lão-tử của Đạo-đức-kinh. J.J. Rousseau của Pháp cũng thế, khi vào đến Việt-nam thì chỉ còn là phát-ngôn-nhân của chủ-nghĩa dân-chủ theo *Dân ước luận*: các mộng-tưởng cô-quạnh cũng như các khao khát phóng đảng của ông đều rơi vào một không gian vắng lặng không có lấy một tiếng vang.

Muốn làm được cái công-việc lựa lọc ấy, tất nhiên là đã phải có một số tri-kiến vững chắc nghĩa là phải có một nền tư-tưởng hệ thống rồi. Cái tư-tưởng ấy là cái căn bản để phán xử, do đó tạo ra những cảm tình ở

chỗ này, những xung-khắc ở chỗ nọ. Sự tiếp-thụ một số ý-kiến và sự triệt-loại một số ý-kiến khác có thể là vì cùng một lí-do, lí-do đó là sự thực-hữu của một tư-tưởng đã thành hình một cách bền vững.

Có một tư-tưởng Việt-nam, hướng dẫn sự suy tư của con người Việt-nam.

Nhưng có thể thấy được cái tư-tưởng ấy không? Nếu muốn đi tìm cái tư-tưởng ấy, thì phải đi tìm ở đâu?

Đời nhà Lý, có thầy Từ Lộ, pháp danh là Đạo-Hạnh. tu ở chùa Thiên Phúc, núi Phật-tích. Một bữa, có người tìm đến hỏi: Tâm Phật là thế nào? Từ Đạo-Hạnh trả lời bằng một bài kệ, có hai câu đầu là:

*Tác hữu trần sa hữu
Vi không nhất thiết không.*

Hai câu này đã được dịch sang thơ lục-bát là:

*Có thì có tự mảy may,
Không thì cả thế-gian này cũng không.*

Tôi xin mạn phép mượn liên thơ nêu viết trên mà áp dụng vào cho tư-tưởng Việt-nam và thưa rằng: « Đã rằng có, thì tư-tưởng Việt-nam có từ trong cái mảy-may của cuộc sống Việt-nam; mà nói rằng không có thì tức là trong cả cái thế-gian này cũng không đâu là có được một cái bóng của tư tưởng cả ».

Đó là cái chìa khóa để mở cửa động mà tìm tư-tưởng Việt-nam.

oOo

Dùng tư-tưởng của Việt-nam

không bộc lộ, tư-tưởng Việt-nam có lẽ còn cho rằng sự trầm-lặng là một đức-tính cần-thiết, và trong nhiều thời-kì, người ta còn phải che đậy hay ngụy trang các ý nghĩ của người ta.

Những lí-do của sự ần-náu này rất rõ ràng dưới ánh sáng của lịch-sử.

Kể từ khi lập quốc cho đến nay, có thể nói rằng chưa bao giờ con người Việt-nam được sống dưới một chế-độ khác là sự *chuyên chế*. Đó là lí-do đầu tiên đã làm cho tư-tưởng Việt-nam phải tự trói mình trong khuôn-phép của ý-thức-hệ chính-thống. Dầu là quân-chủ, hay là quân-phiệt, (hai chữ « quân » có hai nghĩa khác nhau), hay là đảng-trị, cũng vẫn chỉ là chuyên-chế, và tất cả các chuyên-chế đều tỏ chức đề bóp chết tư-tưởng ngay từ lúc còn trứng nước, với mục-đích là dựng cái ý-thức-hệ chính-thống trở thành độc tôn mà củng cố cho chế-độ được vĩnh cửu. Việc học, và việc khoa-cử làm cái công việc ấy để gông cùm trí-thức của bọn trẻ từ lúc khai tâm. Ngoài ra thì là tất cả những biện-pháp quyền-thế, từ sự duyệt kiểm, thâu hồi đến sự trừng trị, giam cầm, thủ tiêu và ngày xưa thì chu di tam tộc, dành cho những người nói và viết những lời khác biệt với chủ-trương của kẻ âm quyền. Cụ Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng viết trong báo Tiếng Dân rằng: « Ở dưới chánh-thề chuyên-chế cùng học-giới chuyên-chế, thời tư-tưởng người đời bị buộc, mà nhân-

cách dần-dần đề hèn... điều ấy không lấy gì làm lạ. Chúng ta ngày nay cũng vẫn còn phải đau sót mà nhắc lại những lời ấy của nhà cách-mạng lớp trước ta. Đó là cái sự-khiến thứ nhất đã kìm hãm và phong tỏa nền tư-tưởng Việt-nam.

Việt-nam lại bị cái nghiệp-chương của lịch sử, là phải bảo vệ sự tồn tại của đất nước trước một lân quốc vĩ đại là nước Trung-Hoa. Mà cái hướng đi của lịch sử Trung-Hoa, kể từ lúc khởi thủy ở vùng nội trong một khúc cong của Hoàng-hà cho tới ngày nay, là chỉ bành trướng được và phải bành trướng bằng đường bộ, về phương Nam. Và cái chính-sách chưa bao giờ sai-lệch của Trung Hoa là *đồng hóa toàn diện các dân tộc* đã bị lọt vào trong bàn tay của mình. Đó là một lí-do nữa, một lí-do rất lớn, đã nhận chìm nền tư-tưởng Việt-nam trong hai ngàn năm nay, và rất có thể là trong nhiều ngàn năm về sau nữa nếu chúng ta chưa thức tỉnh.

Ở đây, văn hóa, và đặc biệt là văn-chương học-thuật với tư-tưởng vừa là phương tiện, vừa là cứu-cánh của sự chinh phục. Bắc-phương dùng cái từ-chương tuyệt diệu của mình để thâu phục và thuần-thực-hóa cái lớp người gọi là thượng-lưu trong xã-hội của nước ta; nhưng thực ra tất cả những gì được xuất cảng đều chỉ là những bã vò đã khô cằn của nền văn minh Trung-quốc. Cái thực học của họ được bảo vệ và gìn giữ một cách khắt khe. Không nói gì đến sự học kinh bang tế thế, cũng không nói gì đến những kĩ-

thuật quốc-phòng như luyện thép, đúc súng, làm thuốc nổ, chỉ một cái nghề nhỏ mọn như nghề làm chum vại, cũng được họ bảo phòng đến nỗi rằng có một gia đình Việt-nam liêu mạng sang Tàu học được cái thuật ấy, đã bị họ rượt theo cho đến biên giới mà hạ sát, chỉ còn có một người trốn thoát được mà thôi. Nhưng đáng buồn thay, chẳng những rằng đa số những người mà tục ngữ Việt-nam gọi là « theo voi ăn bã mía » đã trở thành những con người úy ngoại và vọng ngoại, lại còn một số người khâm phục nền văn hóa của « Thiên triều » đến nỗi có thể sẵn sàng làm nội ứng và bù nhìn cho các đoàn quân viễn chinh.

Trong những thời đại Việt-nam phải cúi đầu chịu cái thân phận đau khổ của một thuộc-quốc, mỗi khi Trung Hoa thực sự là do chính người Trung-Hoa lãnh đạo, thì bao giờ mở đầu cũng là một cuộc thanh-trừng lớn lao và qui-mô để tiêu diệt văn-hóa học-thuật và tư-tưởng của dân bản-xứ. Mã Viện đời Hán Quang-Vũ, sau khi dẹp xong cuộc nổi loạn của hai bà Trưng, không những đã đuổi theo bọn cử-soái của hai Bà cho tới nơi sơn-cung thủy-tận ở biên-giới của Nhật-nam mà tận diệt, còn thu hết các trống đồng là biểu tượng của uy-quyền Lạc-tướng, với các đồ đồng sản-phẩm của nền văn-hóa Lạc-Việt, mà đúc thành cái cột đồng ô-nhục vĩ-dại trồng ở Giao-chỉ. Đến đời nhà Minh : đặt lại nền đô-hộ trên đất Đại-Việt rồi, lập tức lại thu thập các sách vở của ta từ đời Hồ về trước, trong số đó có *Minh-đạo-thư* của Hồ

Quý Ly, *Tứ-Thư thuyết ước* của Chu-An, *Bình-thư yếu-lược* và *Vạn-Kiếp bí-thư* của Trần Hưng Đạo, để một mặt tài về Kim-lăng mà giữ, một mặt thì làm giàn hỏa thiêu mà đốt trên ngọn lửa để diệt tuyệt trong vĩnh-cửu.

Con số những người có văn-học hay biết kĩ-thuật bị bắt đem về Trung-Hoa trong những thời ấy không biết lên tới bao nhiêu. Chỉ biết rằng những người gốc phương Nam được sách sử ghi tên lại, là đã đem trí-óc và sức lao-động của mình mà tô-điểm cho Trung-Hoa chính-quốc, không phải là không đáng kể. Lý Ông Trọng là một người đã được truyền-kí-hóa, nhưng ngoài ông ra, còn có Lý Tiến, Nguyễn Cầm, Trương Trọng, Bộ Chất, Lê Hồi... Khương Công Phụ làm Giám-nghị và lên tới chức Trung-thư Môn-hạ Bình-chương-sự (tức là Tề-tướng) dưới thời Đường Đức-tông là người Nhật-nam. Nguyễn An, kiến-trúc-sư kiệt tác đã họa đồ, thiết kế và chỉ huy trăm vạn thợ thuyền nhân công trong 16 năm liền, để xây dựng toàn bộ cung điện của thành Bắc-kinh, nơi ngự trị của Hoàng-đế Trung-Hoa từ đời Minh-Thành-tổ (1420) cho tới ngày nay, Nguyễn An cũng là người Việt-nam. Đó là không kể những vị, chắc chắn là cả muôn người, như Nguyễn Phi Khanh, thân-phụ của Nguyễn Trãi, đã bị bắt giải sang Trung Hoa vì chống-đối nền cai-trị bạo-tàn và chính-sách đồng-hóa của đế-quốc.

Ngay cả trong những thời-kì gọi là độc lập của Việt-nam, sự triều

cống sang cho Trung quốc không phải chỉ có ngọc ngà châu báu cùng với sừng tê, răng cạp và các thổ-sản nông lâm, mà còn cả những thợ khéo và văn công bản-xứ nữa. Sự xuất huyết tài-năng đã chồng chất lên từ đời này qua đời khác, và tạo ra một tâm lí sợ sệt trong chốn dân-gian. Để tránh cái nạn bị tuyển đi biệt xứ, người ta đã bắt buộc phải che giấu các tài năng và xảo thuật của người ta, hoặc bằng sự câm lặn, hoặc bằng sự trá ngụy, theo những đường lối mà Lão-tử và Trang-tử đã chỉ dẫn trong *Đạo-đức-kinh* và *Nam-hoa-kinh* là phải trở thành bất tài và vô dụng thì mới được yên ổn mà sống. Nhiều ăn sĩ dật-sĩ ngày xưa thực ra chỉ là những người đã phải cam tâm đánh đổi sự hiện hữu của mình trong lịch sử tư-tưởng, để lấy một sự tồn-tại nhỏ bé nhưng chân xác trong cái khung cảnh thanh thoát của thiên nhiên tại đất nước quê hương của mình. Sự mất mát này thực là rất lớn lao đối với kẻ hậu sinh, nhưng đó là một điều không thể tránh được trong cái hoàn cảnh lịch sử của Việt nam trong hai thiên-niên-kỉ vừa qua.

Đây là hai cái lí-do chính đã làm cho tư-tưởng Việt-nam phải nấu mình trong những khoảng thời-gian dài, ví như con rồng phải ăn nấp khi chưa gặp thời. Kinh Dịch, quẻ Càn, sơ Cửu, viết rằng :

Tiềm long vật dụng

Con rồng còn ăn nấp, chưa thể có chỗ dùng.

(xem tiếp trang 113)

Những phát giác về HUÏNH TỊNH CỦA

Nhân dịp Bách Khoa kỷ niệm 18 năm thành lập, chúng tôi xin cống hiến bạn đọc một số tài liệu vừa phát hiện liên hệ đến Huïnh-Tịnh Paulus Của, người đồng thời với Trương-Vĩnh-Ký. Chúng tôi gặp được cơ duyên trong khi đi thu thập tài liệu về họ Huïnh. Gọi là cơ duyên bởi vì chúng tôi được may mắn là người đồng hương với Huïnh tiên-sinh, được nghe các cụ già ở quanh nhà thờ Đất đỏ tỉnh Phước-Tuy thuật cho nghe một vài mẩu chuyện về họ Huïnh. Năm 1965, trên tờ tuần báo Hòa-đồng do Ô. Hồ-Hữu-Tường chủ trương, chúng tôi đề nghị Bộ Giáo-dục cho tái bản Bộ Đại-Nam Quốc-âm Tự-vị của Huïnh Tịnh Paulus Của. Nay thì lời đề-nghị năm xưa đã trở thành sự thật. Rất tiếc không phải Bộ Giáo-dục đứng ra tái bản bộ Tự vị quý giá này mà trái lại nhà sách Khai-Trí ấn hành trong khuôn khổ bảo tồn những công-trình văn học của tiền nhân đề lại.

Năm 1970, chúng tôi có dịp trở lại làng Phước-Thọ quận Đất-đỏ (Phước-Tuy) là quê hương của Huïnh-Tịnh Paulus Của để tìm thêm tài liệu về Võ-Thị-Sáu, người thiếu nữ anh hùng trong cuộc chiến tranh Việt-Pháp, bị bắt đày ra Côn-đảo và chết ngoài đảo, mộ đặt cạnh mộ nhà cách mạng Nguyễn-An-Ninh. Trong chuyến đi này, chúng tôi tìm gặp một vài tài-liệu về họ Huïnh tại ngôi nhà mà xưa kia ông chào đời tại làng Phước-Thọ cũng như

tại nhà thờ Đất-đỏ, nơi mà họ Huïnh ăn trú trong những ngày đạo Công-giáo bị cấm chỉ nghiêm ngặt rồi sau đó, ông lên đường sang Pénang du học và lúc trở về Sài-gòn, rất tiếc họ Huïnh không còn trở lại thăm ngôi nhà cũ ngày xưa. Sau chiến cuộc Tết Mậu-Thân, ngôi nhà này đã hoàn toàn bị phá hủy vì bom đạn.

Song song với việc phát hiện hai tập tài liệu về Trương-Vĩnh-Ký mà chúng tôi đã công bố trên Bách-Khoa trước đây, chúng tôi tìm được tập hồ-sơ của Huïnh-Tịnh Paulus Của gồm: 20 văn-kiện liên hệ đến Bộ «Đại-Nam quốc-âm tự vị», 5 văn kiện thuộc «Chuyện giải buồn», 3 văn-kiện về quyền «Gia-lễ» và 14 văn kiện liên hệ đến tác phẩm nghiên cứu về cây cỏ miền Nam, có tính trị liệu tức các bài thuốc Nam. Tác phẩm này chưa xuất bản vì nhà nước bảo hộ thời đó không giúp tiền in hoặc đặt mua. Trong tập hồ sơ vừa kể không có văn kiện hành chánh nào của nhà cầm quyền dành cho cuộc đời công chức của Đốc-phủ sứ Paulus Của.

Ngoài ra, chúng tôi cũng tìm được khá đầy đủ các tác phẩm bằng quốc ngữ được xem là quan trọng trong sự nghiệp văn chương của Huïnh Tịnh Paulus Của, chúng tôi xếp các tác phẩm này theo thứ tự năm ấn hành

1) Phép đo tức Traité d'arpentage (1862)

2) Tục ngữ, Cờ ngữ, gia ngôn tức Maximes et Proverbes (1882)

3) Chuyện giải buồn (1886)

- 4) Chuyện giải buồn cuốn sau (1886)
- 5) Gia lễ (1886)
- 6) Sách bác học sơ giai (1887)
- 7) Sách quan chế (1888)
- 8) Đại-Nam quốc âm tự vị, quyền một (1895)
- 9) Đại-Nam quốc-âm tự-vị, quyền hai (1896)

10) Ca trù thề cách (1907).

Tập tài liệu và mười tác phẩm nêu trên giúp ta đính chánh một số sai lầm trong các bộ văn-học-sử hiện hành tại miền Nam cũng như xác định chỗ ngồi của họ Huỳnh trong nền văn học quốc ngữ thời kỳ đầu Nam kỳ bị trị.

Từ tên tác giả đến toàn bộ văn nghiệp của Huỳnh Tịnh Paulus Của

Họ và tên của tác giả đã gây nhiều khó khăn cho người nghiên cứu, Chính danh của ông là Huỳnh-Tịnh Paulus Của hay Paulus Huỳnh Tịnh Của ? Nghi vấn này khó được giải đáp thỏa đáng. Trong các thư từ cũng như các nghị định tìm thấy trong Courrier de Saigon, Gia định báo, Bulletin officiel de la Cochinchine française, chúng tôi chỉ vồn ven đọc được tên ông là Paulus Của Đốc-phủ-sứ. Trong khi ấy, tài liệu hành chánh của Trương Vĩnh Ký ghi rất rõ Pétrus Trương Vĩnh Ký.

Tờ giao kèo ký kết giữa nhà cầm quyền thuộc-địa và nhà in Rey et Curisol ghi Paulus Của, tác giả bộ « Đại-Nam Quốc-âm tự-vị ». Tuy nhiên, khi ấn hành, bìa bộ tự vị lại in Huỳnh Tịnh Paulus Của. Tờ bìa sách « Bác-học sơ giai » và « Phép đo » (in thạch bản năm 1862 và in ti-pô năm 1904) lại ghi tên tác giả là Hoàng-Tịnh Paulus Của. Trong sách « Bác học sơ giai », phía dưới bài Tiêu-tự, tác giả ký Hoàng Tịnh Trai tự.

Các tác phẩm khác như « Chuyện

giải buồn », « Ca trù thề cách » thì chỉ ghi vồn vẹn Paulus Của, Đốc-phủ-sứ.

Trong khi chờ đợi các tài liệu chính xác hơn, đề thống nhất danh xưng, chúng tôi xin ghi Huỳnh Tịnh Paulus Của, tự Tịnh-Trai. Họ Huỳnh viết « i » ngắn để đúng với lối viết lúc họ Huỳnh còn sanh-tiền.

Cuốn sách đầu tiên của họ Huỳnh là « Phép đo » tức « Traité d'arpentage. » Sách do nhà « Imprimerie et Librairie nouvelles Claude et cie. » in bằng ti-pô năm 1904. Phía cuối sách có ghi : « Phép đo này ta dịch ra quốc-ngữ cùng in bản đá năm 1862. » Sách viết bằng quốc-ngữ, gồm 2 phần : phần đầu dạy cách vẽ các hình hình-học như đường thẳng, hai đường thẳng song song, đường tròn v.v... và phần hai dành để giải các bài toán hình-học, thí dụ cách chứng-minh hai góc bằng nhau. Hình vẽ rõ, lối trình bày thật khúc chiết. Đúng là một cuốn sách thuộc loại giáo-khoa có giá-trị. Có lẽ « Phép đo » là cuốn sách giáo-khoa đầu tiên viết bằng

matssurer l'achat d'un certain
nombre d'exemplaires, afin d'avoir
les moyens de recouvrer une partie
des frais d'impression.

Je suis avec le plus profond
respect, Monsieur le Gouverneur
Vôtre très humble et très dévoué
serviteur,

Paulus

Ghi chú: Trích thư của Paulus Gửi Tổng-đốc Nam-kỳ (đề ngày 4-12-1894)
đề xin mua giúp một số sách "Chuyện giải buồn", với chữ ký của ông.

quốc-ngữ tại Nam-kỳ. Theo nghị-
định do Soái-phủ Nam-kỳ ban hành
ngày 17-11-1874 về Chương-trình
học ở hai bậc Tiểu và Trung-học,
học sinh đều học phép đo tức Ar-
pentage. Trong Bách-Khoa số trước,
với bài « Thực chất của một nền giáo
dục nô dịch » chúng tôi đã dịch ar-
pentage là phép trắc lượng.

Nếu cuốn « Phép đo » là sách giáo-
khoa đầu tiên viết bằng quốc-ngữ
thì cuốn « Bác-học sơ-giai » là cuốn
đầu tiên viết bằng quốc-ngữ thuộc
loại phổ biến kiến thức khoa-học
thường thức. Dưới tựa sách ngoài
bìa, chúng ta còn đọc được : « Nói
rút về thiên-văn, địa lý, bác vật, hóa
học cùng nhiều phép học hay ». Kế
đó là « Có Hội-đồng Quản-hạt giúp
tiền ». Sách do nhà hàng « Rey et Cu-
riol » ấn hành năm 1887. Ở đầu sách
có bài Tiểu tự nói rõ mục đích cùng

cách phiên-âm, dịch thuật các danh-
từ khoa-học :

« Đây là những chuyện trong sách
thời Tây, nói việc cao xa trên trời
dưới đất, như thiên-văn, địa lý, kim
khoán, nhơn-vật-luận, bác vật, hóa-
học, cờ xảo, kỹ nghệ, dưỡng-sanh,
chính là những điều người An-nam
mắc theo văn chương kinh-sử, hoặc
cho là mạt nghệ cửu lưu, mà không
yêu chuộng. Song xét ra thì là những
chuyện con người phải biết, bằng
chẳng thì lấy đâu mà gọi rằng Thượng
thông thiên văn, hạ đạt địa lý, trung
quan nhơn sự ».

Bài tiểu tự viết tiếp .

« Ấy là những sách ngày thường
ta đã có học biết ít nhiều, nhơn khi
rảnh rỗi, ta dịch rút các lẽ hay cùng
những điều, ta lại giống cùng các
sách thiên văn, địa lý, bác vật, hóa-
học bên Trung-quốc đã dịch rồi, ta

lấy những tiếng riêng theo việc học mới, phụ hội thêm một đôi điều, bèn làm ra một tập sách gộp, đặt tên là *Bác học sơ-giai*, chữ *bác-học* chỉ nghĩa là rộng thông các việc học; chữ *sơ-giai* chỉ nghĩa là nấc đầu, chưa dám gọi ngay là *bác học*.

Dưới bài *Tiểu tự*, tác giả ký *Huỳnh Tịnh Trai tự*.

Bài *Tiểu tự* này ra đời năm 1887, rất quan trọng. Nó giúp cho chúng ta biết được phần nào dụng ý của các nhà văn quốc ngữ khi phổ biến các kiến thức về khoa học thường thức. Nó còn giúp ta biết được cách diễn dịch các danh từ khoa học do các nhà văn quốc-ngữ thời kỳ đầu bị trị xướng xuất — điều mà mãi đến 50 năm sau nhóm ông Hoàng-Xuân-Hãn mới bắt tay làm tại Hà-nội.

Sách « *Bác-học sơ-giai* » gồm tất cả 170 bài, mỗi bài không quá 2 trang giấy nhằm giúp cho học sinh đọc hiểu với các hình vẽ được chỉ dẫn tường tận. Ngày nay đọc lại các bài khoa-học thường-thức này, chúng ta nhận thấy ngay là tác giả cố gắng diễn dịch các ý-niệm, công-thức khoa-học để cho mọi người đều hiểu. Tuy nhiên tác giả gặp rất nhiều khó khăn trong cách diễn-đạt, nhất là việc dịch các danh-từ khoa-học vào thời-kỳ phôi thai của chữ quốc-ngữ. Các danh-từ này đã lỗi thời, thí dụ *phong-vô-châm* nay là *phong-vô-biêu*, *hàn-thử-châm* nay là *nhật-kế*.

Cuốn thứ ba mà chúng tôi muốn giới thiệu là sách « *Quan chế* », bản in Nhà nước năm 1888. Sách dày

94 trang, gồm 2 phần. Phần đầu dịch ra quốc-ngữ tên các cơ-quan hành-chánh, các chức sắc mà nhà cầm quyền thuộc-địa thiết lập tại Sài-gòn sau năm 1859. Phần hai mô tả guồng máy hành chánh của Nam triều. Trong bài *Tự*, tác-giả viết :

« Vậy chúng ta xét coi hội đồng nhà Thanh, hội-đồng Nam-việt, lấy bên Quan chế, sánh so lập làm quan chế riêng Nam-kỳ, cả thấy có hai tập : tập đầu nói về chức tước ti thuộc quan Langsa ; tập thứ hai thì là chức tước ti thuộc quan Annam, trước là cho tiện trong việc xưng hô, sau là cho trọng sự thể nhà nước. »

Sách « *Quan chế* » có một lợi ích thiết thực nhất là giúp các nhà nghiên cứu hiện nay dịch sát nghĩa các danh xưng, chức tước, phẩm hàm trong cơ quan công quyền thuộc địa tại Nam-kỳ vào cuối thế-kỷ 19. Đa số các tài liệu trong thời kỳ này đều viết bằng Pháp văn. Một danh từ mà các giáo-sư, sử-gia hiện nay thường dùng là « *Conseil colonial* ». Các ông Phan-Khoang, Phạm-Văn-Sơn, Gs. Nguyễn-Văn-Trung, Gs. Nguyễn-Thế-Anh, Phạm-Thế-Ngũ đều dịch là « *Hội-đồng thuộc-địa* » trong khi chữ chính-xác thời ấy lại là « *Hội-đồng quản hạt* ». Nhờ sách « *Quan chế* », ta biết được « *Direction de l'Intérieur* » là « *Thống lý nha sở* » (danh từ thường dùng hiện nay *Nha Nội-trị*), « *Direction de l'enseignement* » là « *Học-chánh-đường* », « *Ecole primaire* » là « *Trường Sơ học* », « *Ecole secondaire* » là « *Trường nhì* ».

Sự diễn-dịch sát nghĩa còn giúp cho việc nghiên-cứu xã-hội miền Nam thời kỳ đầu bị trị được dễ dàng, nhất là dựa vào các bản văn quốc-ngữ in trong bộ « Gia-định-báo ». Thí-dụ nay ta gọi Thống-soái, l'hoàng-đốc Nam-kỳ thì thời Huỳnh Tịnh Paulus Cửa gọi là « Quan Khâm-mạng đại thần Tổng-thống Nam-Kỳ thủy lục binh dân ».

Nhưng cuốn sách của Huỳnh Tịnh Paulus Cửa hữu ích cho các nhà nghiên-cứu văn-học miền Nam hơn cả là cuốn « *Ca trù thể cách* » do nhà Imprimerie commerciale Marcellin Rey, Saigon, ấn hành năm 1907. In xong quyền này, họ Huỳnh mất tại tư gia của ông ở Cầu-kho và chỉ có mỗi một tờ báo quốc-ngữ tại Sài gòn loan tin kèm theo tiểu-sử tác-giả là tờ « *Lục-tỉnh tân-văn* » do Trần Nhứt Thăng tức Gilbert Chiểu làm Chủ-bút.

Trên bìa sách « *Ca trù thể cách* », chúng ta còn đọc được 4 hàng chữ sau đây : Văn nôm, Poésie annamite, Quốc-âm thi-tập, rút trong các xap (nguyên văn) văn chương. Tên tác giả ghi : Paulus Cửa, Đốc phủ sứ. Sở dĩ chúng tôi phải kê rõ như vậy là vì các nhà nghiên-cứu văn-học miền Nam gọi cuốn này khi thì « *Ca trù thể cách* », khi thì « *Văn nôm* », khi thì « *Poésie annamite* », khi thì « *Quốc âm thi tập* ». Trong bài Tựa của tập sách này, tác giả cho biết :

« Cũng một tiếng nói, cũng một lời nói, mà có kẻ nói hay, sắp đặt có phép thì ai nấy đều gọi là văn hay.

Số là ai nấy đều có một lòng, đều có một trí ý, thấy lời nói nhẹ nhàng khôn khéo, đều chịu là hay, chẳng khác thấy mùi ngon mà không chê vậy.

« Ta thấy có nhiều bài văn nôm như ca trù, văn tế, thơ ngũ ngôn, bát cú, của các tay văn chương làm ra, ta lấy làm hay, ta muốn in ra cho ai nấy xem chơi, cho biết tiếng mẹ đẻ cũng có điều hay, chẳng đợi chữ Nho mới có văn chương »

Tác giả kết luận :

« Bình nhứt tạ hồ về sự lấy của người làm của mình, hoặc lượm lặt đồ cũ lấy ý riêng mà canh cải, nhứt là sợ tam sao thất bản, lạc ý kẻ làm văn ».

Như đã viết ở trên, cuốn *Ca trù thể cách* giúp ích rất nhiều cho việc nghiên cứu văn học miền Nam. Đây là một trong những cuốn sách trích tuyển thi văn miền Nam sát với nguyên tác. Khuyết điểm lớn của tập sách là không ghi tác giả. Tuy nhiên, ngoài một số bài thơ khuyết danh rất có giá trị, chúng ta tìm đọc được các bài đã đi vào văn học sử miền Nam như : « Tôn phu nhưn qui Hán » thơ (của Tôn Thọ Tường). Hựu họa nguyên vận (tức bài họa lại của Cử Trị). Thơ di già đi tu (của Tôn Thọ Tường). Văn quân tiền quân tế các tướng si tử trận (của Nguyễn văn Thành), Văn Thủ Khoa Ngải (tức Thủ khoa Nghĩa) tế vợ, Văn tế vong hồn mộ nghĩa (của Nguyễn Đình Chiểu).

Nhờ cuốn « *Ca trù thể cách* », các

nhà nghiên cứu văn học miền Nam có thể lập lại nguyên tác các bài thơ, các bài văn nổi tiếng tại miền Nam. Gác qua một bên thái-độ chánh-trị của Tôn-Thọ-Tường, chúng ta phải nhìn nhận thơ của họ Tôn là những hạt trân châu của thơ văn miền Nam. Rất tiếc, cho tới nay, các bài thơ của Tôn-Thọ-Tường bị sửa đổi một vài chữ, do đó làm mất ý nghĩa thâm trầm mà họ Tôn muốn gởi gắm qua các bài thơ gắn liền với thời-cuộc. Trong tập hồ-sơ của Trương-Vĩnh-Ký, chúng tôi tìm thấy bốn trang giấy khổ lớn ghi tất cả các tác-phẩm do chính ông biên soạn. Trong số tác phẩm này có cuốn « Oeuvres de Phủ Ba Tường » (Tác phẩm của Phủ Ba Tường) mà bản thảo hầu như đã bị thất lạc. Ở ngoài rìa bản-thảo ghi các tác phẩm, Trương-Vĩnh-Ký tự tay viết hàng chữ : « sưu tập sau khi nghe ông Phủ mất ở Bắc-Kỳ ».

Ngoài các tác phẩm trên mà chúng tôi cho là quan trọng nhất trong văn

nghiệp của Huỳnh-Tịnh Paulus Của chúng tôi còn tìm được « Câu hát góp » (1904), Văn Cha Minh và Lái Gầm (tìm thấy trong nhà in « Imprimerie de la Mission, nhà thờ Tân-định ở Sài gòn, mất bla cho nên không rõ sách in năm nào), (1) « Recueil des actes officiels en caractères chinois » (Bản in nhà nước, 1888).

Cũng như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh-Tịnh Paulus Của thi hành lệnh của nhà cầm quyền thực dân : diễn ra quốc-ngữ tất cả văn thơ có giá trị của người An-nam. Trương Vĩnh Ký diễn ra quốc-ngữ các áng thơ văn có tính cách bác-học. Trái lại, Huỳnh-Tịnh Paulus Của thực tế hơn, ông diễn ra quốc ngữ các tập thơ văn bình dân Nam-kỳ. Chúng tôi sẽ đề cập rõ sự đóng góp của hai ông về phương diện này trong bài « Công trình của Trương-Vĩnh-Ký và Huỳnh Tịnh Paulus Của trong việc diễn ra quốc-ngữ các truyện thơ bình dân Nam-kỳ. »

NHÀ MAY

BẮC HẢI

Tốt nghiệp tại Ba-lê

778 đường Phan Thanh Giản Saigon

Chuyên may Âu-phục

Hợp thời trang

Giá phải chăng

Hiện có đủ thứ hàng mới về đề quí khách chọn lựa

C H Ú C M ù N G N Ă M M Ớ I

Giá trị của những Bút-hiệu

Trong một bữa cơm thân mật tại nhà anh Dã Lan Nguyễn-Đức-Dụ, nhân dịp anh trình bày sự tiến triển công việc soạn thảo cuốn « Văn-thi-gia cận-đại phổ-trạng Lược-khảo » tình cờ tôi được xếp ngồi đối diện với các anh Hà-Thượng Nhân và anh Lê-Ngộ-Châu. Chung quanh toàn là những thi văn hữu tên tuổi và quen thuộc cả, nhưng gặp anh Lê-Ngộ-Châu tôi nhớ ngay đến món nợ cảm tình quý giá mà tôi cần phải trả.

Tôi bắt tay cảm ơn những lời giới thiệu nồng nhiệt về khoa Cảm-xạ-học mà anh đã nhắc nhở đến trong lời ghi-chú của một lá thư Minh-Đức Hoài-Trình viết. Danh từ « Cảm-xạ-học » được nhắc nhở đến khá nhiều trong bữa tiệc, vụt mang đến cho tôi một ý kiến là viết cho độc giả Bách-Khoa một bài báo Xuân vừa có tính cách văn nghệ mà vẫn không lạc ra ngoài lãnh vực cảm-xạ-học mà tôi đeo đuổi ngót ba năm nay. Ý kiến được mọi người tán thành, dĩ nhiên nhất là anh Lê Ngộ Châu ; đề-tài đến ngay với tôi là « sự phân tách định giá những Bút-hiệu qua khoa Cảm-xạ-học », và thí nghiệm trực tiếp tức thì là định giá những bút-hiệu của anh Hà-Thượng Nhân đang ngồi trực diện với tôi.

Trước hết tôi thấy cần phải giải thích sơ qua về khoa Cảm-xạ-học để nhiều bạn đọc khỏi thắc mắc.

Cảm-xạ-học dịch ở danh từ « Radiesthésie » của Pháp và « Dowsing » của Mỹ, là khoa sử dụng giác quan nhạy cảm thứ sáu của con người (extra sensorial perception - ESP) để phát giác ra những cái gì mà các giác quan khác không tìm thấy được. Người Nga cũng tìm hiểu cảm-xạ-học rất nhiều và nghiên cứu trong lãnh vực Địa-chất-học, cho rằng sở dĩ cảm-xạ-viên trực cảm được những sự việc « khuất mắt » là nhờ tác dụng sinh-vật-lý học (Biophysical Effect) — « BPE » — tạo ra những chấn động lan truyền trong vũ-trụ với vận tốc tức thì nghĩa là không có thời-gian.

Chúng ta có thể tạm giải thích nguyên-tắc vận hành của cảm-xạ-học như thế này: người cảm-xạ-viên tập trung ý nghĩ vào đối tượng khuất mắt mà họ đang muốn tìm kiếm (khoảng cách xa gần không cần thiết). Làn sóng tư tưởng phát ra từ tiềm thức của họ, lan truyền tức khắc đến mục-tiêu để tìm kiếm và ghi nhận các dữ-kiện, rồi trở về nơi xuất phát, tức là tiềm-thức của cảm-xạ-viên. Trong trạng-thái này cảm-xạ-viên đã giao cảm được với đối tượng và chỉ cần đặt những câu chất vấn để biết tất cả những gì mình muốn biết. Tiềm-thức sẽ kích thích một « trung-tâm thần-kinh » nào đó trong cơ thể cảm-xạ-viên để điều khiển hệ - thống cơ - mô-thần - kinh làm chuyển động một thứ dụng cụ

cầm trong tay, là quả lắc hay đũa, theo một quy-ước minh-định để trả lời câu chất vấn và cho biết dữ-kiện đã thu thập về đối tượng. Dụng cụ cầm trong tay chỉ là một phương-tiện để khuếch-đại những chuyển động vi ti trong cánh tay cảm-xạ-viên, mà người trần mắt thịt không trông thấy được.

Cảm-xạ-học là một phương tiện nhận-thức bao quát, có những khả năng rộng lớn và sắc bén hơn tất cả các giác quan và hơn tất cả mọi khả năng khác của con người. Bởi vì cảm-xạ-học không chuyên biệt như một trung-tâm của khả năng nào và không bị giới hạn như các giác quan khác. Cảm-xạ-học ý thức với tất cả những phản-ứng sinh-lý, não hệ, cơ hệ và thần-kinh hệ, do đó cảm-xạ-học ý thức gián-tiếp đến tất cả mọi hoạt động tâm linh của chúng ta, dưới mọi hình thức. Và cũng do đó cảm-xạ-học có thể dùng trong mọi lãnh vực cần đến tri-tuệ. Cảm-xạ-học có thể là một phương-tiện để hướng dẫn và hoàn bị trong mọi lãnh vực của đời sống hàng ngày cũng như của tất cả các ngành khoa-học và nghệ-thuật.

Trong gia-đình, quả lắc cảm-xạ-học giúp cho ta phân biệt được những thức ăn độc hay hiền, xác định số lượng thích hợp, đặt hướng chỗ nằm để có giấc ngủ ngon, tìm những đồ vật thất lạc. Dưới lòng đất, quả lắc giúp cho cảm-xạ-viên tìm ra mạch nước, hầm mỏ, bảo vật, kho tàng, xác định những luồng « âm khí » hay « ác xạ » phát tiết từ dưới đất để gây ra bệnh hoạn, tai nạn. Trong

ngành y-học, cảm-xạ-học giúp một cách rất hữu hiệu trong việc tìm bệnh và trị bệnh, xác định vị thuốc và số lượng thích đáng tùy theo bệnh trạng và cá nhân.

Trong công việc làm ăn, chúng ta có thể « hỏi » quả lắc những giải pháp cho mọi vấn đề khó khăn, nan giải, nghiên cứu giúp những kế hoạch, dự đoán công việc làm ăn, tìm người chân thành để hợp tác, điều tra mọi sự gian lận.

Trong mọi công việc trên đây không những quả lắc « chỉ » cho biết « có » hay « không », « đúng » hay « sai », « giả » hay « thật », mà lại còn cho biết luôn số lượng, ngày giờ, địa điểm, tỉ lệ, trong lượng, kích thước, giá cả, nói tóm lại là cho biết một kết quả vô cùng chi tiết mà chúng ta không thể nào ngờ được về mức độ chính xác và tiên tri. (1)

Định giá những Bút hiệu bằng cảm-xạ-học

Đời xưa các cụ chọn tên hay đặt bút hiệu cho con cháu là cả một công việc phức tạp. Ngoài sự tránh trùng hợp với những húy danh của Vua Chúa cũng như của ông bà cha mẹ, bà con hàng lớn trong gia tộc, các cụ còn áp dụng những nguyên tắc « ngũ hành sinh khắc » hay « âm dương thuận nghịch » và lắm lúc còn đem « chiết tự » theo Dịch lý để tìm một sự hoàn hảo cho tương lai của kẻ mang những tên đó. Ví dụ như tên của hàng cha viết theo chữ Hán, mang bộ Mộc chẳng hạn thì bắt buộc

(1) Xin xem Tập « Cảm-xạ-học Việt-Nam » xuất bản mỗi 3 tháng.



Hình tác giả bài này, nhà Cầm-xạ-học Thạch-Hà Kim-Hoàng-Sơn, —Đại tá Hải-quân Võ-Sum— đang cầm cái quả lắc, do ký giả J. Swan hãng Thông tấn BBC chụp ngày 13-10-73 tại nhà, trong một cuộc phỏng vấn.

tên các con phải thuộc về bộ Hỏa, bởi vì Mộc sinh Hỏa và sinh như thế là sinh thuận. Về cách chọn theo bộ này bây giờ ít quan trọng bởi vì viết theo quốc ngữ thì không có « bộ » nữa.

Về cách chiết-tự theo Dịch-lý thì các cụ đếm số nét của một bút hiệu và lập thành chánh tượng của một quẻ dịch sáu hào âm dương và diễn giải theo ý-nghĩa của nó.

Ví dụ một bút hiệu có hai chữ Thạch-Hà chẳng hạn. Chữ « Thạch », viết theo Hán tự (石) nghĩa là « Đá », có 5 nét. Chữ Hà (河) nghĩa là « Sông », có 8 nét. Số 5 tương đương với quẻ PHONG đem viết ở thượng quái và số 8, tương đương với quẻ ĐỊA, đem viết ở hạ quái. Hai thượng và hạ quái lập thành Chánh tượng (Tổn trên Khôn) tức là PHONG ĐỊA

QUAN (có một nghĩa là « xem xét »). Đứng về phương diện Dịch lý thì bút hiệu này không tốt lắm. Nếu dùng quả lắc cầm-xạ-học để định giá thì chúng ta sẽ có một trị số không (Zéro) (vô thường vô phạt) trên nấc thang đại số âm dương. Nhưng cái hay của Hán-tự là ở chỗ một chữ đồng âm có thể viết nhiều cách với nhiều nghĩa khác nhau. Ví dụ như chữ Hà trên đây có thể viết (荷) có nghĩa là cây sen, có 11 nét thay vì 8 nét như của chữ Hà (Sông). Trong trường hợp này 11 trừ đi 8 còn 3 tương đương với quẻ HỎA. Và bây giờ chánh tượng sẽ là (Tổn trên Ly) PHONG HỎA GIA NHÂN (phát triển, nảy nở). Quẻ này có một ý nghĩa tốt đẹp hơn quẻ trước và có một giá trị cầm-xạ-học cao hơn, 40% thay vì 0%.

Cái trị số bách-phân mà cầm-xạ-học đã tìm ra cho các bạn luôn luôn phù hợp với kết quả của khoa chiết tự bằng Dịch-lý và chắc chắn là lợi hơn vì bạn có ngay một khái niệm để so sánh rất rõ rệt.

Trên những bút hiệu viết bằng quốc ngữ ngày nay các bạn cũng có thể dùng phương-pháp cầm-xạ-học để định giá một cách dễ dàng. Nếu các bạn đã biết qua về Dịch-lý và muốn chiết tự một bút hiệu bằng quốc ngữ thì nên áp dụng vài quy ước căn bản để thống nhất việc giải đoán. Những quy-ước này đã được xác định và phối kiểm bằng phương-pháp cầm-xạ-học :

1) Đếm số mẫu tự trong mỗi chữ để lập thành các « quái ».

2) Một bút hiệu có 2 chữ thì

đương nhiên chữ đầu là thượng quái và chữ thứ hai là hạ quái.

3) Một bút hiệu có 3 chữ thì lấy một chữ đầu làm thượng quái, còn hai chữ kế đem cộng lại với nhau để tìm hạ quái.

4) Một bút hiệu có 4 chữ thì lấy 2 chữ đầu làm thượng quái, nghĩa là chia đều.

5) Bút hiệu có 5 chữ thì cộng số mẫu tự trong nhóm hai chữ đầu làm thượng quái.

Sở dĩ phải có quy-ước trên đây vì đã có nhiều thầy Dịch-lý đoán rất mâu thuẫn với nhau khi chiết tự. Trong những trường-hợp này chỉ có quả lắc cảm-xạ-học làm trọng-tài là đẹp nhất.

Một ví-dụ cho anh Hà-Thượng Nhân

Anh Hà-Thượng Nhân có lẽ là người có nhiều bút hiệu nhất. Trong bữa tiệc hôm ấy anh đã đưa ra 6 bút hiệu sau đây để trắc nghiệm. Còn rất nhiều những bút hiệu khác nữa mà anh đã phải cố vận dụng trí nhớ để ghi lại, chứng tỏ tính cách phụ thuộc, cho nên tôi đã chọn 6 bút hiệu chính.

Điều cần thiết của một cảm-xạ-viên khi đứng trước một vấn đề cần tìm hiểu là phải giao cảm với đối tượng, sau đó mới chất vấn tâm linh tiềm-thức để đọc những dữ-kiện theo một quy-ước định sẵn. Trong trường-hợp này tôi dùng một cung xích ghi độ số từ 0 đến 100 và định tâm vào công việc tìm giá trị « tổng quát » của từng bút hiệu. Bạn có thể tìm những chi tiết khác, ví dụ như giá trị về danh tiếng, tài lộc hay mọi sự hên, xui khác, bởi vì mỗi một

bút hiệu có thể mang lại cho tác-giả những mức độ hên, xui, danh, tiếng, tài lộc khác nhau. Công việc định tâm và giao cảm với đối tượng rất dễ khi cảm-xạ-viên ngồi trước thân chủ. Trong trường-hợp ở cách xa nhau thì thân chủ phải có chiếc ảnh làm chứng vật để thay thế.

Kết-quả định giá 6 bút hiệu của anh Hà-Thượng Nhân như sau :

Trung-Nguyên-Tử	70%
Do-Trường-Lan	50%
Hy-Hoàng	70%
Hà-Thượng Nhân	90%
Thanh-Tri	70%
Tiêu-Nhã	60%

Nếu đem phân tích theo phương pháp chiết tự bằng Dịch lý như đã trình bày trên kia thì các bạn thấy :

Hà - Thượng Nhân được Quẻ Thuần Càn (Hiện đẹp) tốt nhất.

Hai bút hiệu Do-Trường-Lan, quẻ Trạch Thiên Quải (Dứt khoát) và Tiêu Nhã, quẻ Lôi Hỏa Phong (Hỏa Mỹ) thuộc loại « vô thường vô phạt ». Còn những bút hiệu khác mang những giá trị tương đối khá hơn nhưng vẫn không bằng bút hiệu Hà-Thượng Nhân.

Ưu điểm của phương-pháp cảm-xạ-học khi giải đáp tất cả các bài toán khế khấn ở đời, là cho một đáp số nhanh chóng và chính xác, mà không quên cứu xét tất cả mọi khía cạnh hạn chế và ràng buộc con người vào vũ trụ, như những điều kiện « ngũ hành sinh, khắc », « âm dương thuận, nghịch », « bối cảnh hạp, kỵ »...

THẠCH-HÀ KIM-HOÀNG-SƠN

Quý bạn thi-văn hữu nào muốn nhờ dịch-vụ cảm-xạ-học, xin gửi một chiếc ảnh khổ 4 x 6 và bút-hiệu về Bách-Khoa 160 Phan Đình Phùng Saigon. Lệ phí dịch vụ là mua giúp 3 số « Cảm-xạ-học Việt-Nam » đã xuất bản, giá 600đ. (cước phí thêm 200đ. nữa).

Tâm sự cuối năm của một nữ nghệ sĩ sân khấu



Nữ nghệ sĩ Kim Cương

Tôi không có cái tham vọng phân tích nghệ thuật diễn xuất mà chỉ bày tỏ ở đây một ít tâm-sự của nghề nghiệp mình. Trong xã hội ta có một khuynh hướng đề cao quá đáng những người diễn viên màn ảnh mà lại coi nhẹ vai trò diễn viên sân khấu. Sự lệch lạc này dĩ nhiên là có tác hại đến ngành kịch nghệ nói chung. Đánh rằng không sao có thể phân biệt hơn thua giữa các ngành loại khác nhau, bởi mỗi nghệ thuật có giá trị riêng của nó nhưng phải thừa nhận nghệ sĩ sân khấu muốn xứng với danh hiệu ấy đã trải qua sự đào luyện công phu, khó nhọc hơn nhiều, đòi hỏi có một trình độ tâm hồn cao hơn và một vốn sống nhiều hơn. Do đó các nước Âu Mỹ nói chung vẫn trọng nghệ sĩ sân khấu hơn là diễn viên màn bạc.

Thực tế mà xét, con người màn ảnh hay là con người sân khấu hiện nay cũng chẳng có gì là phần khỏi cả. Ngành kịch cũng như phim ảnh đều bị sa lầy, gặp sự bế tắc.

Nguyên nhân của bế tắc này gồm có nhiều loại. Điều kiện lộ liễu, dễ nhìn thấy nhất là chuyện bạc tiền. Mảnh đất đã dung nạp kịch nhiều nhất hiện nay là ngành truyền hình, nhưng nếu thử làm một bài toán nhỏ, ai cũng thấy rằng các trường ban kịch đều phải chịu sự thiệt thòi trước hết về mặt tài chánh. Một « show » kịch thuộc hạng nhất kéo dài hai tiếng đồng hồ hưởng được thù lao 120.000 đồng. Nếu ta trừ thuế là mười phần trăm — nghĩa là mất 12 ngàn — trừ khoản phong cảnh độ hai chục ngàn, trừ phần nhạc đệm mười ngàn, tiền mua vở kịch độ mười lăm ngàn, thì ta còn lại cho phần trường ban và các tài tử độ 60 ngàn. Nhưng trong số đó kếp chánh đòi hỏi thù lao 15 đến 20 ngàn. Với khoảng 40 ngàn còn lại đó, làm sao trang trải cho các diễn viên, làm sao chi phí về khoản ăn uống các buổi tập dượt, trả tiền xe cộ những chuyến tới lui ở Đài, đó là chưa kể trường hợp máy hư còn phải xuống lều nhiều lượt, nhiều ngày ?

Tất cả những vở trình diễn ở trên Tí vi đòi hỏi hi-sinh vì phải chịu

đựng thiết thời. Tất nhiên muốn cho khỏi lỗi người ta có thể mua những vở kịch giá rẻ, thuê những diễn viên giá hạ và tập qua loa để khỏi phải tốn kém nhiều. Mỗi ngày một ít, tình trạng này làm cho Kịch thật lụi. Đó là chưa nói đến những trở ngại căn bản về phần nội dung bởi sự kiểm duyệt nếu khe khắt lắm sẽ làm cho Kịch mất hết sinh khí và cái ý hướng sáng tác bị mòn dần. Kề ra trong bấy lâu nay, vấn đề kiểm duyệt đã được nhiều bậc thức-giả đề cập đến rồi và khá tỉ mỉ, liệu tôi có nên góp ý nữa chăng ?

Điều mà mọi người sáng tác mong mỏi là kiểm duyệt được bãi bỏ, bởi có như thế công trình sáng tạo mới thật sự được giải tỏa, nguồn cảm hứng mới phong phú và những đóng góp mới lạ có cơ xuất hiện. Có thể song song với sự tự do tạo tác, một số luật lệ ngăn ngừa các sự quá trớn sẽ được ban hành, đồng thời phong trào phê bình, tranh luận sẽ được khuyến khích phát triển, để mở rộng sự xây dựng văn học, nghệ-thuật. Nếu phải nhân danh một sự bảo vệ nào đó cần duy trì sự kiểm duyệt như là một loại rào cản nhất thời, chúng ta cũng mong mỏi rằng điều đó phải được thực hiện một cách cởi mở, với những thiện chí xây dựng và sự sáng suốt của một đóng góp văn hóa hơn là những lối chế tài phát xuất từ một tinh thần sợ hãi trách nhiệm, với những biện pháp tiêu cực, chỉ làm tiêu mòn hơn nữa ý chí sáng tác, đào sâu hơn nữa cái hố phân cách giữa các người làm văn nghệ và người cầm quyền.

Dù sao ai cũng mong mỗi lối kiểm duyệt đầy sợ hãi ngày nào giờ được xóa bỏ như một kỷ niệm không lấy gì làm êm đềm. Ngày nào nói chuyện kháng chiến chống thực dân Pháp cũng bị cấm đoán, và trong vở kịch treo một tấm lịch để năm 1945 cũng bị gạt bỏ. Ngày nào trong một cuốn phim có đoạn nhắc lại lịch sử xa xưa « dân ta sống dưới uy quyền Thái Thú Tô-Định » cũng bị cắt xén, bởi lẽ sợ người xem phim hiểu lầm với quan Thái-thú... Bunker ! Một trong muôn ngàn chuyện lạ mà tôi còn nhớ là trong vở tuồng cải lương « Áo cưới trước cổng chùa » có câu :

Mỗi năm mỗi thắp đèn trời

Cầu cho cha mẹ sống đời với con

đã bị gạt bỏ, bởi lẽ các vị kiểm duyệt lấy làm thắc mắc không hiểu « đèn trời » là loại đèn gì, dầu câu ca dao đã được nhiều người nằm lòng từ thuở xa xưa. Chúng ta có thể đoán chắc « đèn » ấy, dầu có nghĩa gì chẳng nữa cũng không thể nào làm hại đến chế độ được, nhưng chính sự cấm đoán ấy đã làm hại đến chế độ rất nhiều.

Một nỗi buồn khác, của người diễn viên sân khấu ngày nay là họ xa dần khán giả của mình. Mỗi liên hệ trực tiếp, ấm áp, giữa nghệ sĩ và người xem một phần đã bị phương tiện truyền hình tranh đoạt, một phần đã bị xã hội làm cho biến thể. Tình trạng biến thể đã được thực hiện do ba nguyên nhân : những thói tục mới, sự thiếu hội trường và sự túng nghèo.

Nói về những thói tục mới, ai

cũng dễ dàng nhìn thấy sự kiện sau đây: Kịch nói chỉ còn xuất hiện trong các tổ chức gọi Đại-nhạc-hội, và phải thành thật nhận rằng nhiều người xem Đại-nhạc-hội không thích hợp với kịch nói. Có những lớp người thích sự náo nhiệt ồn ào hơn là trầm lặng thưởng thức, chờ đợi những thứ vũ điệu hờ hang, những trò chọc cười dễ dãi hơn là theo dõi ý nghĩa của các tình tiết trong một vở kịch, hơn là chú trọng đến những diễn biến tâm lý của nhân vật.

Chúng ta cũng không nên phiến trách họ. Bởi lẽ họ đã lớn lên trong sự hỗn loạn quay cuồng của một xã hội chiến tranh, hằng ngày nghe những đau thương tang tóc và bản thân họ cũng đang chờ đợi chết chóc. Khuya động ồn ào đề tạo một sự lẫn tránh giả tạm, cấp thời, còn hơn là ngồi lắng đọng trầm tư để không tìm thấy gì hơn là những phi lý ngồn ngang, chông chất bốn bề.

Và lại đa số vở kịch không giải đáp gì cho họ về những thắc mắc căn bản của cuộc sống này. Để được chấp nhận một cách hợp pháp, các vở kịch đều thoát ly cuộc sống, và đề lôi kéo ít nhiều chú ý của khán giả, đã đề cập tới tình yêu, một thứ tình yêu gay cấn của kẻ lữ làng, sa đọa, hoặc của một thời quá khứ chừng mấy chục năm về trước, nếu không hướng về phân-tích tâm-lý một cách đơn giản với những triết thuyết đã xưa cũ rồi, chẳng hạn như thuyết tính dục của Freud, thuyết mặc-cảm của Adler, thuyết nhân quả, thuyết định mệnh...

Dẫu sao ta phải nhận rằng trình

độ thưởng thức kịch nói đã giảm sút nhiều. Cái thời khán giả chăm chú theo dõi đêm kịch, bàn tán chung quanh giá trị của một kịch bản với sự say sưa nhiệt tình, thời ấy nhiều phổ phường của Miền Nam đã trải qua, và chưa thấy hồi phục lại hoặc phát triển hơn. Trên một phần tư thế kỷ trình độ thưởng thức kịch bản chẳng tiến bộ gì. Những tác phẩm kịch, đem in, không được nhiều người chú ý.

Sự kém tha thiết đối với Kịch nói đã xác nhận rằng kịch bây giờ không đáp lại được những đòi hỏi sâu xa của quần chúng. Kịch là cái gì sôi động, cập nhật, mang một kích thước lớn lao về cuộc sống này, có một tham vọng giúp cho quần chúng gỡ rối được nhiều gút mắc về đời, nhưng đã bị co hẹp lại để thành nghệ thuật mua vui hoặc là vuốt ve tình cảm như kiểu loại thuốc an thần.

Đã vậy, kịch cũng thiếu hẳn sân khấu đề mà trình diễn. Các rạp đều bị điện ảnh chiếm cứ, và giữa thành phố Sài Gòn rộng lớn, đông đúc dân cư, tìm cho được một rạp hát đề mà diễn kịch thật là vấn đề hết sức gian nan. Chỉ mỗi một rạp Quốc Thanh mà các đại ban cải lương không ngớt chiếu cổ, và tiền thuê rạp, với thuế khóa mới, với giá điện nước tăng cao như là hiện nay, thật khó tránh khỏi lỗ lã. Một thủ đô không rạp kịch, đó cũng là một bi kịch.

Một khi địa bàn hoạt động của Kịch đã bị thu hẹp, quần chúng của Kịch sẽ bị giảm thiểu, các tài năng kịch sẽ bị tiêu mòn, các sáng tác Kịch càng thưa thớt lại.

Hơn nữa, dầu có hữu ích bao nhiêu, Kịch cũng chỉ được kê vào hí-cuộc. Trong những hoàn cảnh đói nghèo, hí-cuộc là xa-xỉ phẩm. Vẫn biết quần chúng rất yêu văn-nghệ, đặc biệt là loại văn nghệ trình diễn, nhưng tình yêu ấy hiện nay đã bị hạn chế rất nhiều. Một vé hạng chót không dưới năm trăm đồng bạc, còn tiền xê-dịch được tính theo với xăng nhớt tăng cao. Đồng thời với sự khó khăn sản xuất ra tiền, phải kể tâm trạng của người thường thức: làm sao có sự thoải mái để mà ngoạn thưởng nghệ-thuật? Sự túng nghèo chung hiện nay đã làm cho người tìm đến nghệ thuật bị sút giảm nhiều, xét cả về mặt tài chánh cũng như tâm lý. Chỉ cần nhìn vào các rạp xi-nê hiện nay ta sẽ có một ý niệm về nỗi khổ chung: các rạp chiếu bóng đã bị vắng khách đến khoảng 80% là ít. Thỉnh thoảng, vào ngày thứ bảy, chủ nhật, trong một số rạp nào đó, với một số phim nào đó người xem mới thấy xuất hiện đông đảo. Kỳ dư chỉ là lác đác, lai rai số khách buồn tình kéo đến xem chơi hay một cặp nào tìm đến rạp hát như nơi hò hẹn.

Tất cả những sự kiện này làm cho Kịch nói lâm vào bế tắc trầm trọng. Và trong hiện tình tìm cho ra được một người viết Kịch xứng đáng với tên gọi ấy, thật là khó khăn. Ai cũng thấy rõ tài năng sáng tác trong xã hội ta không thiếu. Vấn đề là phải tạo những điều kiện thích hợp cho tài năng ấy phát triển, bởi nếu không có mảnh đất thích hợp, hạt giống gieo xuống — dù tốt đến đâu — cũng không thể nảy nở được.

Với một món tiền thù lao quá ít, vở kịch đóng trong 2 giờ cao lắm là lãnh thù lao mười lăm đến hai chục ngàn, người viết kịch không thể cứ hy sinh cho nghệ thuật mãi. Đã vậy Tivi cũng góp phần vào giết chết kịch nói. Ngồi nhà, đỡ phải xê dịch, đỡ phải tốn kém cũng coi kịch được đến rạp làm gì? Ở tại các nước, nghiệp đoàn Điện ảnh cũng đã có những qui chế bảo vệ quyền lợi giới mình: những phim chưa quá mười năm không được chiếu trên tivi. Ở ta một cái qui chế như vậy, nếu được áp dụng cho Kịch, cũng là thừa thãi bởi các nhu cầu coi kịch đã bị làm cho nguội lạnh nơi lòng khán giả.

Tất cả tình trạng trên đây đã phối hợp lại làm cho ngành kịch chịu nhiều tệ hại. Thật chưa bao giờ những người diễn viên tập được một cách cầu thả như vậy? Cũng chưa bao giờ những người sống bằng sân khấu lại dám coi thường khán giả đến thế. Không thiếu trường hợp các người nhắc tuồng nói lớn hơn các diễn viên và nhiều diễn viên chỉ biết lặp lại từng lời nói một của người nhắc tuồng.

Những sự tình này khiến cho những người chỉ biết dâng trọn đời mình cho kịch nghệ phải đau buồn. Từ lâu, tôi đã xem kịch là lẽ sống. Lẽ sống ấy đang bị sự đe dọa trầm trọng, nói làm sao đây?

Cũng có một số khán giả có lòng đã từng tỏ sự thắc mắc hỏi sao tôi chỉ đóng những kịch buồn, bao giờ cũng có nước mắt và sự đau khổ, Thực ra tôi vẫn đóng được kịch vui,

vẫn biết chọc cười thiên hạ. Nhưng tôi đã buồn ở trên sân khấu vì cảm nhận rằng cuộc sống chưa thật là vui, đồng bào đang khổ, đồng loại đang khổ, nước mắt đang còn là chất liệu chính trong sự cấu tạo tâm tình chúng ta, đó quả là một sự thực náo lòng. Không phải nước mắt làm cho khán giả xúc động mà cái là những sự tình đã làm phát sinh nước mắt và cái khả năng truyền lan nước mắt đến khán giả vậy.

Điều tôi mong mỏi là được đóng những kịch vui trong đó rộn rã tiếng cười, không phải tiếng cười vô tư, hững hờ hay những tiếng cười phê phán no đầy của lòng ích kỷ, mà là tiếng cười trong sáng mang đầy ý nghĩa hòa hợp giữa người với người, mang niềm tin yêu, hi vọng đến cho đồng bào, đồng loại.

Về phần cá nhân của một nghệ sĩ sân khấu tôi đã hưởng nhiều may mắn của nghề nghiệp mình. Tôi đã giữ được khá nhiều vai trò, đã nói được nhiều vấn đề, đã được quần chúng cảm thông, yêu mến. Tôi

cũng may mắn hơn nhiều chị em trong nghề, là biết sáng tác, có thể diễn đạt được tình ý mình trên giấy trước khi diễn đạt ở trên sân khấu.

Riêng còn cái vui trong nghề, tôi thấy không có gì hơn là biết được rằng mình đã đem lại lợi ích cho các khán giả, đã góp được một phần nào để làm đổi thay đời sống của họ trên chiều hướng tốt. Trong nhiều kỷ niệm, tôi xin kể lại một vài: vào năm 1965, bị bệnh, tôi vào nằm ở y-viện Grall đã được một cô y tá săn sóc tận tình. Khi tôi lành bệnh, tôi cảm ơn cô thì cô đáp rằng "Chính em phải cảm ơn cô vì cô đã giúp em chọn nghề này, sau khi xem *Lòng Nhân Đạo*". Đó là cuốn phim tôi đóng đầu tiên, thủ vai một cô y-tá. Sau khi trình diễn vở kịch "Bông hồng cài áo" lần đầu, tôi nhận được nhiều thư của các em gửi đến để cảm ơn tôi. Trong thư, các em bày tỏ tấm lòng hối hận vì đã gây những buồn phiền cho mẹ và thấy, may thay, còn kịp thì giờ để mà hối cải.

KIM CƯƠNG

nhà xuất bản TRÍ ĐĂNG

Kính chúc

Quý độc giả, thân hữu xa gần
một năm Ất Mão an khang, thịnh đạt.

Phát hành TẾT ẤT MÃO

LỬA THIÊNNG số 2

Nội dung :

- 1— PHẠM TRƯỜNG GIANG : Chương Chu Nguyễn Thần Hiến, một chiến sĩ cách mạng Việt Nam chết trong lao tù thực dân giữa ngày Tết Nguyên Đán.
- 2— BÙI ĐỨC TỊNH : Những kinh nghiệm ngữ học trong các sáng tác của văn học Miền Nam ở giai đoạn đầu của báo chí và tiểu thuyết.
- 3— NGUYỄN NGỌC HUY : Lược khảo về lịch sử các định chế chánh trị Trung quốc.
- 4— TRẦN KIM THẠCH : Đóng góp địa chất học trong mười năm qua : 1964-1974.
- 5— VƯƠNG TRUNG NHÂN : Vấn đề dịch thuật và sách dịch ở Saigon hiện nay.
- 6— TRẦN NGỌC NINH : Từ pháp học so sánh.
- 7— HOÀNG TRỌNG MIÊN : Từ nguồn gốc dân tộc Việt đến lịch sử chữ Nôm.
- 8— NGUYỄN VĂN XUNG : Một vấn đề căn bản của mỹ học : chân lý khoa học và cái đẹp trong nghệ thuật.
- 9— NGUYỄN VĂN XUÂN : Tìm hiểu quốc sử — Ông Ích Khiêm và việc giết vua Hiệp-Hòa.
- 10— NGUYỄN KHUÊ : Trịnh-Hoài-Đức và Cẩn Trai thi tập.
- 11— PHÙ NGỌC : Khảo cứu quặng bột : cát nặng tại miền Nam.
- 12— THÁI BẠCH : Văn liệu : Bài thơ chống xâm lăng Pháp đầu tiên ở miền Nam Việt-Nam — Hịch khởi nghĩa của Trương Định.

Hỏi mua tại các nhà sách
và tại 120 Đinh Tiên Hoàng (Đakao) Saigon 1

Xin kể lại ngày đó

Sáng sớm, Chú em hàng xóm về báo hung tin, chưa đợi mở cửa hết, đã tổng vô nhà đầy đủ những chi tiết chính, nặng ngàn cân :

— Nhà chị Gấm bị pháo kích trúng. Hai đứa nhỏ chết hết. Chị ấy bị thương nặng lắm...

Chú em báo tin không nở đưa ra ba cái chết một lượt nên bày đặt nói chuyện "đưa đi nhà thương". Sự thật thì chú ấy biết rồi. Thế nên, trong lúc tiếng rú hốt hoảng lan khắp nhà thì chú ấy thêm :

— Chị Gấm bị nặng lắm, sợ khó sống.

Toàn gia phóng lên xe Lam ngồi rồi, tôi mới kịp hỏi thêm :

— Nó bị vào những đâu ?

Chú em báo tin hiểu ý tôi :

— Người chị ấy nguyên vẹn..., chỉ có những vết thương nhỏ ở đầu, ở ngực.

— Khi em đưa nó vào nhà thương, nó còn tỉnh không ?

— Dạ không... em sợ...

Chú em ngập ngừng muốn báo luôn cái chết thứ ba mà không nở. Cố tưởng tượng một chút về căn nhà sau khi trúng hỏa tiễn. Mái bay, tường xập. Hai đứa nhỏ chết ngay. Ba mẹ con chúng nó ngủ với nhau, làm sao con Gấm thoát được ? Thằng anh ruột của nó ngồi khóc trên xe, vừa cầu mong cho em sống lại vừa cầu cho

nó chết, chết nhanh, đừng tỉnh lại, đừng đau đớn. Chú em báo tin là nó còn nguyên vẹn, nhưng đã chắc gì. Nó tỉnh lại, biết hai con đã mất... người thì đầy thương tích có thể bị cưa chân, cưa tay. Sống gì nổi. Tôi, thằng anh ruột nó, thành tâm cầu mong cho nó chết, chết thật nhanh.

Đến Biên Hòa, gia đình chia làm hai toán. Ông già, bà già và con Vóc đến căn nhà bên cầu Vạc, nghĩa là đến với hai xác hai cháu. Tôi theo chú em hướng dẫn chạy vào nhà thương Biên Hòa.

Nhà thương đầy người. Phòng bệnh đầy người bị thương và phía ngoài đầy thân nhân. Trước hết phải vào khu bệnh nặng. Những phòng có người còn ngồi đứng được như thế kia là không thể có em tôi. Nó phải đang ở phòng mờ hoặc phòng hồ sinh, nếu thoát được đến giờ này.

Những phòng chứa bệnh nặng đều đóng cửa im ỉm, cấm vào. Bà con đứng chờ trước cửa, lo lắng nhưng không hốt hoảng. Hình như họ đều may mắn biết rõ số phận người thân rồi. Còn chưa biết rõ như tôi thì đành vi phạm luật lệ, tông cửa mà vô. Cũng có mấy tiếng la lối, ngăn cản vang lên. Nhưng trông mặt mũi anh em lúc này thì cũng biết rõ tình cảnh của nhau quá rồi, ai nở bày đặt làm khó.

Tôi phóng vô mọi phòng, nhìn mặt mọi người. Nếu trên một cái giường

nào đó có đứa em tôi, bằng bó cùng mình, gọi khẽ tôi một tiếng, hoặc nó cứ mê man đi, nhưng tôi nhìn ra nó thì hạnh phúc biết chừng nào. Đầu tiên là phải làm bộ tỉnh. Trời cho nó sống sót. Nó hỏi về hai con nó. Tôi sẽ tươi cười, dưng sức giả vờ tươi cười, nói phét rằng có phép lạ xảy ra. Trời, Thượng Đế, Chúa, Phật vô cùng nhân từ và đặc biệt biết thương con nít đã bằng hai đứa nhỏ lên và đặt nhẹ nhàng êm ái xuống... xuống thăm cỏ trước nhà, xuống ao rau muống, xuống cánh đồng lúa đang chín vàng.. nơi nào cũng được. Miễn là nó có thể tin hai con nó không sút một chút móng tay. Rồi nó đòi gặp hai con nó thì sao ?...

Thằng anh ruột vừa tính một kế hoạch nói dối vừa chạy từ phòng này sang phòng kia một cách vô vọng. Lúc này lại không dám mong nó chết Sống được, dù sống thế nào, cũng còn quý lắm.

Một ông, một bà y tá được hỏi về danh sách nạn nhân, bệnh nhân mới vô trong ngày, đã trả lời như than thở :

— Đông quá ! Tùm lum hết.. ghi đâu có kịp. Ông chỉ có cách đi mà tìm.

Di nhiên là tìm. Mười lăm, hai chục phút vừa qua ông có làm chuyện chi khác đâu. Tùm lầy quý vị y tá có sổ sách mà hỏi là tại còn hy vọng chút dính vào cuộc cách mạng hành chánh đấy thôi.

Một ông lão đội chiếc nón thời

trang trước năm 1954, đứng chờ trước phòng hồi sinh bằng nắm tay tôi dẫn lên những phòng trên lầu 2. Ông đứng ở cửa mỗi phòng chờ tôi trở ra. Ông cũng có vẻ mong tôi kiểm thấy. Nhưng chỉ có cách lắc đầu để trả lời cho cái nhìn băn khoăn của người tốt bụng.

Chú em về báo tin cũng chạy theo tôi kiểm tìm hăng hái lắm: dù chú đã đoán chắc giờ này em tôi nằm ở nơi nào.

Thôi thì đành xuống nơi ấy, kinh hãi mà vẫn phải vội vàng hấp tấp.

Cánh cửa nhà xác được mở rộng. Tầng ngăn kéo đựng xác người được lôi ra. Người gác nhà xác nhớ rõ những chi tiết chính về xác nằm trong mỗi ngăn. Theo thứ tự riêng, ông kéo cái ngăn cao nhất ở sát tường. Trước khi kéo ra, ông đã giải thích như một người hướng dẫn du lịch :

— Cái này đâu còn đầu đuôi gì. Làm sao mà nhận được.

Ngăn kéo ra nửa chừng, phần « đuôi » ra sao, vì còn nằm trong bóng tối, không ai biết. Riêng phần đầu thì khó nhận thật. Cái xác không có đầu. Phần cao nhất của cái thân thể bị tàn phá ấy bây giờ là cái cuống họng bị chẻ dọc, còn dính một cách mơ hồ vào khúc xương vai, chỗ đỏ, chỗ trắng, chỗ tím đen.

— Cái này cũng làm sao nhận ra được...

Ông ta vừa nói vừa giúp tôi kéo cái ngăn thứ hai. Xác nằm trong đó chỉ còn từ bụng trở xuống. Cái bụng trống rỗng, nhưng không dẹp lép mà

cong vòng như một cái vòm nhỏ nhờ mấy cái xương sườn còn sót lại.

Xác trong ngăn thứ ba nát bét, trong ngăn thứ tư chỉ là mấy khúc chân tay.

Chú em đứng phía sau cứ phải trấn an :

— Người chị ấy nguyên vẹn... người chị ấy nguyên vẹn...

Tôi chợt khám phá là người gác nhà xác không rút ngăn kéo theo một thứ tự tự nhiên. Ông kéo mở lung tung những ngăn rùng rợn nhất. Hẳn ông không cố ý làm đau lòng người tìm. Nhưng hình như ông cũng muốn phô bày những cảnh rùng rợn trong nhà xác. Dù là nhà xác trong nhà thương một xứ đang có chiến tranh, không phải ngày nào những ngăn kéo của nó cũng đầy ắp những thân hình tan nát.

Một cô bé cỡ mười bốn, mười lăm tuổi khóc nức ngay sau khi một ngăn kéo khác được rút ra :

— Em cháu đó ! Nó là em cháu đó bác ơi.

Đứa bé chết là một em trai cỡ mười hai tuổi, tóc hớt cao, áo sơ mi sọc hồng, đầy bụi cát. Lúc trước, tưởng chỉ có lũ trẻ tò mò theo chân tôi vào nhà xác tìm kiếm, hóa ra có cả thân nhân những kẻ xấu số.

Chú em báo tin nói đúng. Xác em tôi nguyên vẹn. Phải cảm ơn chút lòng trắc ẩn cuối cùng của định mệnh hay cảm ơn trái hỏa tiễn đã tha, không làm thêm công việc cắt xén thảm khốc, hãi hùng ? Em gái tôi đã được vuốt mắt. Vết thương giết

người bằng đầu ngón tay út, xuyên thẳng vào tim. Vết chỉ tử thứ hai xuyên thẳng vào óc nhưng nằm lẫn ở chân mày bên phải. Bộ quần áo ngủ xốc xếch đầy vôi cát và đẫm máu. Cảm ơn vết thương vào óc. Chắc nó giúp em tôi không đau đớn.

Nó đang nằm ngủ cùng hai con nhỏ trên giường, trong cái tổ ấm nghèo nàn nhưng thơ mộng và kín đáo của nó. Ba mẹ con cùng nhút nhát nên đèn đèn sáng suốt đêm. Vứt một cái, nó nằm đây, trong cái ngăn lạnh lẽo, tăm tối, giữa những xác người tan nát.

Bây giờ bỗng có dịp nhìn kỹ, nhìn thật kỹ mặt mũi chân tay nó. Nó vẫn nhỏ bé, gầy còm, tội nghiệp như xưa.

oOo

Đứng trước nhà, nhìn qua cánh đồng, thấy xe cộ chạy qua cầu Vạc. Đến thăm gia đình nó, khi về, xe chạy trên cầu Vạc, tôi nhìn qua cánh đồng, thấy rõ căn nhà nó sau rặng cây thưa.

Đường vào nhà yên tĩnh và sạch sẽ. Nửa phần ngoài giống những ngõ hẻm sạch nhất ở Saigon. Nửa phần trong là con đường quê. Rồi lộ chính vài chục bước là đi giữa những khu vườn xinh xắn, cây cỏ tốt tươi. Em tôi khoe nhà nó nửa quê, nửa tỉnh.

Căn nhà, ngõ hẻm nửa quê, nửa tỉnh đó bữa nay được canh gác cẩn mật. Không khí nghiêm trang, long trọng như đang đón tiếp một ông lớn. Ông lớn hỏa tiễn đến thăm nhà vào khoảng năm giờ sáng.

Hai cháu tôi đang được tắm rửa. Chúng nằm trên tấm vải liệm trắng. Hình như chúng mới được mẹ cắt tóc. Cả hai tóc ngắn, gọn gàng. Hai đứa giống nhau một cách kỳ lạ. Những vết thương nhỏ rải rác khắp người chúng đã được lau kỹ. Ba bốn vết thương hơi lớn ở chân cu Tý hã cái miệng khô máu sạch sẽ, nó chết rồi mà thấy tưởng còn đau. Những người đến cấp cứu kè: hai đứa nhỏ chết ngay. Mắt chúng nhắm sẵn từ trước khi hỏa tiễn bay tới. Chúng chết như nối tiếp giấc ngủ. Mặt mũi nhợt nhạt trắng bạch rồi mà hai cháu tôi vẫn thật là xinh.

Hai người săn sóc cho các cháu cũng ở trong xã. Ông già mập mập thỉnh thoảng nói một câu ngắn với các phóng viên. Người trẻ tuổi làm việc lặng lẽ.

Cháu Linh mới đến trường mẫu giáo lần đầu tiên vào buổi sáng ngày thứ bảy. Cháu được năm tuổi và đi học được đúng một ngày. Mẹ nó chọn thứ bảy khai trương nền học văn của con chắc là muốn con gái cưng học xong buổi đầu tiên đã có ngay ngày chủ nhật nghỉ cho đỡ nản.

Vậy thì tối hôm qua, chủ nhật, chắc hẳn em tôi bắt hai con đi ngủ sớm. Cháu Linh phải dậy đúng giờ để còn kịp bú một bình sữa đêm tâm trước khi đến trường. Tối qua hai cháu đi ngủ sớm. Đêm qua hai cháu ngủ ngon lành, êm ấm bên cạnh mẹ. Vụt một cái, mẹ hai cháu nằm bần bật trong nhà thương, hai cháu nằm bần bật trên cái nền nhà đầy những mảnh tường và gạch vụn,

Lát nữa, hai cháu được tắm rửa xong. Lát nữa hai cháu được quấn trong khăn liệm. Mặt mũi chân tay xinh xắn của các cháu sẽ khuất sau làn vải trắng vĩnh viễn. Những sự kiện ấy cứ vùn vụt đến, tuần tự, chắc nịch. Tưởng rằng như thế thì phải đứng như trời trồng, đôi mắt mở to không chớp để mà nhìn hai cháu, nhìn mười phút sau cùng, nhìn năm phút sau cùng, nhìn vì không bao giờ nhìn thấy nữa. Nhưng không phải vậy. Không phải ai cũng đủ can đảm đứng đó mà nhìn.

Ông ngoại đứng trên bãi cỏ trước nhà, quay mặt ra đồng mà khóc. Bà ngoại ngồi bệt xuống đồng gạch vụn.

Sinh vật duy nhất trong căn nhà này sống sót sau tiếng nổ là con chó. Nó bị thương ở cổ và ở mông. Nó ngồi cạnh hai đứa bé từ giờ phút đó. Một người mang lại cái ghế mây, bồng con chó lên và cho nó uống nước. Nó lặng lẽ uống rồi ngồi yên trên ghế.

Bà hàng xóm cột đầu được đặt nằm hướng cái cò còn lại về phía tượng Chúa và tấm bảng ghi tên tội phạm. Người ta quấn hàng chục thước băng quanh cái cò cột. Người ta đặt rất nhiều vải vụn và quần áo cũ vào chỗ thiếu đó như muốn thay thế cái đầu cho hình hài cuối cùng của bà ta bớt vẻ rùng rợn tội nghiệp. Tất cả những mảnh vải lớn nhỏ đặt ở chỗ đó đều ngả dần sang màu tím ngắt. Cái đầu bà ta không lẽ tan biến thành cát bụi, không còn dấu tích? Sợ rằng nó bay lên rồi rớt xuống một chỗ kín đáo nào đó và còn đủ mặt mũi tóc tai. Những người hàng xóm lặng

lẽ kiên nhẫn kiếm tìm hàng giờ trong ao rau muống, trên cánh đồng, trong cái chuồng nuôi thỏ. Nhiều người dò tìm ngay trên mái nhà, trong những góc máng nhà mình. Họ muốn giúp người chết tìm ra vật thất lạc, toàn vẹn hơn, và họ cũng không muốn mai một, bất ngờ nhìn thấy cái đầu nằm lẫn lóc ở một chỗ nào đó.

Hai căn nhà chung tường bây giờ chung nhau một nền gạch vụn. Một bên còn được cái bếp, một bên còn phòng tắm. Trên tường phòng tắm còn cục xà bông dùng dở màu hồng nhạt. Vách tường đứng vững cao chừng một thước nhận những vết thương phơn phớt, li ti như dấu đinh.

Một thanh niên hàng xóm mô tả phong cảnh buổi sáng, ngay sau tiếng nổ. Nơi này nhận trái hỏa tiễn đầu tiên. Còn một loạt tiếng nổ tiếp theo xa, dần. Nhưng mọi người trong xóm ủa tới tiếp cứu. Điện toàn khu và ngọn đèn sáng suốt đêm trấn an em tôi tắt phụt. Hai thanh niên có đèn bấm. Những người khác cầm nến và đèn dầu.

Người kêu rên lớn nhất là bà hàng xóm bị thương nhẹ ở khuỷu tay. Trong căn nhà này hoàn toàn yên lặng. Hai đứa nhỏ nằm giữa cát bụi, không nhúc nhích. Mẹ nó tìm còn đập nên được đưa đi nhà thương.

-- Vết thương nào cũng tủa máu nên đánh băng tùm lum, có miếng vải nào băng miếng vải ấy, cốt sao cho khỏi thấy máu chảy xối xả. Đi dọc đường vải băng ở sườn chị ấy lại xứt ra phải băng lại.

— Có lúc nào nó tỉnh lại không. Nó có nói được tiếng nào không?

— Không. Ngay lúc bỗng chị ấy lên em đã thấy phía sau đầu chị ấy mềm nhũn. Em gọi nhiều lần, chỉ nghe chị ấy rên khẽ vài tiếng.

— Táng đâu?

— Anh ấy vào nhà thương đón chị ấy về.

Táng là chú em rề, người sống sót duy nhất của gia đình này, người đột ngột mất hết nhà cửa, vợ con, mất hết, vào khoảng năm giờ sáng nay. Bây giờ chắc nó đã tới nhà thương, đã đón xác vợ từ cái ngăn lạnh lẽo. Nó có được hướng dẫn để mở thẳng ngăn kéo muốn tìm, hay lại như thẳng anh phải tìm qua từng ngăn, từng ngăn, miễn cưỡng nhìn những thân người tan nát?

Bà già rời chỗ để xác hai cháu ngoại, dò vào nhà thương thăm con gái. Được báo tin con gái cũng chết rồi, bà gào to hơn: « Cho tao đi lo cho con tao ». Đi chưa ra tới đầu ngõ, bà cụ xiu. Cái giường rộng của căn nhà hàng xóm biến thành giường cấp cứu, Tất cả những người đàn bà ở đây hình như đều biết và đều sẵn sàng cạo gió, cứu tỉnh mọi người.

Nhân vật lực hàng xóm được trưng dụng hoàn toàn vào việc cứu cấp, giúp đỡ tang gia. Căn phòng ở cách căn nhà trúng hỏa tiễn khoảng nửa thước trở thành phòng làm việc tạm thời của họ Đạo và hội đồng xã. Chiếc máy phóng thanh hoạt động không ngừng. Thảm cảnh của hai gia đình lâm nạn được mô tả. Cát thùng lạc quyền được nhắc nhở nhiều lần khi bài diễn văn ngắn đã tới đoạn kết. Những lời mô tả mọa

mạc bi thăm vừa ngưng là nhạc buồn tang lễ thâu bằng lập tức vang lên. Băng nhạc bi ai, những lá cờ tang đen cắm quanh ao rau muống nhỏ trước nhà, miếng vải dù rộng che nắng... tất cả đều như có vẻ đã quen việc, đã xuất hiện nhanh chóng và đúng lúc ở nhiều nơi buồn thảm như thế, trước đây. Cha xừ nói mấy lời kêu gọi từ tâm của những người đang vây quanh cảnh xúp đồ. Giọng Cha trầm buồn, không oán hờn, không than van, nghe ngậm ngùi như một tiếng thở dài buồn bã.

Miệng cu Tý cứ mở hé. Cái miệng nhỏ xíu trề xuống như còn muốn nũng nịu điều chi. Thanh niên lo tắm rửa cho cháu hơi bẩn khoăn. Anh sửa lại thế nằm, đặt lại đầu cu Tý. Cái miệng nhỏ vẫn không chịu ngậm kín. Anh quấn một cái khăn, đệm dưới cằm cháu. Bấy giờ cu Tý bỗng có cái vẻ của một đứa trẻ ngủ quá say.

Vải liệm đã về. Ông già đã tắm rửa xong cho cháu Linh bẩn khoăn:

— Liệm luôn hay chờ mẹ nó?

Ông nhìn đám đông vây quanh, chờ một quyết định của một người nào đó thuộc "tang gia".

— Ông liệm giùm đi. Mẹ nó chết rồi, còn chờ gì.

Ông nội, bà nội của hai cháu đã tới đông đủ cùng các cô các chú của hai cháu. Cô nhỏ nhút đã nhiều ngày từng phải bông bế, bón cơm cháo sửa cho hai cháu vừa khóc vừa run bần bật.

Vải liệm đã quấn quanh hai cháu

nhỏ. Vứt một cái tất cả chỉ còn là hai gói vải trắng nằm song song nhau. Hai gói vải bé bỏng tội nghiệp biết chừng nào. Tối hôm trước các cháu còn vui đùa, bị mẹ bắt đi ngủ sớm. Đêm qua các cháu còn nằm bên mẹ, êm ả ngủ ngon.

Chiếc áo quan của bà hàng xóm đến trước. Mười phút sau một quan tài lớn, hai quan tài nhỏ được khiêng vào. Thế rồi em rề tôi cùng một người bạn thất thểu khiêng chiếc băng ca đi dọc con đường hẻm có cây tươi tốt. Trên băng ca, em gái tôi đã được quấn kín bằng vải trắng hoàn toàn đồng phục với hai con.

Ba mẹ con được đặt nằm cạnh nhau.

Một người bưng cái ghế mây có con chó ngồi đem đặt trong bóng mát của bụi chuối trước nhà. Nhìn thấy tô nước nó chùi đầu uống một cách hối hả nhưng vẫn không rời ghế. Tiếng nói những bài diễn văn ngắn đọc ở máy phóng thanh vẫn theo một nhịp cách nhau chừng mười phút. không mệt, không yếu đi. Thỉnh thoảng mọi người được hô hào cùng đọc một bài kinh.

Tám khăn trắng quấn tạm được giở ra cho mọi người nhìn một lần nữa, lần chót, khuôn mặt người thân. Bà mẹ chồng nhìn thấy mái tóc con dâu còn dính nhiều bụi cát. Các chuyên viên tắm rửa tầm liệm được gọi lại. Họ vừa bỏ đi ăn trưa và hình như một người có uống vài ly rượu. Bà mẹ chồng tự tay thay áo mới cho con dâu. Bộ quần áo ngủ nhàu nát, vết máu dính vào thân thể

vào miệng những vết thương, phải cắt rã từng mảnh một. Cái băng tạm bó quăn quanh đầu, gối bông bít vết thương ở sườn.. tất cả đã trở thành vô ích, chỉ khiến hình dung em tôi thêm thiếu nảo. Bà mẹ chồng cũng muốn tóc tai mặt mũi nó không còn một chút cát bụi. Nó phải được sạch sẽ như hai con.

Tiếng bà bác kể về lòng tốt của một bà hàng xóm lẫn lộn với tiếng nhạc sầu bi :

— Tội nghiệp bà ấy, bà ấy nấu nôi nước chè thứ năm rồi đó. Vừa nấu nước bà ấy vừa khóc. Bà ấy thương mẹ con chúng nó lắm.

Bà hàng xóm được nhắc tới mắt đỏ hoe, tay xách ấm nước đang rướn người ngó qua hàng rào.

Từ khúc quanh bên bờ ao rau muống, hai bà sơ xuất hiện bước vào nhà. Hình như các bà quen giữ một nét mặt khoan dung vui vẻ, nhưng vào lúc này thì lại phải xóa những nét ấy đi.

Ông sư lo làm lễ nhập quan đến sau hai bà sơ chừng mười phút. Một bà nào đó nói lớn :

— Họ hàng thân thuộc của cô ấy đến đây đi cho ông thầy làm lễ khâm liệm.

Một bà nào đó ghé tai tôi dặn dò :

— Hình như cô ấy đang có thai. Chôn xong nhớ rắc một ít vừng hoặc trồng cây chuối lên mộ. Khi nào vừng mọc lên đứa nhỏ mới đi đâu thai được. Anh nhớ đấy.

Chưa liệm đã lo chuyện chôn, chưa

biết chôn ở đâu đã phải tính tới thủ tục rắc vừng trên mộ để bảo vệ quyền lợi của cái bào thai. Nếu người đàn bà khéo tiên liệu đó không có đôi mắt sưng húp, đỏ hoe chắc tôi đã khó chịu, rợn người vì sự tỉnh táo của bà.

Cái máy phóng thanh lại nhắc mọi người cùng đọc một bài kinh.

oOo

Thế mà đã xế trưa rồi.

Cứ tưởng ngày phải dài ra, mênh mông, thành một ngày dài nhất. Cứ tưởng buổi sáng ngày 3-6-74 nặng nề, khủng khiếp thế mãi, không sao vượt nổi tới trưa tới chiều. Nhưng buổi sáng đã qua, như những khuôn mặt thân yêu khuất đi vĩnh viễn sau lần vải liệm.

Buổi trưa không khí yên tĩnh một cách gay gắt.

Đám người tụ tập dưới tấm vải dù căng tạm vẫn đông. Thỉnh thoảng vẫn có người mới tới đòi nghe kể lại mọi chi tiết ? Bao nhiêu người chết ? Ai cắt đầu ? Người đàn ông duy nhất còn lại đâu ? Sáng nay khi nghe tin anh ta ra sao ?

Một đứa trẻ nhảy lên đồng gạch vụn cao nhất giữa nhà và nhìn quanh. Trong ánh nắng gay gắt buổi trưa đôi mắt đứa trẻ hấp háy liên hồi. Nó có vẻ đang tìm kiếm một vật gì, nhưng không tha thiết lắm. Xa xa, sau lưng nó, cùng in rõ nét trong khoảng không là cây mận ở vườn nhà bên cạnh. Không còn một chiếc lá. Tất cả cành đều đen, khô như đã chết từ lâu, đã cháy. Nhưng bám chỉ

chít trên những cành cây đen đó là những trái mận xanh mướt. Cành cây, trái cây đều giống như thứ giả được gắn vào nhau một cách vụng về và phi lý.

Đồ đạc còn lại của căn nhà được dồn cả về phía sát hàng rào, cạnh cống thoát nước. Con búp bê nằm chổng trơ trên chông chần chiếu tả tơi. Chiếc xe đạp ba bánh nằm dưới cái ba lô há miệng. Những quần áo rách như bị cắt bằng dao đặt trên cái ghế gãy chân, chít chít lỗ thủng. Hai cái nồi bẹp đặt trên cái chần màu da cam. Các cháu ngủ ở nhà ông bà nội, ngủ trong căn nhà ở Phước Long, ngủ trong căn nhà này đều được đắp bằng tấm chần da cam ấy.

Vứt một cái, những vật thân yêu riêng tư phơi đầy trong nắng trước mắt mọi người. Vứt một cái em cháu tôi nằm trong căn nhà không tường không mái, trước mắt mọi người.

Gió bỗng thổi phất phật vào tấm vải dù che, gió thổi phất phật trên những lá cờ tang đen cắm quanh ao rau muống. Thử quay lưng lại với căn nhà đã đổ xập, bịt tai không nghe máy phóng thanh kể lể, nhìn ra cánh đồng và tường tượng: không có chi xảy ra đâu. Trong ao rau muống có hai cánh cửa sò, một tấm tôn cong và những thanh gỗ gãy... Những lá cờ tang vẫn phất phật nhắc nhở kẻ tự an ủi một cách yếu ớt.

Nhưng cứ nhìn xa hơn, tới cánh đồng lúa chín, tới dòng xe cộ lại qua trên cầu Vạc sẽ thấy căn nhà còn thơ

mộng biết bao. Căn nhà nửa quê nửa tỉnh, rộng rãi, mát mẻ, cả hai vợ chồng nó cùng thích. Hai cháu bé có khoảng vườn cỏ xinh xắn trước nhà, có chuồng nuôi mấy con thỏ, có chút đất bên bụi chuối cho chúng ném những hạt pa, xoài và hy vọng chúng mọc thành cây.

Buổi trưa nắng gay gắt vẫn có gió đồng thổi ào ào. Buổi chiều nắng vàng xuống mênh mông. Trời xanh ngắt chỉ có những cánh diều và những con chim bay thanh thản. Tiếng xe cộ vọng về chỉ nghe ào ào, như một cơn gió lớn. Sau đồng lúa chín, sau bãi cỏ xanh sau những bờ ruộng vuông vẫn xảm vàng là đường chân trời tạo bởi toàn thề phía sau những căn nhà quay mặt ra lộ chính. Có lẽ phía sau ấy là cống rãnh, rác rưởi, là những mảnh ao nhỏ đậm màu bùn đen. Nhưng nhìn từ xa, tất cả hợp thành một đường chân trời gồ ghề, ngộ nghĩnh. Nó là vết kẻ nông nàn của sự sống, của loài người giữa thiên nhiên tĩnh mịch, mênh mông.

Đến thăm căn nhà này lần đầu tiên, tôi đứng với hai cháu nhỏ trên thềm cỏ trước nhà, cứ lấy làm mừng cho chúng nó. Bác của hai cháu quanh năm quay cuồng giữa bụi và khói, đường chân trời nhìn thấy mỗi buổi mai là bức tường căn nhà trước mặt, cách xa mình chưa đầy mười thước. Các cháu có cánh đồng, có chuồng nuôi thỏ, có cỏ cây xanh, có cánh đồng và có bầu trời bao la. Thấy trăng sao thật sớm. Lúc đó, kẻ viễn vông này đã nghĩ lầm cảm đến

chuyện mai sau. Hai cháu lớn, hai cháu sẽ có nhiều thứ để nhớ. Kỷ niệm của các cháu được đặt trong một phong cảnh thiên nhiên đẹp để Các cháu đã khổ cực theo cha mẹ lang thang qua những thành phố bị đe dọa, bị pháo kích mỗi ngày. Vùng cỏ xanh, chuồng nuôi thỏ, bầu trời và cánh đồng êm đềm này chắc là phần thưởng sau chuỗi ngày khổ nhọc kia.

oOo

Khoảng 2 giờ chiều, bạn bè Tăng và đồng bào trong xóm xóm lại khiêng ba chiếc quan tài lên. Một người nói lớn :

— Đường hẹp. Đưa ra từng cái một.

Quan tài lớn đi trước, hai quan tài nhỏ theo sau. Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, các bác các cô chú của hai cháu nhỏ leo đèo đi ngược con đường nửa quê nửa tỉnh, đi từ căn nhà đồ nát đến bên chiếc xe chờ ngoài lộ chính, đi giữa những khoảng vườn cây xanh.

Đúng 2 giờ chiều ngày hôm trước, 24 giờ trước khi ba chiếc quan tài được nhắc lên đem ba mẹ con nó vĩnh viễn rời khỏi nơi này, thằng chồng rời khỏi nhà đi trực. Lần cuối lo bữa ăn cho chồng, em tôi rán tròn 4 con cá rô, cho vào gà-men. Chồng nó bảo chia lại ở nhà một nửa, nó cười « Thôi, để ở nhà đâu có ai ăn ».

Buổi trưa, hai đứa nhỏ chưa ngủ. Chúng chạy ra đứng trước khoảng thềm nắng trước nhà, cười cười nhìn theo bố. Mẹ nó từ trong bếp

gọi vọng ra, sợ chúng đứng nắng lâu bị cảm.

Bố nó đã ra đến hết khoảng ao rau muống còn quay vào dặn :

— Tối nay cho chúng nó đi ngủ sớm không có sáng mai con Linh lại ngủ ì ra, không chịu đi học.

Rồi trở ra, trước khi khuất hàng rào, bố nó quay lại vẫy vẫy. Hai đứa nhỏ đứng trên thềm nắng nheo mắt cười. Rồi thằng cu Tý nhìn chị nó hình như nói một tiếng gì. Kẻ duy nhất còn sống của gia đình này chỉ nhớ có thế.

Như thế khoảng 2 giờ mười phút, Tăng đi trên con đường nửa quê nửa tỉnh ra sở, bước những bước bình thường để xa cách vợ con nghìn trùng.

24 giờ sau, Tăng đi không vững sau 3 chiếc quan tài, cũng trên con đường này.

Trên chiếc cam nhông, em tôi được đặt nằm chính giữa, hai con nó hai bên. Những người thân đứng không vững ngồi thụp cả xuống sàn xe. Ông nội hai cháu tay cầm bật lửa, mắt đăm đăm canh chừng ngọn lửa nến thấp trên quan tài cháy chập chờn.

Xe đi chừng mười thước thì leo qua cầu Vạc.

Mỗi lần đi thăm gia đình em tôi về, khi qua cầu Vạc, tôi đều đi chậm một chút để nhìn lại căn nhà của nó. Dưới chân cầu Vạc là một con lạch nhỏ. Khoảng trống mở ra cánh đồng là khoảng cách giữa hai dãy

nhà nằm hai bên lạch. Trong khoảng trống mở ra cánh đồng đỏ, ở thật xa, căn nhà của em tôi nhỏ xiu, trắng, nổi bật giữa đám cây còn thấp.

Những lần ấy, tôi nhìn lại không vì lưu luyến mà có lẽ vì tò mò một chút. Từ cầu Vạc có nhìn rõ nhà tụi nó không? Từ cầu Vạc thấy căn nhà tụi nó ra sao? Tôi nhìn lại như kẻ ngồi trong máy bay vừa cất cánh, ngó qua cửa sổ xem nhà cửa nhìn từ một nơi cao.

Bây giờ tôi cũng đứng vịn thành xe, giương mắt nhìn khi xe qua cầu Vạc. Xe không đòi tốc độ. Cánh đồng sáng rực. Ở chỗ xa tắp đó, bây giờ không có màu trắng căn nhà, chỉ có những bóng người nhỏ tí lô nhô,

chập chờn dưới lá cờ tang đen, bên vãi bụi cây thấp. Tám vài dù che căn nhà có tang chói nắng như một miếng kính vàng. Chỉ có khoảng rộng chừng mười thước từ tường nhà này lạch qua tường bên kia lạch. Thế nên vụt một cái khoảng trống mở ra đồng biển mất. Cái gì cũng vội vã biến mất, tan vào quá khứ với một tốc độ không lay chuyển nổi.

Tiếng khóc lại bật lên giữa tiếng xe cộ, giữa tiếng gió cuốn. Bà nội? Bà ngoại? Hay các cô của hai cháu bé đang nói gì trong tiếng khóc? Chỉ nghe thoáng lời kẻ lẽ quên thuộc: « Thôi chẳng còn ai... »

LÊ-TẤT-ĐIỀU

thuốc ho viên

Pectal
FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm - suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

thuốc ho viên

PECTAL
FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

CÔNG-TY KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI VIỆT-NAM
(SICOVINA)

Vốn : 1.800.000.000 đồng

Trụ sở : 4, Lê Lợi – SAIGON

Nhà máy Sợi

KHÁNH HỘI

Nhà máy Sợi Dệt

HÒA THỌ

Nhà máy Sợi Dệt Nhuộm

PHONG PHÚ

Chúc Mừng Năm Mới

BÀI THƠ GIÀN DƯA

Một trời riêng để một giàn dưa
Nát cả lòng Thu hồi đất xưa
Quỹ dưới mồ kêu gươm dưới trường
Người trong mộng lắng bút trong mưa
Sống không lối thoát còn dây buộc
Đi chẳng ai về cũng chén đưa
Sương khói lại đang tràn độc khí
Lên cao lạnh nạn mấy cho vừa

BÀI TỪ HOA LAN

Màu tím thờ ơ nửa vạt
Áo ai còn phấn bay hoa ?
Sách vở từng bừng cảm trại
Nơi đây từ buổi đăng khoa.
Tơ vương đã mất khung trời cũ
Sao chẳng đành rơi chẳng chịu nhòa ?
Bụi mù tung nắng chói lòa ;
Một mùa qua, một thời qua... dưới cầu.
Vạt áo ai, nào đâu ?
Chỉ nghe thấp thoáng hương màu !
Chồi Lan Trần-mộng :
Tình Si người trước gửi người sau.

BÀI HÁT CÀNH MAI

Hoà đơn cánh Bắc còn đâu,
Cành Nam hoa kếp cho sầu gấp hai. (1)
Trùng-dương ngõ ngác tin Mai,
Tầm-dương-đất-trích mà giai-tiết nào !

oOo

Từ thăm thăm hai mươi năm trước,
Thuyền ra đi, trời nước một màu Thu.
Qua bao nhiêu cửa Thần-phủ,
Trải mấy kiếp, đường tu chưa khỏi vụng.
Hoa thị quân hồ, thiên dĩ túng ? (2)
Hình phi ngộ dã, địa do lưu ! (3)
Trắng tay ai phấn lợm hương trầu,
Hạt ngọc ấy, Chàng Ngưu hay Ả Chức ?
Đêm đã quanh hơi Thu vào ký-ức,
Nghe sầu ai vô-cực, hận vô-cương.

oOo

Hoa nào hoa của Bạch-Vương ?
Hay là hoa giữa lòng gương ngậm hờn !
Gió mưa rã rã kếp rã rã đơn.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Cuối Thu Giáp-Dần (1974)

Ghi chú. — (1) Cây Mai này của Sân Ngọc-bội, có tên Mai Thúy-Vũ, hoặc Song-Mai. Vì có 2 tầng cánh nên thường gọi là Mai Kếp, để phân biệt với Mai Đơn. Nhưng màu trắng, hương ngát thoảng, cành khô gãy, thì giống hệt.

(2) Nghĩa là : Hoa có phải ai chẳng ? vậy ra trời vừa buông tha đấy !

(3) Hình hài này, đâu phải chính ta, thế mà đất còn giữ lại.

Nhìn qua cửa sổ

Thơ MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

(cho mẹ ngày giỗ)

Mẹ bảo ta đừng nhìn qua cửa sổ
Khi hoàng hôn đang chậm chậm bước chân
Đừng ngược mắt theo lũ chim về tổ
Khi trăng tàn, nhẹ trải bóng quanh sân

Mẹ dặn ta đừng nhìn qua cửa sổ
Khi người xưa lỗi hẹn vắng tin về
Khi đã trót « tình trao không phải chỗ »
Biến cuộc đời thành một cảnh u mê

Mẹ khuyên ta đừng nhìn qua cửa sổ
Sau những đêm quần quai ngủ không mơ
Ngoài gió xiết, ran từng cơn lá đổ
— Người ấy quên rồi, chấm dứt một bài thơ

Mẹ cấm ta không cho nhìn qua cửa sổ
Không cho nghe « âm đoán », giọng trầm buồn
Khi đã biết rừng đời nhiều trái khổ
Tô đậm làm chi, bóng lẻ dưới trăng suông

oOo

Nhưng ta vẫn muốn nhìn qua cửa sổ
Thả tâm tư về cuối nẻo chân trời
Tìm trong ánh sáng một vì sao bé nhỏ

Nói với sao :

• Trần gian này còn một kẻ đơn côi •

Lá thư Minh-Đức Hoài-Trình

Saigon, vắn Saigon ngày 22-12-74

Anh Ch,

Người ta hay chúc Tết nhau trước, những tấm thiệp in sẵn sao nó hơi vô duyên, anh đồng ý không? Tôi muốn viết cả một trang hay ít ra cũng nửa trang để chúc tết riêng anh và B.K. với độc giả: Gạo đầy bếp, giấy khổ 65×100 đầy nhà trước tới nhà sau!

Bằng lòng nhé, thế là chị Châu khỏi lo gạo và anh khỏi lo giấy in báo. Chứ gì nữa, riêng với độc thì phải chúc hạnh phúc, nhưng chữ hạnh phúc cũng phải tùy từng hoàn cảnh. Có người cho hạnh phúc là giàu sang phú quý, có người cho hạnh phúc là ôm người đẹp trong tay, có người lại chỉ mong vợ đẻ con trai và có một hạng người kêu hạnh phúc khi vợ được quyền sách hay, vừa ý. Vì vậy phải tùy nghi chứ không thể nói chung được. Tôi mới có người bạn gửi cho một hộp trà hảo hạng, thế mà cũng hãy hạnh phúc từ hai hôm nay rồi.

Tôi vừa đi lang thang vùng bắc Thái-lan về, công việc chưa xong, từ mấy năm nay bỏ dở nên phải tiếp tục làm, nhưng cũng vẫn chưa xong. Đi săn tài liệu làm phim, có thể thôi. Vì thời buổi mà cái gì ra cũng bị nói rồi, làm rồi, biết rồi, nghe rồi cả. Lắm khi phát nhức đầu, chúng tôi vẫn phải họp nhau bàn luận, moi óc mỗi đứa ra một vài đề-tài, xong lại phải phác thành một bản sơ-thảo. Đánh máy hết, gửi lên cho Ban Giám-đốc, thế mà phần nhiều ý nào cũng bị loại. Nếu không vì lý do chính trị thì vì thiếu tiền. Cái gì cũng bị ngân quỹ chi phối, chưa kể sự phá rối của những kẻ hay ganh ghét.

Chẳng lẽ đầu năm lại than; chuyển đi này có mấy hôm mà vô duyên ghê. Cả hai bận máy bay đều dời ngày, báo hại phải đi sửa giấy tờ, cái vớ lý do cũng chỉ vì cái gọi là « Vàng đen » đó, vàng đen là dầu hỏa, chắc

anh biết. Vì dầu hỏa tăng giá nên máy bay phải bỏ chuyển mỗi khi số hành khách không đủ. Cố nhiên là họ tìm cách xếp hành khách vào một chuyến khác của một hãng khác. Thôi từ nay đừng mong lên nằm dài ngủ trên máy bay nữa rồi. Hồi trước là như thế, ngay cả những chuyến bay xa, lắm khi chỉ có độ mười đầu khách mà họ vẫn cứ bay. Bây giờ họ đồn khách nên tha hồ chật. Hôm qua thấy tôi vất vả vì ngoài hành lý sách trên tay còn có cả cây đàn, nên một ông khách người Đức nói to làm cả đoàn người Đức cười theo: « Cô nên chơi sáo có gọn hơn không? »

Tôi trả lời: « Đồng ý, nhưng muốn quá rồi ».

Thế thì với cái tình-trạng này, anh có con cháu nào muốn học một thứ nhạc khí nào cũng nên khuyên họ chơi sáo, nhất là sáo tre xứ ta lại càng nhẹ nhàng, mà chơi hay thì vẫn

quyển rũ được người dân Việt-Nam về với xứ sở.

Nhân còn ở mục máy bay thì nói thêm vì đây là ý kiến chung của nhiều người, nhất là ngoại-nhân. Anh có biết, cái máy bay "E Viet Nam" của xứ ta nó "già nua" đến bậc nào không? Cứ ra đằng sau, phía phòng rửa tay là thấy ngay: Cái chậu thau thì cũ kỹ được gấn và sơn xanh một cách cầu thả, những ngăn kéo để giấy thì vỡ gãy... Phòng vệ sinh của máy bay đi đường quốc ngoại mà tôi tàn dơ bẩn. Vào trong thì nước chảy lênh láng, hẳn vì thấy đồ đạc dơ dáy xếp đặt cầu thả nên cũng chẳng ai muốn thận trọng nữa. Người nào ở đó ra cũng nhăn nhó phàn nàn, sao không cố gắng tu bổ lại một chút. Tắt nhất mà nói ra những chuyện này nghe chẳng đẹp tai, nhưng may ra có ai đọc thấy mà động lòng chẳng.

Anh biết mỗi lần tôi làm va-li bao giờ cũng phải nhớ để một chỗ cho quyển Thánh kinh mà tôi sẽ ăn cắp tại một khách sạn nào đó trên đường đi. Sau này chắc phải đóng riêng một tủ sách Thánh Kinh mà tôi đã nhặt được ở những nơi nào tôi đã đi qua. Kỳ trước gặp thầy Khê, câu đầu tiên thầy bảo, sang Bồ-đào-nha trông thấy quyển Thánh-kinh, định ăn cắp về cho Minh Đức mà nặng quá nên thầy không phạm tội. Theo anh thì sự ăn cắp Thánh-kinh của tôi có đáng xuống hỏa ngục không. Nhưng tôi không xuống cái hỏa ngục ấy một mình đâu, tôi có nhiều kẻ đồng bệnh lắm, chắc thế.

Tôi biết vì nhân một hôm có một

ông già Giám đốc Ban phân phối về kinh tế viện trợ trong Liên-Hiệp Quốc, đến gác xếp nhà tôi chơi. Trong câu chuyện ông ta nói đến Thánh-kinh, muốn có một quyển để đọc ngay, ông ta hỏi "chắc nhà này làm gì có Thánh-kinh nhỉ". Một phút sau tôi đưa ra Thánh-kinh đủ ba bốn thứ tiếng làm ông ta ngán luôn. Tôi còn khai đây toàn của ăn cắp, ông ta bảo, không sao tôi cũng hay ăn cắp như cô.

Thế là tôi yên chí, nhưng người ta ăn cắp một vài lần, còn tôi thì tại muốn nghịch, thi nhau với tủ sách của điện Vatican. Tham vọng ghê không? Nhưng để tự bào chữa tôi nói rằng, phải có những bữa ăn cắp như tôi, ăn cắp để còn phổ biến chứ. Anh biết không, độ này bị văn minh lôi kéo, con người chỉ thích những gì đâu đâu nên các nhà thờ ở Âu-Châu vắng vẻ hơn mấy chục năm về trước nhiều. Do đó mà ngày nay cửa nhà thờ được mở rộng. Có những ngôi nhà thờ ở Paris đã đặt một tấm bảng bên ngoài kêu gọi thanh niên buổi tối từ 8 đến 10 giờ có thể vào ngồi nghe nhạc. Một lần tôi cũng vào ngồi thử, nhạc của nhà thờ vẫn đánh những bản vui vui loại cổ-diễn nhưng không cao siêu quá. Thế rồi anh và các bạn anh cứ ngồi dài dài, hai ba người nói chuyện với nhau, vừa có chỗ ngồi vừa khỏi mất tiền cà-phê.

Có những chỗ thì lúc cha đang giảng bồng ngừng và bảo các con hãy hôn người bên cạnh để tỏ sự thân thiện. Hôm ấy tôi đang đi với mấy

người nhưng vì cái mặt Á-đông của mình nên họ không ôm hôn, mà chỉ đưa tay ra bắt tay chào thôi, may quá.

Đây là những phương tiện tùy nghi, mục đích làm sao kéo con chiên về dưới mái nhà thờ.

Nói dài giòng để bào chữa cho cái bệnh ăn cắp của mình mà mất gần cả trang giấy.

Thôi hết chuyện ăn cắp, nhảy chuyện khác vậy. Nhân một lần đi sang Tiệp-khắc, các bạn đưa ra quyền chỉ-đạo (guide) và cho tôi lựa vì chỉ ở có một tuần nên phải thận trọng việc đi xem, nơi nào có cái gì đáng xem mới tới. Tôi chọn ngay nghĩa-trang Do-Thái, làm các bạn đồng hành nhẩn nhó quá nhưng đã trót dành cho tôi quyền lựa chọn rồi.

Anh biết tại sao tôi đòi đến đó không? Vì ở đó có một ngôi mộ đặc biệt của một ông Rabbín ngày xưa, xưa mấy thế kỷ rồi. Truyền thuyết bảo ông ta biết một câu chú trong kinh Torah là kinh Do-Thái, nên ông viết ra giấy, nhét vào trong miệng con hình nộm bằng đất nhỏ, tức thì hình nộm đứng ngay dậy dụi mắt như vừa tỉnh ngủ và hỏi: "Thưa ngài, dạy bảo gì con." Thế là chú nộm biến thành thẳng ở, tha hồ ông Rabbín (tức là ông mục-sư đạo Do-Thái) sai bảo chú làm đủ việc, nhưng sau khi ông Rabbín chết thì chẳng ai biết chú hình nộm ấy đi đâu nữa. Về sau bao nhiêu người tìm tôi trong Cựu kinh ước, tức là kinh Torah, cái câu chú ấy mà đọc mãi hết ngược

đến xuôi, chẳng ai tìm ra. Tôi biết anh đọc tới đoạn này sẽ liên tưởng rằng mục đích của Minh Đức lúc ăn cắp Thánh kinh là muốn kiếm câu chú ấy chứ gì. Không đúng đâu, tôi ăn cắp Thánh kinh từ lâu lắm rồi, bệnh cũ gần 20 năm. Nhưng nếu ngày nào có nhân một sự tình cờ, một đêm không ngủ, mà tôi bỗng tìm ra được câu chú ấy thì hứa với anh là sẽ gửi thư cho anh để phổ biến ngay. Tức thì đọc giả B.K và anh chị sẽ làm theo, vấn đề người làm sẽ được giải quyết mà không lo bị ai tố và khỏi trả tiền công nữa.

Nhưng để tôi nói thêm một chút về cái nghĩa trang Do Thái ấy cho anh nghe. Nguyên cái nghĩa trang xây từ lâu rồi và hồi Đệ nhị Thế-chiến người Do Thái hay vào đây trốn tránh, khi Hitler muốn nung họ. Trước lúc bị bắt, họ đến ngôi mộ của ông Rabbín ấy, cõng hết đồ trang sức vớt xuống cái hồ ở dưới mộ. Ngày nay cái nghĩa trang cứ mỗi năm lại bị lún xuống, tình trạng giống như Venise, giống như vài khu vực ở Mexico. Vì vậy mà du khách mỗi lần đến là lo xem chỗ ấy trước, sợ một ngày kia nó bị chìm mất đi chẳng? Kho tàng cũng làm cho nhiều người mơ ước nữa.

Xem xong nghĩa trang chúng tôi đến ngôi nhà của Kafka, sau đó mới đi viếng các thứ lâu đài với viện Bảo tàng vv..

Thư này không phải để kể lại cho anh cái chuyến đi lãng tử ấy mà chỉ để thanh minh cho cái tình ăn cắp Thánh kinh, xin anh đừng

la lỗi sao mà không kể thêm phon? tục tập quán, đường đi nước bước xứ người. Nếu kể ra đây thì sẽ dài giòng, cổ nhiên là vui lắm, nhưng chuyện đâu có đó phải không anh.

Nhân dịp Tết báo cho anh một cái tin vui này, vui đối với tôi thôi, là tin tôi dọn về, quy cố hương rồi, dầu chẳng có áo gấm thên thang gì cả. Có nhiều lý do dục tôi quyết định, toàn là những lý do mà người khác cho là không xứng đáng, chẳng hạn như thương gốc Quỳnh và gốc Phong lan! Một lý do nữa là có mấy người bạn già, sợ trong lúc mình đi xa mà ở nhà họ về trời mất thì sẽ ân hận. Đời tôi đã mang một khối hận dài, vì bố mẹ chết không có mặt bên cạnh, nếu chất thêm vài mối hận khác nữa thì chớ sao nôi.

Anh có đồng ý không? Hay lại điện thoại đến mà phê bình, sao mà đại, sao mà khôn?

Tết này anh làm gì? ở đâu? Riêng tôi thì hy vọng sẽ được ăn Tết trên quê hương, ăn Tết một cách đàng hoàng chứ không phải như mấy năm trước đâu nhưng đó mới là «Người đề nghị», còn phải chờ «Trời quyết nghị» nữa. Tôi sẽ hỏi lộ ông Táo, ông Địa, đủ mấy ông. Anh có tưởng tượng được là tôi sẽ đến chúc Tết Tòa-soạn không, có cần phải mặc áo mới không anh? Tôi chẳng có áo mới, áo đẹp nào cả, quanh năm đi si, chắc phải đi ra chợ sắm vội chiếc áo mới chẳng?

Anh có biết là ở ngoại quốc các bà Việt-Nam gửi kích thước về đây để

may áo cho hợp thời trang không? Vì vậy mà mấy ngày Tết họ có những chiếc áo vừa đẹp vừa đắt tiền kinh khủng. Ở đây chắc ít được thấy, họ cũng thuê cũng vẽ quần áo đồng màu, hoa cúc hoa mai, anh không ngờ được đâu. Gặp ngày lễ Tết ở các xứ ngoài ấy, cô nào khờ mà lỡ đánh chiếc áo ngủ dài (à quên, xin lỗi áo dạ lễ) đưa đôi vai trần ra tưởng ăn khách lắm nhưng đến nơi mới thấy tro trên là phải bỏ ra về sớm. Có một sự ngấm ngấm khoe áo dài với nhau «xi-nốp» nhau xem áo chị mới hơn, đắt hơn hay áo tôi có «gu» hơn v.v...

Đoạn trên tôi có nói đến vấn đề «người đề-nghị» và «trời quyết nghị» hay là mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên (Đông Tây bắt tay nhau rồi đó). Lý do: Vì đời tôi chỉ có một năm dự định ăn tết đầy đủ, nhà có hai ba cái bánh chưng, rồi thịt kho, có mứt và một cành hoa mai của một độc giả vừa cầm vừa điếc mang đến tận nhà gửi cho. Cổ nhiên là áo mới, giấy mới đầy đủ như ai... Thế rồi, nó là cái Tết năm Mậu Thân và nhà tôi bị đánh ngay 5 giờ sáng mừng hai. Từ đấy tôi không chơi nữa, Quên, đã kể thì kể nốt, tôi còn hưởng một cái Tết nữa đầy đủ hơn, của một gia đình tôi ở trọ tổ chức, cả nồi bánh tét bánh chưng với bao nhiêu thứ ngon lành. Thế rồi đến tối 30, tôi nhận giấy gọi đi, hẹn sáng mừng một, suốt đêm ấy tôi lên một cơn sốt rét kinh hồn. Sáng mai vẫn cứ phải đi, cổ nhiên là cơn rét không lui, đến tối lại chẳng vào nhà ai được vì mọi người đều kiêng

không ai chấp nhận cho người ốm vào. Thế là ra nằm ngoài điểm canh suốt đêm ; ai đã từng sốt rét chắc sẽ thông cảm. Phi sốt rét bất thành chiến sĩ, tôi đã tự an ủi mình bằng câu ấy trong lúc lên cơn. Tội nghiệp nhất là chú liên lạc, ngồi gục bên bếp lửa tàn vì hết rơm hết củi, chỉ mong ánh sáng trở về nhanh. Đêm như dài hơn, đối với người ngồi gác bệnh nhân.

Chuyện chỉ kể đến đây thôi, anh đã biết sự thê rồi, sự thê là tôi vẫn còn sống đề sáng nay ngồi đây nghe sương hắt vào cửa sổ lạnh lạnh, một cảm giác rất thú vị, vừa uống trà vừa viết bức thư này gửi anh.

Gọi là thư Tết mà chỉ thấy kể lể những gì không ra Tết, trời bên ngoài còn tối, mặc dầu đã bảy giờ rồi. Tôi thức giấc từ hồi bốn giờ, pha trà thứ hạng nhất ra uống để gây thêm hào hứng, có ông anh tôi sang chia sẻ.

Sáng nào chúng tôi, hai anh em

cũng dậy sớm. Sau mục thể thao đến mục uống trà và thảo luận rất nhiều chuyện. Hôm nay chúng tôi đưa một câu thơ của Bạch-Cư-Dị trong Tỳ-Bà hành ra mò xẻ.

« Thương nhân trọng lợi khinh biệt ly » « Tiền nhật Phù lương mãi trà khứ » Tại sao cái anh chàng thương nhân, lái trà ấy lại dám đi cưới một nữ nghệ sĩ chuyên đàn Tỳ Bà. Tâm sự của bà nghệ sĩ ấy thì dễ biết, chị là kiếm chỗ nương thân, nhưng cái anh chàng thương nhân kia mới kỳ. Sao anh chàng không đi cưới một nữ thương nhân khác, có phải về nhà cả hai cùng đi buôn trà với nhau. Hay tại ông lái cần người giữ thuyền.

Thôi chắc phải ngừng, anh sẽ kêu là hai anh em tôi lần thân, hết chuyện bàn cãi với nhau rồi chẳng ?

Một lần nữa chúc Tết anh, Tòa soạn và tất cả những người nào... thương Bách Khoa.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

LỚP DẠY ĐÀN HUÊ

do Bà ĐỐC TRAI và Cô VĂN HOÀNG-OANH hướng dẫn

- ĐÀN TRANH
- ĐÀN NGUYỆT
- ĐÀN TỖ BÀ

dạy theo phương pháp cổ truyền và phương pháp ký âm,
DẠY TỪNG KHÓA HOẶC DẠY RIÊNG TỪNG NGƯỜI
THEO GIỜ HẸN

Xin hỏi tại nhà số 10 Cư xá Kiến Thiết Tân định

19 đường Nguyễn Hữu Cảnh Saigon — Đ.T 97.854 (ngoài giờ làm việc)

ĐẠI Á NGÂN HÀNG

và Hệ-thống Chi-nhánh trên Toàn-Quốc

ĐẢM NHẬN TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG :

TIẾT KIỆM có dự xỏ-số và không dự xỏ số,
TIẾT KIỆM ĐỊNH KỲ, KÝ THÁC, CHUYỀN NGÂN,
TÀI TRỢ, XUẤT CẢNG, NHẬP CẢNG, CHO VAY vv...

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG Trụ Sở
Trung-Ương

9. Nguyễn-Công-Trứ, Saigon
ĐT. 98.700 — 98.460

và :

CHI-NHÁNH TÔNG ĐỐC-
PHƯƠNG

47-49, Tông Đốc-Phường, Cholon
ĐT. 51.047

CHI-NHÁNH CẦU ÔNG LÂN

21, Bác sĩ Yersin, Saigon
ĐT. 99.385

CHI-NHÁNH GIA-LONG

111-123, Gia Long, Saigon
ĐT. 96.827

CHI-NHÁNH THỊ-NGHÈ

22, Hùng-Vương, Gia-Định
ĐT. 96.251

CHI-NHÁNH BÊN-HÒA

10. Nguyễn-Hữu-Cảnh, Biên-Hòa
ĐT. 2.236

CHI-NHÁNH BAN-MÊ-THUỘT

80-82 Quang-Trung, Ban Mê-
Thuột ĐT. 148-083

CHI-NHÁNH LONG-AN

36, Thống-Nhất, Long-An
ĐT. 72

CHI-NHÁNH SA-ĐEC

135-111, Tông-Phước-Hòa, Sađec
ĐT. 114

CHI-NHÁNH VĨNH-LONG

40. Phan Thanh-Giản, Vĩnh-Long
ĐT. 093

CHI-NHÁNH VĨNH BÌNH

21, Gia Long, Vĩnh Bình
ĐT. 92

CHI-NHÁNH ĐÀ-NẴNG

197, Độc-Lập, Đà-Nẵng
ĐT. 21.077

Cung chúc Tân Xuân

Ngon sông Nam-ô

Nàng ngồi xoa tóc đứa con để biết nàng đã vượt qua những năm tháng thanh xuân, nàng nhìn thấy nàng trong mắt xanh đứa nhỏ đang mở tròn. Nàng thì thầm kể cho con nàng nghe những mâu thuẫn triền miên trên xứ sở nàng : « Con biết không, mâu thuẫn không phải bây giờ mới có. Tồ tiên đã truyền, dân tộc mà con mang trên vai là con Rồng cháu Tiên. Rồng mạnh mẽ, hung bạo, cuốn nước làm mưa và Tiên hiền lành. Ngay trong máu thịt con, mâu thuẫn đã có rồi. Năm mươi con lên núi, năm mươi con xuống biển, nên chi đất của con đời đời lâm chiến. Bởi nàng công chúa đẹp gây chuyện Sơn Tinh và Thủy Tinh cho sấm sét hoai, cho long trời đất lở. Vậy đừng buồn, mẹ con mình nên kiên nhẫn mà đợi một ngày nào đó cha con về. Lớn lên con sẽ biết, mẹ đã biết đợi trông mỗi mòn từ năm mười tám tuổi. Người ấy biệt tích luôn, và mẹ gặp gỡ cha, trải suôi đời mình với cha để có con trên hai chân mẹ phút này ».

Tồ tiên con, thích mâu thuẫn, nàng nói thì thầm bằng một nụ cười. Đứa con của nàng thiu thiu muốn ngủ sau những phút chăm chú nhìn đôi môi của mẹ, đầu nó ngã xuống trên vùng ngực ấm áp và phủ phê sữa ngọt của nàng.

Bây giờ cũng thế, mỗi khi thiên hạ rộn ràng lo Tết, nàng càng âm

thầm hơn trong ngôi nhà của nàng. Bởi nàng biết, chồng nàng sẽ không bao giờ về những ngày lễ ra phải hoan hỉ này. Người ta có cây mùa xuân bằng tiên, sà bông, thuốc lá để vỗ về những người đàn ông đánh kẹt chân giữa những vòng rào, trên núi, trong rừng, hay dưới một lòng chảo ì ùng địa pháo. Nàng rất quen với đời mong, bốn năm đợi người tình, và ba năm mong chồng về phép, những cái phép ngắn như một gang tay, và những đợi chờ dài lê thê khôn khổ.

Nhưng mùa Xuân, mà báo hiệu là những cơn gió hiu hắt lạnh, những buổi sáng se sắt đòi ngực cũng khiến nàng xôn xao rộn rã. Ngực nàng căng hơn, và vú nàng dư thừa sữa ngọt cho con hơn mùa Hạ, với mùa Đông. Con nàng ngủ nhiều hơn, dưới hai bầu sữa căng Xuân. Hai mắt nàng thăm thăm ném ra phía trước. Ở đó, nàng có một người chồng, và một người tình đã gọi là cổ nhân. Cái thành phố nàng ở, vật vờ trong cái vòng mâu thuẫn mà tồ tiên đã muốn, khi cho Rồng kết hợp với Tiên, bởi cuộc chiến Sơn Tinh và Thủy Tinh đã mở màn cho dân nơi này say chiến tích.

Nàng yêu chồng nàng, vì chàng đã cho nàng một đứa con và đôi khi nàng se sắt tìm để nhớ tới một người, đã từ lâu, cổ không nhắc gọi tên nữa. Chàng mang tên những

đợt sóng, và họ hôn nhau lần thứ nhất trong đời ở một thành cầu, có hai ngọn sóng giao nhau. Chuyển đồ bộ của người Mỹ trên bãi biển và những phát súng lệnh đầu tiên xô vào thành núi.

Suốt những năm tháng thanh xuân nhất, nàng mất biển nó cho đợi chờ nhưng hai mắt nàng vẫn ngời lên những tia lửa của thương yêu, tin tưởng và hy vọng, rằng một ngày nào đó, xứ sở nàng sẽ thanh bình êm ả. Chồng nàng đã chẳng nói, đề có những đêm thanh bình như bây giờ, nước Mỹ đã trải qua một nội chiến thảm khốc đó sao? Và Ý nữa, và Pháp nữa. Tới một lúc nào, rồi kẻ ác nhất cũng phải cúi mặt vào ăn năn. Họ đã ngu ngốc xô tuổi trẻ vào cõi chết, nợ nần họ mắc phải được đền trả. Nàng tin như thế.

Nàng vuốt ve những sợi tóc của con nàng, đứa bé ngủ như một thiên thần nhỏ. Ngẩng đầu lên, nàng nhìn thấy người thanh niên trẻ.

— Chào bà, phải bà là My Dung không?

Nàng cuống quýt khi nhìn thấy một lá thư trên tay người thanh niên.

— Thư của chồng tôi phải không, cho tôi xin đi, thư của Diễm phải không?

Thanh niên lắc đầu:

— Thưa bà không, của một người khác.

Nàng chớp mắt:

— Người khác?

— Triều.

Một trời có gió, một bãi đầy sóng vỗ, một giòng sông có cây cầu gãy và có hai ngọn sóng bạc giao nhau. Một chiều có môi hôn mềm, có phát súng gầm trên sông, rồi xô vào thành núi sừng sững của quê hương nàng.

Đôi mắt nàng bàng hoàng ngây dại, rồi nàng đặt con nàng vào nôi, hết nhìn xuống lá thư, nàng lại nhìn người, đem nó tới cho nàng.

— Bà không chờ lá thư này sao?

Nàng lắc đầu:

— Tôi chờ thư anh ấy bốn năm, bây giờ đã hết.

Người đưa thư bỏ đi ngay sau đó, để nàng bàng hoàng với lá thư của Triều trên tay run. Hân cũng bí mật như Triều xuất hiện thật nhanh và biến đi rất lẹ.

Nàng cúi xuống nhìn lá thư; MY DUNG, chỉ có hai chữ đó thôi, nét chữ của chàng hình như cứng hơn ngày trước.

Nàng nhìn quanh, thấy không có ai, nàng đi nhanh vào phòng khóa chặt cửa lại rồi bóc thư:

Thạch Hân ngày...

Em.

Anh mở đầu lá thư viết cho em bằng một câu rất cổ và hơi sáo một tí, nhưng anh cứ viết: Anh viết cho

em bên bờ sông Thạch-hàn. Buổi chiều hắt thứ nắng quai buồn ú ẻ trên sông và buổi chiều bắt anh nhớ em ngơ ngẩn đi được.

Hôm đó, anh trở về thăm em, muốn nói với em thật nhiều nhưng cuối cùng rồi anh cũng chẳng nói được gì. Ngồi với em, anh không thể nói cho em biết rằng anh còn yêu em. Làm sao anh nói được nữa hả Dung? Lá thư này anh sẽ nhờ một người thân tín đưa tận tay em. Đọc xong em hãy đốt đi đừng để chồng em thấy. Cả những lá thư cũ, những tấm hình ngày xưa nữa, em hãy đốt hết đi. Em nhớ không?

Anh tiếc không có thời giờ nhiều để gặp chồng em. Anh tin là anh sẽ yêu chồng em như yêu em, anh tin chồng em xứng đáng với tình yêu của em. Anh không hề ghen tức đâu Dung. Bởi anh yêu tất cả những gì thuộc về em. Gắng quên anh đi, thôi đành, anh không hy vọng gặp lại được em nữa. Lá thư này sẽ là thư cuối cùng của anh, vì vậy đừng ngạc nhiên nếu lỡ anh viết hơi dài một tí.

Dung ơi!

Em có biết anh yêu em tha thiết như thế nào không? Trái tim anh còn đập nổi đến ngày hôm nay là nhờ em. Anh còn sống đến bây giờ để viết cho anh cũng là nhờ em. Nhưng em có chồng rồi, vẫn biết em lập gia đình là phải, không hiểu sao anh vẫn thấy đau đớn và tái tê. Hôm đầu tiên vội vã về thăm em, biết em đã chồng con yên ấm, anh

không nói được nữa. Anh tưởng anh bỏ đi luôn được, không ngờ một sức mạnh nào đó thúc giục anh về gặp em một lần nữa để nỗi đau đớn day dứt hơn. Hai tháng nay, anh cố tìm cách quên lãng em đi. Anh bắt anh phải nghĩ đến hạnh phúc của em, đến chồng và con em.

— Bảy năm nay anh làm gì? Câu hỏi của em đó, em nhớ không? Lúc ngồi với em, anh không nói được, anh biết từ đây sẽ không bao giờ anh được gặp em nữa, nên anh chỉ muốn nhìn em thôi. Bảy năm nay anh không được làm người. Anh phấn đấu đến cùng cực với chết chóc, hình phạt và lòng thù hận. Bảy năm dài hơn bảy thế kỷ (anh lại viết một câu thật sáo nữa) nhưng mà đúng em ạ. Anh có ngờ anh còn sống đâu?

Màu da? màu mắt? thân thể anh?... không có gì để phân biệt được người của bên này và người của bên kia, mọi giống sông hiền nhất Thế-giới.

Anh bị trói quặt hai tay ra sau bằng những sợi giây thừng thật chắc để leo núi, để lần trốn trong rừng tháng này sang tháng khác. Anh không bị trói một mình, anh bị ghì lại trong một giây tù nhân dài. Anh nhắm mắt lại giữ sức, vừa đi vừa ngủ không cần biết đến phương hướng, người đi trước kéo theo người đi sau. Không ai có thể đứng lại được trong cái vòng dây tù tội ghê tởm đó. Có một lần, anh nhớ

mãi, người bị trói trước mặt anh đã chết vì đói nhưng gã vẫn bị kéo lết đi. Em tưởng tượng nổi không em? Anh đã vật vã, đã dằng co theo sau một xác chết hai đêm một ngày. Anh nghĩ trên đời chắc không có ai còn phải đi, còn phải leo vật vã khi đã chết như người tù khổ khổ đó. Gian nan đến chết vẫn còn gian nan em thấy không? Cảnh đó, nếu không phải sống, nếu chỉ nghe kể, sẽ không bao giờ anh tin là có thật được. Lũ tù bọn anh còn khổ hơn những kẻ nô lệ ngày xưa nữa. Không đếm nổi những lần anh bị trói cứng hai tay vào người khác lẫn lóc trên những sườn núi lởm chởm, không đếm nổi, những lần anh dọn chết. Anh yêu em gần bên sự chết, anh bảo đảm với em rằng đồn chung tất cả tình yêu của nhân loại lại cũng không thể nặng bằng tình anh yêu em. Những mối tình đẹp nhất, những mối tình say đắm nhất làm sao so sánh nổi với tình của một người hàng trăm lần tưởng mình sẽ chết và hàng trăm lần gọi tên em?

Em yêu dấu,

Sợi giây buộc trên cổ anh nổi với những tù nhân khác bây giờ đã hết rồi. Người ta buộc cổ anh, trói tay anh, nhưng người ta không trói được trái tim anh, những ngày mà em tưởng anh không còn sống nữa. Anh đã sống, khổ cùng mà sống để trở về với em. Bây giờ, anh mới thực sự chết. Anh biết sẽ không bao giờ gặp được em nữa. Đời anh thực sự rẽ sang một ngã khác rồi.

Đừng trả lời thư này cho anh, bởi

anh không có một địa chỉ nào nữa kể từ hôm gặp lại em. Bên kia sông là một khu rừng thưa, bên này sông là cánh đồng cháy khô màu chết. Đất ở đây cần cỗi, đá ở đây cứng cỏi.

Anh nhớ em quá Dung ơi! những ngày chúng mình mới quen nhau, lần nào hôn em khi lính Mỹ đổ bộ ngoài bãi biển Nam-ô. Em có nhớ hai ngọn sóng giao nhau dưới chân cầu không? Định-mệnh chỉ cho chúng mình gặp nhau yêu nhau như hai ngọn sóng đó thôi.

Anh nhớ những biến động xô đến thành phố em ở. Lụt lội rồi tranh chấp. Trong hoàn cảnh đó anh đã yêu em, yêu không cưỡng chống lại từ lúc nào anh không biết nữa. Mấy năm rồi hả em? Lâu lắm rồi, sao anh vẫn yêu em tha thiết thế này, vẫn không một phút nào anh thôi không yêu em, vẫn không một phút nào anh thôi nhớ thương em.

Ngay lúc, biết em đã lập gia đình, đã có con, anh vẫn cảm thấy tình yêu dành cho em lớn lao như trước. Anh không mảy may ghen tức với chồng em. Anh cũng không hiểu tại sao nữa. Anh mừng cho hạnh phúc của em, dù lòng không khỏi buồn rầu và xót xa.

Vẫn biết em mong anh sống một đời yên ấm hơn, bình thường như mọi người trong thành phố. Anh đành không nghe em, vì anh không muốn vài năm nữa, hai chục năm nữa anh trở nên một ông y-tá già gần nhà em, một thầy giáo lỗi thời suốt ngày ngồi nói chuyện chính trị trong xó nhà. Chuyện gì họ cũng biết, họ say sưa

nói chuyện trên trời dưới biển, mỗi người đều nghĩ mình dư sức làm vua, dư sức cải tạo xã hội, nhưng mỗi người làm vua một góc nhà chưa xong.

Anh đã chống cự được những cơn sốt rét rừng rợn nhất. Anh đã thấy tận mắt cái ghê tởm của lòng thù hận và chiến tranh. Em yêu dấu, anh đành không nghe em, vì anh không thể ngồi yên như mọi người được. Anh cũng không thể nhắm mắt lại được nữa.

Gắng giữ cho tròn hạnh phúc em đang có và hãy coi anh như đã chết. Có bao giờ em trở lại Nam-ô không? Sóng bạc đầu vẫn giao nhau ở đó phải không Dung? Nhớ hết thư từ của anh đi em nhé, đừng để chồng em thấy, lòng ghen của đàn ông tai hại ngàn lần hơn cơn ghen của đàn bà.

Những năm tháng vội vã trong rừng, anh mới thấy quê hương mình nhiều núi, nhiều rừng quá, lòng người mình cũng âm thầm khó hiểu như núi và rừng.

Riêng anh, anh sẽ làm tất cả những gì có thể làm để con cháu em sau này không phải thù hận nhau, không phải sống như những con vật nữa. Dĩ nhiên không bao giờ anh đạp trên xác chết người khác để tiến thân đâu. Em có biết cái xã hội em đang sống trong đó, có bao nhiêu kẻ đã leo lên trên ngàn xác chết để vinh thân phì da không? Những kẻ đó gửi lời khen ngợi người đã chết,

những kẻ đó viết mộ bia ghi ơn những người hăn đã xô họ vào cõi chết. Không, anh không thể leo lên xác chết được dù anh đã vật vã với giây buộc cổ, với thừng trói tay hai đêm một ngày theo sau một xác chết. Người đi trước đã kéo kẻ khốn khổ đó đi và anh đi sau, anh đã xô đã đẩy người chết đi cho hết đoạn đường định mệnh của hăn.

Từ đó, nước mắt khô đi trong mắt anh, nhưng nước mắt đang trong linh hồn anh rồi em biết không? Song! con người sinh ra để được sống cho ra sống, được làm người. Bây giờ anh làm gì điều đó.

Em yêu dấu.

Dù trong cảnh nào, dù từ nay anh sẽ không bao giờ gặp lại em nữa, mãi mãi anh vẫn yêu em và dấu kín em ngàn đời trong thân thể anh.

Ngồi ở đây, giòng sông bắt đầu mờ trong sương, nắng chỉ còn thoi thóp bên kia bia rừng anh tưởng như đang ngồi ở Nam-ô với em. Em nhìn lên ngọn núi trọc, và đôi mai sau nếu mình xa nhau, em sẽ làm tượng đá đời anh trên đỉnh đồi tàn úa đó.

Nghe gió vật vã từ khu rừng sơ sác anh chợt biết, bây giờ anh chỉ còn những kỷ niệm yêu dấu với em là thật. Thôi em nhé! Viết bao nhiêu cũng thế. Vĩnh biệt em

Thủy Triều

Nàng đọc xong thư, và trở ra với con, gương mặt nàng ngầy dại, im lặng tràn trên từng hơi thở của nàng.

Nàng đỡ lấy đôi ngực cần sữa, vì con nàng say ngủ chưa chịu thức dậy, ôm lấy ngực nàng, như một võ vè và che chở lạ lùng nhất, khi con ngậm lấy núm vú nàng : « Chính con mới là người che chở và nâng đỡ mẹ. Chính con, chứ không phải là mẹ che chở cho con đâu ». Bây giờ nàng có nó trong hai tay nàng, không phải là chồng nàng, cũng không phải là người tình cũ, người nàng đã đợi mỗi mòn bốn năm, một đợi mong chập chờn. Có ai dám tin, chàng sẽ về lại thành phố khi chàng bị bên kia bắt giữ ? Ở miền đất này đàn bà không bao giờ được chọn cho mình một chỗ trú thân. Không đàn bà xứ nào đợi chờ dài hơn nơi đây những mùa, những tháng và những đêm qua mất cho đợi chờ mòn mỏi. Những đêm cổ kéo dài của những ngày phép ngắn. Nàng thức trắng bên chồng, gối trên cánh tay của chàng, và ngửi thấy đầu đổ trên thân thê chàng mùi của thần chiến tranh. Hai vợ chồng nói với nhau về thanh bình, về một mái nhà nhỏ có đoàn tụ, có thương yêu. Nàng thường băn khoăn sao đàn ông xứ này cứ phải xô vào chốn thảm khốc. Chồng nàng dịu dàng, chàng dịu dàng suốt những ngày phép nhỏ : « Phải xấu hổ nhận rằng chúng ta là một lũ » nhà quê

Phải
xấu hổ nhận rằng chúng ta ngu ngốc.

Tất cả là quyền lợi, không có đạo đức, chỉ có quyền và lợi, và chúng ta sẽ mất hết, mất rồi thể đứng, đất chết, người lang thang, lửa cháy đỏ. Những nước mạnh hơn, chúng khôn hơn, chúng lo xây dựng khi mình lo đốt cháy và ngôn ngữ của người mạnh khác với ngôn ngữ kẻ khốn cùng ».

Cả hai người đàn ông, nàng đều phải nhớ tới trong mỗi mòn. Cả hai người đàn ông, đều trôi dạt họ trên sóng gió, lửa và bom. Nàng bỗng con nàng ra khỏi nôi, nàng cần và khát khao hai bàn tay của con quơ trên mặt nàng, những dấu hỏi. Rồi nó sẽ lớn lên, xóa mờ đi những mâu thuẫn tranh chấp khốc liệt hôm nay nhờ đôi mắt trong xanh này, nàng nhìn thấy hai ngọn sóng giao nhau dưới chân cầu Nam-ô trong mắt con. Nàng nhìn thấy lửa đỏ rực dọc Trường Sơn, tràn xuống phía Nam, rồi lửa cháy ngang, tràn ra biển. Và mùa Xuân của nàng, chỉ có trên bầu sữa con nàng đang nín lấy,

LÊ HẰNG

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin :

Ông Bà LÊ NGỌC QUỲNH, ở 24 Tự Đức Saigon, sẽ làm lễ thành hôn cho Thứ nam là :

Cậu LÊ ĐÌNH cùng Có NGUYỄN THỊ MINH TRANG
và Hôn lễ sẽ cử hành tại Saigon, ngày 21-1-1975.

Xin chân thành mừng Ông Bà Lê Ngọc Quỳnh và chúc hai cháu trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà Lê Ngọc Châu

DẤY HỒN

Thơ HUỲNH TẤN

Tặng Hoàng Văn Giang và Trần Như Huyền

Mùa xuân có về đó,
Trong hồn ta đêm nay.
Hồn ta ly rượu nhỏ,
Làm sao sông núi say.

Người xưa muôn năm trước
Có cùng ta đêm nay,
Giày cỏ khua chân bước,
Gươm cùn vung cánh tay.

Rượu nốc, võ bàn thét,
Mắt trừng, run trắng sao,
Đâu chàng trai thuở trước,
Chi lớn trùm non cao.

Xuân về nghe rạo rức
Sông núi ngập trong hồn.
Muôn dân chờ cơ cực,
Ai mãi gươm đêm trăng...

XUÂN NHỚ

Thơ THẠCH ĐIỀN

Hơi mát trong khe tràn xuống thấp
Màu xuân gần gũi ở đâu đây
Thanh thanh vừa chạm làn da mỏng
Nắng lụa hanh vàng lướt lá cây
Gió mới mang tin vào cuối xóm
Ô kìa ! Thiếu nữ đứng đầu sân
Hoàng mai rộn rức vịn tay đẹp
Từng nụ hoa ngời mắt gái tân
Sức sống đương lên gả cất gáy
Trong vườn nhựa mạnh đầy chồi non
Đất thơm như côi lòng trai trẻ
Náo nức qua đường mạnh gót chân
Bướm trắng đùa nhau mừng nhún nhảy
Nguồn tươi động dậy ở trên cành
Làm sao trở lại mùa Xuân cũ
Nhìn được người em thắm áo xanh

**Tiền đầm xưa
trông mùa Xuân mới**

Thơ VÕ CHÂN CỬU

Chiều xuân âm ướt
Đạo bước ven Đầm
Sóng bờ dội ngược
Ta bỗng đau lòng.

Tiếc cho gợn sóng
Yếu sức không về
Bên nọ bờ quê
Lạnh mờ mây khói.

.....

Ngắm mây lồng lộng
Ngắm nước bập bênh
Oán trời rộng rộng
Oán biển mông mênh

Trời đất rộng thênh
Sao đồn một chỗ
Muôn tai nghìn họa
Suốt mấy trăm năm.

Cây không đủ lớn
Người không mãn đời
Kìa kìa núi trọc
Trắng hếu xương phơi
Bãi nọ sông bồi
Cát pha thịt rữa.

Trách ta lắm lựa
Kiếp sống ngu ngơ
Ngọn bút có giờ,
Thẹn cùng mặt đá.

Ta lặn như cá
Dưới cơn sóng to
Ta rống như hổ
Trước giờ chọc tiết

Những người đi biệt
Tự mùa Xuân xưa
Còn in bóng đỏ
Giữa Đầm lật úp
Những người sống sót
Năm tháng xoay vần
Chứa được một lần
Về qua cố thổ
Ai người thiên cồ
Nọ kẻ sau sinh
Lòng cũng không đành
Chết khi Xuân tới.

Cùng nhau ta cỡi
Đạp lớp sóng kinh
Làng xưa sẽ đợi
Rực bóng bình minh.

Tặng anh Võ Xuân Phiên, không biết
còn sống hay chết, tự mùa Xuân năm
nào...

(Trích tập "Ngã Tư", sắp in)

Bán tại Nhà sách KHAI TRÍ 62 Lê Lợi Saigon

TRẦN THỨC LINH

TÒA ĐẠI HÌNH

Tổ chức và điều hành Tòa Đại hình — Văn thức của những vi bằng, phán quyết — Các điều luật thường áp dụng — Các trọng tội dự liệu trong bộ Hình luật.

DANH TỪ PHÁP LUẬT LƯỢC GIẢI

Cùng một tác giả, sách hết đã lâu, nay tái bản lại, có sửa chữa, theo đúng các bộ luật mới vừa ban hành.

LÊ TÀI TRẦN

NHIỆM VỤ CỦA CHÁNH THẨM TÒA HỘ NHIỆM VỤ CỦA CHÁNH THẨM TÒA HÌNH

Bộ sách quý giá vừa tái bản lại, có sửa chữa đúng theo các bộ luật mới vừa ban hành.

NGUYỄN VĂN HẢO

BỘ HÌNH LUẬT VIỆT NAM

Gồm bộ Hình luật mới và các luật lệ hình sự, không được điền chế. Bản mục lục phân tách. Bản đối chiếu giữa quy điều của Bộ Hình luật mới và các quy điều liên hệ của Bộ Hình luật canh cải cùng các Bộ Hình luật ngoại quốc khác.

CHÂU TU PHÁT

LUẬT HÌNH SỰ TỔ TỤNG LƯỢC GIẢI LUẬT DÂN SỰ TỔ TỤNG LƯỢC GIẢI NHỮNG PHƯƠNG CÁCH CHẤP HÀNH LƯỢC GIẢI

Ba quyển sách rất cần thiết cho các sinh viên Luật và những ai muốn hiểu rõ luật pháp Việt-nam

LÊ QUANG TỐT

HỘ TỊCH THỰC HÀNH

Giải thích rõ ràng các điều cần biết về Hộ tịch theo luật mới cùng các văn kiện lập quy liên quan đến luật mới.

Đàm thoại với Đoàn - Thêm về những tập « Việc từng ngày »



● Ông Đoàn Thêm, là một nhà thơ mà cũng là một cây bút biên khảo, nghị luận đã cộng tác với Bách-Khoa từ cuối năm 1958 và liên tiếp viết cho Bách-Khoa tới cuối năm 1966, 1967, đặc biệt với những loạt bài về hội họa, thẩm mỹ, và « Những ngày chưa quên » v.v...

Ngoài những tập thơ và các sách về hội họa, thẩm mỹ v.v... của ông đã được xuất bản, ông còn là tác giả những tập « 20 năm qua : 1945-1965 » và mỗi năm một tập « Việc từng ngày » các năm : 1965, 1966, 1967, 1968, 1969... Những nhà nghiên cứu, những ký giả, sinh viên, đều rất cần đến các tập « Việc từng ngày » này và rất trông đợi các tập của những năm kế tiếp, mà không thấy được ấn hành. Do đó nhân có dịp gặp ông Đoàn Thêm vào cuối năm, Bách-Khoa đã hỏi thăm tác giả « Những ngày chưa quên » về sự ngưng xuất bản này.

BÁCH-KHOA : Sau tập 1969, anh có ghi chép nữa không mà sao không thấy in tiếp các năm sau nữa?

ĐOÀN THÊM : Vẫn tiếp tục đều mỗi ngày. Cứ trong tháng đầu mỗi năm, là có tập đánh máy sẵn về cả năm trước : 1970, 1971. 1972, 1973... Nhưng từ 1970, giá giấy, công in lên cao và cứ leo thang mãi, nên việc xuất bản phải tạm ngưng, không biết đến bao giờ.

Đối với người cầm bút, viết ra mà không in được, là sự đáng chán nản. Song cũng đành tự an ủi rằng, trường-hợp riêng cũng là tình-trạng chung của giới biên khảo, sáng tác trong thời lạm-phát.

Và lại, đã cố gắng trong bao năm, mà bỏ dở thì cũng tiếc công.

Sau hết, việc đã ghi là đã qua và phải còn lại về lâu dài không lo mất thời-gian tính : có lẽ việc càng xa-tài-liệu sẽ càng khó tìm lại, nên bản ghi chép càng đáng giữ và không mất giá.

Ngày tháng trôi qua, khi nào quên rồi mới cần nhớ lại, nên tập 1971 chẳng hạn mà chỉ được in vào năm 1980, có lẽ cũng không phải là vô ích.

— Các tập này là tài-liệu có ích, không xuất bản tiếp được là sự đáng tiếc, vậy có thể nào cố tìm phương-tiện mà in tiếp không, vì tuy gặp nhiều khó khăn, một số sách đòi hỏi nhiều giấy, vẫn xuất bản được trong mấy năm qua và ngay cả năm 1974 này nữa.

— Những sách còn được in thường thuộc loại dễ phổ biến như truyện

có tiếng của ngoại-quốc đem dịch.

Nhưng loại tài liệu như « *Việc từng ngày* », chỉ được chú ý do các giới nghiên-cứu hoặc cho những người muốn có ý niệm cụ-thể về thời-cuộc và sinh-hoạt cộng-đồng. Nên các nhà xuất-bản ngần ngại về giá-tị thương-mại, số bán cũng khá dù hơi chậm. Như bộ « *20 năm qua* », in lần thứ hai, đã hết từ lâu.

Ít hy vọng in mà vẫn viết là một sự thiệt thòi đã được tiên liệu và chấp nhận. Trước một việc được coi là có ích, thì phải làm theo sức mình.

— Nếu khó tìm nhà xuất bản tư, thì giả thử có sự giúp đỡ của cơ-quan văn-hóa công, anh có thuận không?

— Nếu là tác-phẩm mang nặng cá-tính và chủ-quan, là công-trình sáng-tác, hay ngay sách khảo-luận, thì tôi không muốn có liên-hệ gì dù gián-tiếp, với một cơ-sở công nào.

Còn đối với những tập tài-liệu khách-quan, thấu thập với mục đích giúp ích, thì ai in chẳng được, không có chuyện mặc-cảm chi hết. Ghi rằng năm nay trời nóng hơn mọi năm hoặc Nixon phải từ chức vì vụ Watergate, thì những sự thật này chẳng ăn thua gì đến tâm-tình lý-tưởng nào của người ghi chép...

Đã có vài cơ-quan công-quyền mua đọc và tỏ ra rất chú ý, một nhân-vật có trách-nhiệm về văn-hóa lại còn khuyến-khích là khác, nhưng ông chỉ giục in tiếp, tuy biết là thiếu phương-tiện. Dù sao, trong việc phổ biến, người văn-hóa chỉ nên

trông cây vào mình hoặc một số người hiểu biết mà thôi. Ngoài ra, sự giúp đỡ thường đi đôi với một vài điều-kiện. Làm văn hóa với điều-kiện bó buộc thì thà không làm.

— Nhưng viết mà không phổ biến được, thì anh tính tiếp tục như vậy đến bao giờ?

— Quả thật tôi lâm vào tình-trạng khó xử.

Phải thú nhận là lắm lúc thấy nản. Song bỏ thì tiếc; tiếp tục thì chẳng biết có thể đến ngày nào.

Tôi đã vài lần tính chấm dứt nhưng không dám quyết, và trong khi chờ đợi quyết định, không dám ngưng ghi chép, vì nếu sau lại đổi ý thì rầy rà lắm, vì chỉ ngưng một vài hôm thì sẽ bị tràn ngập do những việc đã xảy ra trong nước và trên thế giới, nên dù bận đến đâu hoặc gặp ngày kém sức khỏe, cũng đành ghi chép một lát, ít nhất là vài việc quan trọng, rồi liệu sau...

Cứ như thế, mà nay lần mai nữa, tôi tạm tiếp từ đầu năm nay, chẳng bao lâu tới giữa năm, mà vẫn chưa bỏ được, thôi thì đành kéo đến hết 1974 rồi sẽ hay...

— Không viết lời này, anh còn viết lời khác, hà tất tiếc nhiều như vậy để phải băn khoăn?

— Đành là thế. Nhưng nỗi tiếc của tôi cũng day dứt như nhu cầu đã thúc đẩy tôi ghi chép trong bao năm. Anh muốn hiểu cho, thì nói sao cho rõ đây?

Tất cả những việc gần xa do tôi ghi chép, đối với tôi là phần đáng

quan tâm nhất trong cuộc sống của mọi người chung quanh và của chính tôi.

Muốn tìm hiểu cuộc sống đó đã thay đổi như thế nào, phải nhìn lại dĩ-vãng, những việc xảy ra khi tôi còn ít tuổi, hay ngay khi đã 20, tôi đã không biết, đã bỏ qua mất, hoặc đã quên nhiều. Như thế là trong cuộc đời tôi và cuộc sống quanh tôi, đã có nhiều khoảng trống rỗng, không khác nào tôi chưa từng sống, thật uổng phí.

Về sau, tôi nhìn, nghe, đọc, ghi chép lại, mỗi lần in xong một tập thuộc về một năm, tôi có cảm tưởng là đã nắm hết phần chính yếu của cuộc sống riêng và chung, của bà con, của xứ sở, của thế giới trong năm đó : chất sống sẽ còn lại đó, thoát khỏi sức lôi cuốn chìm đắm của thời-gian. Dù anh cho là ảo tưởng, thì tùy anh : tôi vẫn thấy là tôi đã sống thật, ít nhất là sống nhiều hơn, rõ hơn, sâu hơn bao năm mà tôi đã quên hoặc đã để trôi qua không còn dấu vết.

Nói một cách khác, tôi thâm cảm thấm thía rằng cuộc sống của tôi gồm bao nhiêu biến chuyển, đầy hơn, dồi dào hơn, và khát vọng biết và hiểu của tôi được thỏa mãn nhiều gấp mấy thời tôi còn trẻ. Tôi đã len lỏi được vào nhiều khu vực sinh hoạt, chính trị, quân sự, xã hội, văn hóa, kinh tế, tài chánh để theo dõi những gì ảnh hưởng xấu tốt vào cộng đồng của chúng ta.

Rất nhiều việc đã ghi, thật đáng buồn, chẳng những đối với tôi. Song

chính vì thế mà tôi đã cố ý ghi những sự việc mà tôi biết là ít được chú ý như : một trường học được xây, một đập mới đưa nước vào ruộng khô, một số chỗ học được miễn phí, một số tiền quyên tặng, một nghĩa cử đã được kể qua v.v... Tuy không đập mạnh vào các tâm-lý, tôi vẫn ghi vì giữa cơn tàn phá khủng hoảng kéo dài, mỗi cố gắng xây dựng hàn gắn đều đáng kể, bất cứ do bàn tay nào giữa những trào lưu băng hoại của một xã hội thời chiến, mỗi cử chỉ vị tha nhân-ái đều đáng quý... Tôi đã theo dõi mọi cuộc khủng-hoảng thì tôi cũng mừng thầm về mỗi tiến bộ dù nhỏ, mỗi sự cải thiện dù bất đắc dĩ... Vì ít còn hơn không, để đem lại hy vọng, dù chỉ một vài tia trong những giai đoạn hoang mang..

Đó là những yếu tố đã thúc đẩy tôi đã lười cuốn tôi theo dòng thời-gian, vượt qua những lúc chán nản, ngã lòng, thối mệ.

— Để đỡ mệt hay chán, có lẽ anh nên tìm sự hợp tác hay sự tiếp tục của bạn khác ?

— Rất mong, rất muốn, nhất là vì tôi còn bạn nhiều việc khác, còn nhiều tham vọng khác trên lãnh vực văn-hóa.

Tôi cũng đã ngỏ ý với vài bạn. Song các bạn già thì nản, các bạn trẻ cho là việc khô khan, không hấp dẫn. Có bạn cho biết : Có thể nỗ lực hoặc viết một cuốn tiểu-thuyết, song ngày nào cũng phải ghi, thì máy móc quá, ngán lắm.

Tâm sự của một số nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ vào những ngày cuối năm Dần

L.B.K Vào những ngày cuối năm cũ, anh Lê Phương Chi có dịp gặp một số nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, ở các cuộc hội họp văn nghệ hoặc ở ngay các tòa soạn nên phỏng vấn chớp nhoáng cá bạn này về việc làm ăn trong năm qua và việc chuẩn bị đón Tết sắp tới. Số người gặp được đều bất ngờ, vì chỉ là ngẫu nhiên, nên hẳn là sẽ thiếu sót nhiều bạn văn nghệ... Tuy vậy mà bài cũng khá dài và phải đăng vào cả số Tết lẫn số Tân niên. Hình ảnh trong bài đều của Lê Phương Chi vì trong hai năm qua anh đã tự tay chụp được rất nhiều hình ảnh các anh chị em văn nghệ sĩ.

● HỒ HỮU TƯỜNG



Hồ Hữu Tường, nón lá và bị gậy trong ngày « Ký giả đi ăn mày ».

Tôi chưa kịp hỏi câu nào. Anh Tường đã vỗ vai tôi: « Toa tìm giùm cho mỗ số Khoa-học Huyền-bí có đăng Lá Số Tử Vi của mỗ... Thiên Lương là ai vậy? Sao lại đòi

giờ sanh của mỗ? Mỗ sanh giờ Dần, đổi ra giờ Mão rồi đoán là mỗ nên mặc áo nâu sòng gì đó. Toa có số báo đó, cho mỗ đọc coi ra sao, nghe mấy người bạn nói, mỗ nóng muốn đọc quá... »

Sau khi hứa sẽ tìm cho anh Tường một cuốn KHHB có đăng lá số Tử vi anh vừa nói, tôi hỏi thăm Tết năm nay anh định làm gì.

Anh Tường cho biết, nếu mượn được tiền anh sẽ đi thăm các thân bằng cố hữu ở các tỉnh. Anh cho biết năm rồi anh mượn được 40 ngàn đồng, anh tổ chức đi về các tỉnh miền Trung như Bình-Tuy, Bình-Thuận, Phú-Yên, Bình-Định, Quảng Ngãi, rồi Quảng Nam, Đà-Nẵng để thăm hết thầy những người quen biết. Đi từ 20 tháng Chạp đến Rằm tháng Giêng mới về tới Saigon. Đi xong, về đi dạy học cho Viện Đại-học Hòa-Hảo mấy tháng mới trả hết nợ. Hiện giờ anh chưa biết mượn ai, nhưng nếu mượn được, anh cũng sẽ đi một vòng, tất nhiên khác vòng đi năm ngoái. Nói đến đây, anh

Tường cười lớn : « Đi ăn chứ bà con quen biết mấy ngày Tết vậy mà vui và rất hữu ích cho công việc sưu tầm để viết sách... ».

Tôi hỏi về lợi tức sinh sống của anh hiện tại, anh Tường lại cười, cho biết hơn một năm nay anh ăn bám bà Huệ-Minh (tức là bà Hồ-Hữu-Tường), còn tiền lộ phí đi hoạt động các hội-đoàn là do tiền anh bán chút đỉnh các thứ thuốc do anh chế tạo từ các thứ rễ cây (gọi nôm na là thuốc Nam) thành các thứ thuốc trị những bệnh như : Phong đòn, Ung-thực, Tê-thấp, Thiếu-máu và các bệnh của đàn bà. Nhiều người uống rất hiệu nghiệm, nhưng chưa được phổ biến, thành thử chưa khuếch-trương qui-mô được.

Khi từ già, anh Tường kéo tôi lại nói nhỏ : « Nè, tin mật nhen, nếu không có gì trở ngại tại này tổ chức một cái quán tạm gọi là « Trao đổi tác phẩm lấy quà Tết » do hội Bút-Viết giúp đỡ. Anh em văn thi sĩ đem tác phẩm lại quán (có lẽ ở quanh chợ Sài Gòn), tác phẩm có chữ ký tặng của tác giả. Đồng bào nào muốn lấy sách có thể đổi bằng : chai rượu, cái bánh, trái bưởi, gói mứt, trái dưa, con gà, cân thịt v.v... để anh em đem về ăn Tết. Anh nói tiếp, là hỏi còn nhà Cách mạng Nguyễn An Ninh, anh Tường cũng đã tham gia tổ chức một lần, kết quả rất khả quan, anh Tường lại cười lớn : Cái « Quán trao đổi » này mà thành hình, thì tôi ở Sài Gòn ăn Tết... »

○ THANH LĂNG



Nhà biên khảo kiêm ký giả bình luận vào những ngày báo chí đấu tranh, vừa bước vào xe vừa nói : « Cậu hỏi gì hỏi nhanh, tôi còn phải đi họp gấp lắm ». Nghe tôi nói mục đích cuộc thăm hỏi, Linh mục Thanh-Lăng cười : « Tết của mấy ông Linh mục buồn lắm, có gì đâu mà nói. »

Rồi Linh mục cho biết năm này không có xuất bản thêm cuốn sách nào, còn công việc biên khảo các bộ sách Phê-bình Văn-học vẫn tiếp tục. Năm nay chỉ viết cho ba nhật báo vào những tháng cuối năm, đó là Sóng Thần, Bút Thép và Đại Dân Tộc. Về báo Xuân, chỉ trả lời mười câu hỏi cho tạp chí Nhà Văn của nhóm Nguyễn Sa, Trần Dạ Từ chủ trương. Trả lời về bộ Phê bình Văn học Việt-nam có dự định xuất bản cuốn kế tiếp trong năm 1975 hay không ? Linh mục Thanh Lăng cười rồi nói : Tình hình giấy in sách đã, như hiện nay, Sở kiểm duyệt ở Bộ Dân Vận còn đó, tương lai sách báo

mù mịt quá, trả lời ngay bây giờ làm sao được...

● LÊ HẰNG



Tôi nhận chuông và đứng chờ trước cửa thật lâu, gần 45 phút, tình cờ cô bé người làm ra phòng khách có việc gì đó, trông thấy mới chạy ra mở cửa, mưa cũng vừa đổ xuống đủ thấm ướt vai áo. Thì ra, chuông điện gần ở cổng đã hư mà Lê Hằng lại đang lo cơm tối ở nhà sau.

Điều đầu tiên tác giả « *Thung lũng tình yêu* » cho biết là vừa giao bản thảo « *Chiều gió* » là tác phẩm thứ 10 cho nhà xuất bản « *Tổ hợp Gió* » để kết thúc giao kèo với nhà xuất bản này từ đầu năm 1973 đến nay. Từ nay, tức là tác phẩm thứ 11 trở đi. Lê Hằng muốn bán cho nhà xuất bản nào tùy ý.

Tôi hỏi giao kèo ràng buộc như thế nào mà thoát nó, coi bộ Lê Hằng vui vẻ vậy. Tác giả « *Chiều gió* » cho biết khi ký giao kèo không lấy trước một số tiền một triệu mấy gì đó như tin đồn, mà điều kiện rất dễ dàng là tính

mỗi trang sách là 400đ, trong năm đầu (1973), và 450 đ. trong năm thứ nhì (1974). Khi nhận bản thảo, *Tổ hợp Gió* đưa cho tác giả một trăm ngàn đồng, khi in sách xong, tính trang lấy thêm, số lượng in mỗi tác phẩm như vậy là 6.000 cuốn, tác giả được 50 cuốn để biếu bạn bè. Trong thời gian nhà xuất bản *Gió* phát hành từ cuốn thứ nhất đến cuốn thứ mười, Lê Hằng không được tự in hoặc giao cho nhà xuất bản khác in bất cứ tác phẩm nào nữa. Tuy không ràng buộc nhiều, nhưng cũng thấy khó chịu.

Hiện tại, Lê Hằng còn viết 3 tiểu thuyết dài cho các nhật báo *Quạt Cờng*, *Đông Phương*, *Tiền Tuyền*. Và Lê Hằng còn một tác phẩm đã kiểm duyệt xong, chưa in, nhan đề là « *Như sương long lanh* », khoảng 400 trang, đăng trên *Quạt Cờng* năm rồi. 1970

Nhân nói đến kiểm duyệt, Lê Hằng cho biết từ đầu năm 1973 cũng bị kẹt ở Bộ Dân vận 2 cuốn (« *Cỏ khô* », « *Tiền vùng mây bão* ») chỉ vì trong truyện có một nhân vật là tù nhân chính trị. Đến khi có cuộc tranh đấu đòi tự do báo chí và xuất bản, 2 cuốn sách này mới được giấy phép xuất bản sau khi Sở Kiểm duyệt kêu Lê Hằng đến chữa lại vài đoạn nhỏ. Còn 2 cuốn « *Sóc nâu* », « *Màu xanh đang lên* » bị khó khăn với Kiểm duyệt nhiều nhất chỉ vì trong « *Sóc nâu* » có đoạn tác giả cho rằng « tội nghiệp phi si-ke không nặng bằng tội nghiệp tiền bạc, nghiệp xác chết và nghiệp chiến tranh »; nhưng rồi 2 cuốn này cũng được giấy phép trong giai

đoạn tranh sôi nổi của Phong trào đòi hủy Luật 007...

Nói đến đây, bỗng nhớ ra một việc, Lê Hằng hỏi tôi đi nhiều có biết còn một Lê Hằng giả nữa không? Rồi Lê Hằng cho biết, có một vị Linh-mục Chủ-nhiệm một tờ tạp-chí, cho biết ở Đà Lạt có một cô gái trẻ đẹp tự nhận là nhà văn nữ Lê-Hằng, nhà ở đường Đào Duy Từ. Cô ta mang sách của Lê Hằng như « Thung lũng tình yêu », « Mắt tím », đến dinh Tỉnh-trưởng, đến tư dinh các ông Tướng, Tá xin gặp chủ nhân, than thở là đang bị người yêu phụ bạc, rồi tặng sách và sau đó cô ta nhận được một « sổ tiền thương hại » của các ông lớn ấy. Chuyện xảy ra từ đầu năm 1973 ở các thị-xã Đà Lạt, Cam Ranh, Phan Thiết v.v.; và táo bạo nhất là cô ấy dám mang sách « Tóc mây » đến nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn — là nơi Lê Hằng đi lễ ở đó — đề cũng than thở với mấy Cha là bị người yêu phụ bạc đang đau khổ vì tình, đề trao đổi sách lấy một khoản tiền thương hại như cô ta đã làm ở các nơi khác.

● Và một điều nữa, vừa rồi có một người thân cho biết là thấy trên Bộ Dân-vận có một người xin kiểm duyệt một cuốn cách (vì không chú ý, Lê Hằng quên mất tên cuốn sách) với tên tác giả là Lê Hằng. Người thân này cho biết thêm, tên người xin kiểm duyệt đó là M., kẻ đã từng xin kiểm duyệt đề xuất bản sách Quỳnh Giao giả mạo. Lê Hằng đã xin Bộ Dân-vận có biện pháp ngăn chặn sự cố ý dùng bút hiệu có tính

cách lừa gạt độc giả như vậy, vì khi in lên đầu sách, mấy ai chú ý là Lê-Hàng hay Lê-Hằng, khi khổ sách và bìa sách họ cố tình làm tương tự như nhau. Chưa biết bộ Dân-vận đã ngăn chặn thế nào, nhưng Lê-Hằng được một nhân vật có thẩm quyền cho biết là đã có biện pháp rồi.

Hỏi đến việc sắm Tết, Lê Hằng cho biết từ ngày tự tay làm ra tiền đến giờ, không bao giờ có dư nhiều để sắm sửa phung phí, mà cũng chưa bao giờ túng quẫn đến chật vật phải xoay sở khó khăn. Cứ vừa đủ vậy vậy thôi. Vì thế mấy cái Tết rồi, Lê Hằng cũng không dư tiền để sắm sửa, chỉ đưa các cháu về thăm bên nội bên ngoại. Thú thật là Lê Hằng thích Tết lắm, nhưng Lê Hằng lo không biết Tết này, với tình hình này, có cho phép người hùng Không quân của nàng được ở nhà đoàn tụ với gia đình hay lại bị cấm trại 24 trên 24 như năm Mậu Thân...

● LÊ TẮT ĐIỀU



Tác giả « *Những giọt mực* » cho biết từ cuối năm 1973 đến giờ, cuộc sống của anh thật đen hơn những giọt mực. Rủi ro và bất hạnh đã liên tiếp dồn dập đến.

Anh đã dày công khám phá, tập hợp một số họa-sĩ trẻ, vẽ truyện bằng tranh rất linh động, tài tình, để thực hiện một tờ báo toàn truyện bằng tranh vui, đẹp, lôi cuốn, có nội dung dân tộc: tờ *Yết Kiêu*, mà tờ báo vẫn không sống nổi được với mọi sự khó khăn đến từ các phía: kiểm duyệt, phát hành v.v... Anh đã phải bán cái xe 4 bánh để cố nuôi dưỡng tờ báo thiếu nhi này, mà chưa kịp thu lại vốn thì báo chết, tiền cũng hết luôn như thua xì-phé vậy.

Trước đây anh có viết mấy cá truyện dài và truyện phim hàng ngày cho vài nhật báo v.v... nhưng rồi những báo mà anh cộng tác đã chết dần sau khi Luật 007 ban hành, nên Lê Tất Điều chỉ còn viết cho tờ nhật báo *Tiền Tuyến* với nhiệm vụ Tổng Thư-ký và công vụ sĩ quan tại ngũ của mình. Sau này anh lại bị Bộ Dân-Vận từ chối cấp thẻ ký giả và gặp thêm một vài khó khăn nghề nghiệp khác nữa nên anh đành khăn gói « khởi hành » khỏi nhật báo *Tiền Tuyến*.

Tiếp theo đó, trong vụ VC pháo kích phi trường Biên Hòa một trái hỏa tiễn rơi ngay nhà em gái của Lê-Tất-Điều, làm cho mấy mẹ con cô này chết hết. Sau khi chứng kiến cảnh huống bi thảm này, Lê-Tất-Điều quá

xúc động, đã viết lại một truyện ngắn « *Xin kể lại ngày đó* » đúng một trăm phần trăm sự thật đau lòng, khi anh nhìn tận mắt như thấy chính xương thịt của mình vung vãi trên tro than nát vụn (truyện ngắn cũng đăng trên BK số này). Chẳng những thế, nỗi đau còn bám mãi gia đình Lê-Tất Điều mỗi đêm, khi mở Ti Vi, hình của hai đứa cháu bị chết trong trận pháo kích Biên Hòa vô tình được thu vào ống kính của một nhiếp ảnh viên Đài Truyền-hình, đem về làm « Spot » đề lên án Cộng sản hằng đêm. Mỗi lần nhìn thấy cảnh đó, cả nhà Lê Tất Điều giật nảy mình, đề rồi đêm sau lại chột nhìn thấy nữa. Vì có biết giờ giấc nào chiếu bức ảnh ấy đề mà tắt máy TV trước ? !

Hỏi Lê Tất Điều tại sao mấy năm gần đây không viết truyện ngắn nào. Tác giả « *Quay trong gió lốc* » cho biết, vì quần quật suốt ngày kiếm sống bờ hơi tai, về đến nhà là nằm xuống ngủ khi, thì viết làm sao nổi mà viết. Trong năm 1974 chỉ tái bản cuốn « *Những giọt mực* ».

Hỏi chuyện sắm Tết cho gia đình, Lê Tất Điều cười thật là bi thương và cho biết, thường ngày Lê Tất Điều ăn cơm gạo Mỹ một cách khó khăn vì anh ngân loại gạo dẻo. Chỉ Lê Tất Điều thường an ủi là sẽ dành tiền mua một ít gạo ruộng để ăn Tết. Và hiện nay cả hai vợ chồng chưa biết đào đâu ra đủ tiền để mua được một bao nhỏ nhỏ vài chục ký gạo ruộng mà ăn Tết...

● VŨ HẠNH

● LÊ XUYỀN



Mấy ngày nay, « Chú Tư Cầu » bận rộn với tờ báo Xuân của Đại Dân Tộc vào buổi chiều. Mọi khi, buổi sáng bù đầu với công việc tin, mi, phim, bản vẽ v.v. cho đến khi tờ Đại Dân Tộc lên khuôn

là anh ăn một đĩa cơm với một chai bia, rồi nằm lên bàn viết, đánh một giấc, hoặc tiếp bạn bè lai rai cho đến tận giờ đêm mới mò về nhà.

Vì thấy « Chú Tư Cầu » quá bận, tôi chỉ phỏng vấn chớp nhoáng, khi gặp anh đứng ở ngưỡng cửa ra vào Tòa soạn Đại Dân Tộc.

Hiện nay Lê Xuyên chỉ còn có một truyện dài ở Quạt Cờng (Cậu Ba Thòi), vì không có thì giờ để viết, dù vẫn còn vài tờ nhật báo nhờ viết.

Đã ba năm nay, anh không có cuốn sách nào xuất bản, chỉ vì anh bị kẹt hai cuốn ở Sở Kiểm Duyệt (Mặt Trời Đêm, Búng Gốc Trời). Năm 1975, anh dự định sẽ cho xuất bản một tập Truyện ngắn (đã đăng ở các tạp chí).

Hỏi anh, khi được nghỉ mấy ngày Tết, anh sẽ làm gì để vui với gia đình. Lê Xuyên cho biết: « Được nghỉ là ngủ, rồi nhậu lai rai, và nghe nhạc; sau khi ngủ, nghe nhạc và nhậu chán rồi thì đi chơi với người yêu. Như vậy được không? »



Tác giả « Vượt thác » cho biết trong 2 năm nay, anh đã cố sức chèo chống đủ mọi cách cũng không đưa mức sinh hoạt gia đình vượt nổi ngọn thác lũ « kinh tế bế tắc » của tình trạng chung hiện nay. Chiếc xe La Dalat đã bán từ đầu năm 1974 để lấy tiền xuất bản sách (Cô gái Xà-niêng, Những người còn lại, và hai cuốn sách dịch: Cuộc đời thơ ấu của Vua hề Charlot, Truyện đời tôi), vốn chôn vào kẹt đó, tiền bán sách thu về lai rai như gió vô nhà trống...

Anh dự định bán căn nhà gia đình đang ở, trích một số trong khoản tiền bán nhà để thuê căn nhà khác ở, còn thì đưa cho vợ làm vốn buôn bán.

Hỏi chuyện viết lách và dạy học hiện nay của anh, tác giả « Ngôi trường đi xuống » cho biết, đang dạy Triết cho một lớp tối, lương tháng được 10 ngàn, mà tiền xăng anh đổ vào chiếc Honda để chạy việc hàng tháng tốn trên 12 ngàn. Có cô con gái (họa sĩ Kim Tố) đi dạy vẽ được

vài chục ngàn mỗi tháng cũng giúp cho gia đình đỡ ngật, thì gia đình lại đang cưu mang đứa con trai lớn (Nguyễn Anh Tuấn) bị bắt và bị đày Côn-đảo trong một vụ án chính trị từ 7 năm nay, đầu năm 1975 đã di tản về Kontum.

Về viết lách anh cho biết, từ sau Luật 007, các truyện dài nhật báo của anh rụng dần. Hiện nay anh chỉ còn một truyện trên nhật báo Sóng Thần (Con Tê-giác cô độc) viết hơn một tháng nay.

● NHẬT TIẾN

Đầu năm 1974 gặp một tai nạn suýt chết cả hai vợ chồng, đó là vụ chiếc xe hai ngựa của anh bị xe lửa đụng tại công xe lửa số 6 (đường Trương Minh Giảng), đầu xe bị bẹp dúm, chị Đỗ Phương Khanh văng xuống đường, bầm một nửa thân mình, nằm một chỗ đề thang thuốc hơn 2 tháng mới đi lại được; chiếc xe nằm garage đã 6 tháng, chưa biết có kiếm được tiền đề lấy về hay phát mại luôn!

Hỏi về lợi tức kiếm được hàng tháng, Nhật Tiến cho biết, anh dạy Lý-Hóa cho trường Trung-học Hưng Đạo, lương tháng chỉ có 4 ngàn đồng (lớp 9, mỗi tuần có 2 giờ). Báo Thiếu Nhi đang thoi thóp, mỗi tháng vẫn ra một kỳ. Nhà xuất bản và cơ sở ấn loát Huyền Trân đã ngưng hoạt động hơn một năm nay. Lớp Mẫu-giáo của chị Đỗ Phương Khanh, có khoảng năm sáu chục học sinh, coi như hòa vốn. Gánh nặng gia đình (với 8 đứa con, đứa con

trai lớn nhất đang học Nông Lâm Súc) làm cho vợ chồng Nhật Tiến chưa biết xoay xở ra sao. Thì vào những tháng cuối năm, một sự may mắn tình cờ đã giúp vợ chồng anh tạm thoát bí nhờ mấy cuốn sách « *Nghệ thuật xếp giấy Nhật Bản* » (sách vẽ hình dạy cách xếp các hình những con thú bằng giấy rất ngộ nghĩnh) anh in và phát hành thử, Bỗng nhiên được nhiều người thích, sách bán chạy (gồm có nhiều cuốn, hiện đã phát hành đến cuốn thứ 4) và cuốn thứ nhất đã tái bản). Một may mắn nữa, là dịp lễ Giáng sinh, Nhật Tiến bỗng có sáng kiến, ghép 8 hình bìa của Thiếu nhi lại in thành một tấm thiệp chúc Giáng sinh gửi bán ở các quán sách và hiệu sách ở Saigon. Tuy chưa kiếm diễm, vì còn chờ bán dịp Tết Nguyên-đán Ất-Mão nữa nhưng nghe chừng cũng bán được khá và anh Nhật Tiến cho biết đó là một niềm vui, an ủi anh rất nhiều qua mấy năm vất vả với tờ báo Thiếu Nhi.

● TRÙNG DƯƠNG



Nhà văn kiêm Chủ nhiệm nhật báo này đang bị lặn dạn vì tờ Sóng

Thần thọ nạn trong vụ Bộ Nội-vụ truy tố ra tòa về tội phỉ báng Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu. Bởi tờ báo này đăng tải trọn vẹn bản « *Cáo trạng số 1* » của « Phong trào nhân dân chống tham nhũng ». Mấy lượt ra tòa. Tòa đình, vụ án vẫn còn treo đó...

Hỏi thăm về sáng tác, Trùng Dương cho biết đang có một truyện dài đã hoàn tất và truyện này lại được phóng tác thành truyện phim cũng lấy tên như truyện dài là « *Cơn gió thoảng* », do đạo diễn Nguyễn Ngọc Liên thực hiện. Truyện dày khoảng 200 trang sách in. Một vài nhà xuất bản ngỏ ý muốn in, nhưng Trùng Dương muốn giao hẳn cho một nhà xuất bản lớn, có cơ sở tiêu thụ sách, bảo đảm cho việc sách sẽ đến tay bạn đọc : « Công việc in thì dễ, nhưng in rồi sách để ứ đọng đó thì nản lắm ».

Trả lời về vụ sắm Tết, Trùng Dương lắc đầu cho biết thì giờ đâu mà lo Tết. Sáng từ bảy, tám giờ đã phải có mặt ở Tòa soạn, mãi đến hơn 1 giờ trưa mới về đến nhà, ăn xong, nghỉ một tí, khoảng 3 giờ chiều lại phải ra tòa báo... Có sắm Tết chăng, là kiểm tí tiền mua chút ít thứ cần thiết cho các con (một trai lên mười và một gái lên ba) để giúp trẻ con có một vài kỷ niệm tốt đẹp về tập tục cổ truyền mà bọn người lớn chúng ta đã hưởng vào những ngày đất nước còn thanh bình. Đó là một số hành trang cần thiết cho bọn trẻ sau này.

● NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

Vào tháng giáp Tết, Thụy Vũ đã

phải vất vả cực nhọc lo cho đứa con 3 tuổi nằm bệnh viện Chợ rẫy, vì bệnh não, mới đầu tưởng là phải mổ sọ, nhưng sau lại phải chuyển hồ-sơ bệnh lý sang Đại-học Y-khoa nghiên cứu.

Trong lúc con nằm bệnh viện chờ giải phẫu, tác giả « *Mèo đêm* » ngồi bên giường bệnh vừa giữ con vừa viết feuilleton trong bầu không khí sặc mùi éther. Viết xong lại gọi con cho người quen, chạy đưa bài cho các báo, và vài hôm lại còn phải về trên nhà (ở làng Ký-giả) sắp xếp mọi việc, chăm nom 2 đứa con còn trên đó, giao việc cho người làm, rồi mới xuống bệnh viện, Thế là Tết con Mèo này, tác giả « *Mèo Đêm* » có thể sẽ phải ăn Tết trong bệnh viện với con...

● ĐỖ TIẾN ĐỨC



Tôi đến nhà Đỗ Tiến Đức vào buổi tối 10-1-75 thì nhà đạo diễn kiêm viết truyện phim này đang ăn cơm tối.

Hỏi tại sao mấy năm nay anh không viết tiểu thuyết. Đỗ Tiến Đức cho biết là viết tiểu thuyết không được in — vì sách hiện nay đang lâm vào tình trạng bế tắc chung — thì viết làm gì, có cuốn *Má hồng* đưa anh Võ



Thâm Thúy Hằng và Bảo Ân trong phim «Giỡn mặt tử thần» của Đỗ Tiến Đức

Phấn xuất bản, bán 1 ạch rất thắm thương. Còn cuốn *Đơn ca* dù được anh Lê Ngô Châu hết lời khuyến khích cũng vẫn không dám liều, đành xếp đề đó, chờ khi thị trường sách vở khả quan hơn đã. Còn bây giờ, sáng tác chuyện phim và đạo diễn cho tác phẩm ấy thành hình ảnh, thích hợp với tính ưa hoạt động và điều khiển của mình hơn.

Nhân dịp, Đỗ Tiến Đức cho biết anh vừa hoàn thành cuốn phim *Giỡn mặt tử thần*, phim màu, Scope, khoảng 90 phút, do Thâm Thúy Hằng đóng vai chính, đang ráp nối, sẽ trình làng vào khoảng tháng 4/1975. Và tiếp tục sẽ quay phim «*Mẹ*» do anh viết truyện phim và đạo diễn, cũng Thâm Thúy Hằng đóng vai chính sẽ khởi quay trước Tết.

Sau phim «*Mẹ*» anh sẽ quay cuốn phim «*Chiều hôm gió cuốn*» cho hãng phim Việt-nam của Thâm Thúy Hằng, truyện phim cũng do Đỗ Tiến

Đức phỏng theo tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Viên Linh.

Sau phần phỏng vấn, tôi mời nhà đạo diễn phim «*Yêu*» ngồi cho tôi chụp vài kiểu hình. Đỗ Tiến Đức vui vẻ đi mặc thêm áo chemise (vì anh đang mặc áo thun lót). Tôi chụp xong, anh cho biết từ trước đến nay và cách đây mấy phút, chưa bao giờ anh nghĩ rằng có lúc mình bị ai bắt ngồi để chụp hình, bắt phải nghiêng qua, ngó lại để diễn xuất cho một kiểu ảnh, công việc mà từ ngày bước vào nghề đạo diễn, anh chuyên bắt người khác làm. Lần lúc anh muốn có một tấm hình chụp chung với các con, như vừa rồi cũng khó thực hiện. Cảm tưởng của Đỗ Tiến Đức trong năm con Cọp là có nhiều việc xảy ra cho anh thật bất ngờ, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ như chuyện ngồi chụp hình vừa rồi là một bất ngờ rất thú vị...

LÊ PHƯƠNG CHI

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Tư-tưởng Việt-nam

(tiếp theo trang 54)

TRẦN NGỌC NINH

Giảng giải lời của Không-tử về bốn chữ trên, cụ Sào-Nam Phan-Bội Châu viết rằng, đương lúc ấy. "không vì thế lực mà thay đổi ý-chí mình, không lẻo loết danh dự với người đời, tránh đời mà không lấy làm buồn, mặc dầu trong đời không cho mình là phải mà vẫn cứ không buồn, giữ một chí hướng, thờ một chủ nghĩa, chờ có một thời cơ tốt thì ta làm, nếu còn hoạn nạn chưa có dịp làm cho được chí mình thời đầu mình tránh đời, cái khí tiết ấy, cái phương châm ấy, bền như đá, vững như danh, không thể lay động được. Thế gọi bằng tiềm-long vậy" (Chú-dịch Quốc-văn).

Tư-tưởng Việt-nam, khi biết rằng thời chưa đến, thì đã phải chịu nếp mình như con rồng còn phải ẩn náu. Nhưng đã là rồng, thì dầu là còn ẩn, cũng vẫn có cái đức tỏa ra để giữ cho cái chính-khi của dân-tộc không bao giờ tan đi, không bao giờ sút mẻ. Tư-tưởng Việt-nam, trong nghịch-cảnh, không vùng lên được trời xanh để hiển hiện chân-tướng, nhưng vẫn tiềm tàng trong cả cuộc sống của dân-tộc và chỉ được nhìn thấy như một linh-khí huyền-ảo, khi biến khi hiện, bao trùm tất cả chân trời Việt.

Vì vậy, nên nói rằng tư-tưởng Việt-nam có, và

Có thì có tự mây may

nhưng cũng chỉ có với những người nhìn thấy, cảm thấy, cái tư tưởng ấy ở ngay trong những hạt vi trần của đời sống trong chỗ dân gian mà

thôi. Đó chính là cái lẽ sống của người dân Việt-nam trong những buổi gian-nan của lịch-sử,

Trong những thời ấy, đừng nghĩ rằng có thể nghe thấy được tiếng gọi gió thét mây của con rồng Việt-nam. Bao nhiêu những tư-tưởng thực là trong truyền-thống của dân-tộc đều phải được kìm lại, để cho sống âm ỉ ở đáy lòng của những người thức tỉnh nhất trong quốc-dân mà thôi. Cái truyền-thống tư-tưởng ấy không diễn ra trong những sách theo phạm-lệ của các kinh, thư, luận, ngữ, mà bằng những lời bí-truyền, tâm-đạt, hay bằng những câu văn châm biếm, mặt sát để kêu gọi và nuôi dưỡng một nguồn dư-luận chính trực mà chờ thời,

Nhưng khi nào mà dân-khí đã đủ cao, dân-trí đã bắt đầu rộng mở, thì con rồng Việt-nam mới rời bỏ sự ẩn náu mà xuất hiện ở giữa cánh đồng. Trong Kinh Dịch, Chu-công viết: *Hiện long tại điền, thời xả dã*; Không-tử viết lời tượng rằng: *Hiện long tại điền, đức thi phở dã*. Con rồng trong dân-tộc Việt-nam sẽ rời nơi ẩn của mình (*thời xả dã*), khi cái đức của nó đã phát huy và phở biến trong dân-gian (*đức thi phở dã*). Lúc đó thì mới thấy được những lịch-văn, những đại-cáo và những chính-thư của tư-tưởng Việt-nam để giảng, để dạy, để truyền lại cho toàn dân được biết.

Lịch-sử tư-tưởng Việt-nam có những khuynh-hướng và những thời-

ki. Cái cân cân của các khuynh hướng thăng trầm tùy thời tùy lúc, theo dòng của lịch sử dân-tộc. Như Nguyễn Du viết trong truyện Kiều :

Có khi biến, có khi thường

và nền tư-tưởng của Việt-nam cũng luôn-luôn theo thời mà hóa, để giữ được vẹn toàn cái chính-nghĩa của dân-tộc, trước cái sức mạnh phá hoại ở trong và ở ngoài.

« Kẻ thù ở trong », như người Tây-phương nói, là điều đáng sợ hơn cả. Đó là những kẻ, vì quyền-lợi riêng tư, đã bán rẻ cả lương-trí lẫn trí-thức của mình đi, sẵn sàng dày xéo lên đồng-bào nhưng lại run sợ và quì gối trước ngoại-nhân. Lại cũng là những kẻ, có được một chút học-thức theo kiểu, như tục-ngữ nói, là « phù thủy kiếm gà, thầy đồ chạy gạo », lại còn đem cái học kiếm gà chạy gạo hời hợt, sai lạc của mình ra mà viết sách để tán dương đế-quốc và triệt-hạ cái hùng-tâm và tuệ-trí của thanh-niên đi học.

Thời nào cũng có những kẻ ấy. Như cụ Minh Viên đã nói, trong thời trước, thì họ nhận những « giẻ rách, canh thừa » mà đế-quốc đem sang cho ta, dưới những danh-từ lớn lao, « nào là Đại-toàn, Thề-chú, Giảng-giải, Mông-dân, Tồn-nghi, Vệ-cần, Bị-chỉ, gì gì đủ thứ ! » sao chép lại để làm sách học đi thi. Tôi kể lại lời của chính cụ Minh Viên :

Như « Sách Kinh Truyện và Sử Tiết Yếu của Bùi Huy Bích (viết ra ở cuối đời Lê Cảnh Hưng Chiêu-thống) thì là thứ sách gì ? Cắt đầu,

hót đuôi, bôi son, vẽ lọ, không thành tư cách một cuốn sách, mà đem ra cho công chúng học, phô lên rằng học Không-Mạnh, thánh-hiền ».

Sang đến đời nhà Nguyễn, thì sự học chỉ thu vào có một cuốn Sử-tiết-yếu đó mà dùng cho tới khi sau triều Tự-Đức, người Pháp chiếm Việt-nam mà buộc phải đổi sang cái học, rằng « Tở tiên ta là người Gô-loa », thì từ đó « bọn học trò của Bùi Huy Bích mới đành phải mất nghề ».

Cụ Phan Bội Châu cũng lớn tiếng mắng cái bọn trí-thức đề mạt, ý lại và hám danh bằng những lời thực là tàn tệ :

« Tội tình thay : Óc tí ti như óc giời, mắt tí-hí như mắt muỗi, ngoài buồng the bếp núc, vẫn không biết gì là nước non, trừ sợ bò đầu lợn, vẫn không biết gì là rồng rắn, mà hưởng gì nết xấu ở gia-đình, thói hủ ở xã-hội, gần sâu, buộc chặt, trải mấy ngàn năm ! Ông Nghè, ông Cử đã tràn đất chó rơm, mà ông Đốc ông Tham lại đẩy phen rồng vẽ. Đoàn thanh-niên cho đến phượng tân-tiến, đua danh cạnh giá, chẳng cu-li thượng-đẳng thời nô-lệ tối ưu... »

(Cao Đăng Quốc Dân)

Bài thơ « Chí Thành Thông Thán » (1905), mà cụ Phan Chu Trinh viết ra để cảnh tỉnh bọn quan trường, và các sĩ tử trong nước về cái học vong quốc được duy trì bởi khoa-cử có bốn câu :

Vạn dân nô-lệ cường quyền hạ
Bát cổ văn chương túy mộng trung
Trường thử bách niên cam thỏa mạ
Bất tri hà nhật thoát lao lung

(Muôn dân trời buộc vòng nô lệ
Tám vế thơ văn giấc ngủ nồng
Chịu mãi suốt đời người mắng
nhỉếc
Bao giờ đến lúc hết cùm gông).

Đó là những lời tâm-huyết, nói
lên cái tư-tưởng chân chính của
người trí-thức Việt-nam, trong một
thời quốc-nạn.

Và hai cụ Trần Quý Cáp, Huỳnh
Thúc Kháng, cũng lại liên tay mà
vạch mặt bọn « quần dài áo rộng » tự
nhận là kẻ sĩ, nhưng trong thực chất
thì chỉ biết :

*Ngóng hơi thở của quan trường để
làm văn sách...*

*Nhặt căn bã của Trung-quốc, để làm
phủ từ...*

*Hỡi ơi đau thay ! Dây đưa đề đến
có hổ nhục ngày nay, ai bày trò gây
nên độc hại ấy ?*

(Danh Sơn Lương Ngọc phú, 1905).

Thường thì sự đối phó với bọn
ngụy-trí-thức trong nước không mấy
khi dùng đến những lời-lẽ đánh-thép
như của các nhà cách-mạng trong
lớp các cụ Phan Bội Châu, Phan
Chu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh
Thúc Kháng. Nhưng các bậc đại-
văn-hào khác, mà tư-tưởng thực, bị
đè nén bởi thời-thế và hoàn-cảnh, đã
không vùng lên được, cũng không
tha bọn người phản dân-tộc trong
trí-thức. Những câu thơ đây-đó, rải
rác trong văn-chương, nhiều khi thực
là những ngọn roi quất vào mặt bọn
người mà cụ Minh Viên gọi là « hủ
bại » và « đê mạt » ấy. Hồ Xuân
Hương, nhà nữ-sĩ đã có cái mộng :

*Dơ tay với thử trời cao thấp
Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài*

đã mượn có đề thi, mà mắng bọn
mày râu rắng :

*Vì đây đời phận làm trai được,
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu ?*

và khuyên bảo các chị em bạn gái
đang rên rỉ với khúc ngâm Chinh
phụ :

Nín đi kéo then với non sông

Vì mặc dầu tất cả những tiếng dâm
ô mà người ta đã gán cho bà (chỉ vì
bà không tha một ai cả, bà đã biết
rõ lòng người cho đến tiếm-thức của
người ta), Hồ Xuân Hương thực là
có một tâm-trạng khác, như bà nói
ra trong bài thơ Vịnh Bánh Trôi :

*Thân em vừa trắng, lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non,
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.*

Không biết rằng có một ai ở thời
trước hiểu được và giữ được như
Hồ Xuân Hương một tấm lòng son
với nước non trong suốt cuộc đời
bảy nổi ba chìm và bất kể là trong
hoàn-cảnh khó khăn đau khổ đến thế
nào không ?

Trần Kế Xương, thân-hình thì ở
lại, tàn tạ và bẽ tha trong cảnh nước
mất và xã-hội đảo điên, nhưng tấm
lòng, cũng « chứa phai son » như ông
viết, thì vẫn hướng theo vết chân
của Phan Sào Nam, cũng dùng ngọn
bút sắc bén của mình để đánh những
kẻ mất gốc, là bọn :

*Sĩ-khí rụt rè gà thấy cáo
Văn-chương liều lĩnh dấm ợn xôi*

và những đám

Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ

Âm oẹ quan trường miệng thét loa

Tất cả cái tư-tưởng và cái tâm-trạng thực của Trần Kế Xương phải được đặt lại với những câu thơ mà ông cài vào những đề tài bề ngoài thì vô-tích-sự, như

Học trò ngủ gật trong lớp tạ tội rằng :

Sử kinh chưa trải mùi ngon ngọt

Sách truyện còn nhiều nỗi đắng cay

Nước bốn nghìn năm hồn chưa tỉnh

Người hăm nhăm triệu giấc còn say

Và thừa lại :

Bên giường dầu ngáy, nhưng còn
sợ,

Thấy mõ thày truyền, đã dậy ngay.

Nhưng tất cả cái học ngày nay hình như vẫn còn cổ tình đem cái con người truy-lạc của ông Tú Xương ra đề mà che lấp cái hoài vọng của ông và của cả một thế hệ, sống trong sự mong mỏi rằng

Tối lâu, lâu cũng sáng dần ra,
nhưng chờ đợi mãi mà chỉ thấy

Đêm sao đêm mãi thế ru mà !

Tôi còn có thể kể được nhiều những thí dụ khác ; như của cụ Nguyễn Khuyến, khóc bạn là cụ Dương Khuê, mà rằng

Câu thơ nghĩ, đắn đo chẳng viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa ?

làm cho bao nhiêu sĩ phu khoa bảng trong nước phải hồ thẹn ; dặn dò con cái về hậu-sự của mình, mà chỉ có rằng, mọi việc thì « lằng

nhăng qua quýt », nhưng đừng quên
Đề vào mấy chữ trong bia,

Rằng quan nhà Nguyễn cáo về
đã lâu

Một câu thơ ấy, tuy không có cái hùng-khí của *Thất-diệu-thư* mà Phan Tây Hồ viết ra đề thóa mạ vua Khải Định, nhưng chua sót và thâm trầm biết bao ! Không biết rằng vua quan nhà Nguyễn đương thời, đang khư khư giữ lấy cái đồng lương mà nhà nước bảo hộ phát cho, có hiểu và lấy làm hồ thẹn hay không ?

Tôi còn có thể kể nhiều nữa, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản, Nguyễn Quý Tân, Thủ Khoa Huân, Hồ Huân Nghiệp..., nhưng kể sao cho hết ; và còn bao nhiêu người vô danh, ẩn trong dân-chúng, đã dựa vào cái tư-tưởng thực của dân-tộc Việt-nam mà mắng những kẻ theo đuôi voi mà hít những bã mía tư-tưởng của chúng nhả ra. Nhưng tôi đã kể nhiều về Hồ Xuân Hương và Trần Kế Xương chỉ vì rằng đây là hai người mà hình-ảnh đã bị bóp méo và bôi nhọ nhiều nhất bởi cái học vong bản, vong quốc trong một thời qua và ngay cả trong hiện-tại.

Lời nói tiếm ẩn của văn-chương Việt-nam mà tôi vừa nhắc lại, chính là phản ánh của tư-tưởng Việt-nam, trong cái chính-nghĩa của dân-tộc Việt.

Người dân Việt không tha thứ bất cứ một người nào, ở một địa-vị nào, mà quên mất cái chính-nghĩa và cái tư-tưởng của dân-tộc.

Đầu đời nhà Lê, sau khi đánh đuổi quân Minh và dành lại nền độc

lập cho đất nước, thì, gạt bỏ những lời khuyên cáo của các bậc công thần khai quốc như Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn..., nhà vua đã lập ra một triều-đình, với những lễ nghi phép tắc rập theo mẫu-hình của Trung Hoa. Việc tế trời đất được thực hiện, với lễ giết bò, một con bò đen và một con bò vàng. Dân chúng nghĩ sao, một câu ca-dao còn kể lại :

— *Đời vua Thái-tổ, Thái-tông,
Con bế, con bồng, con dất, con mang*
(Đó là cảnh đi xem tế)

Bò đen đánh bò vàng

*Bò vàng hết vía, đem quàng
xuống sông*

Thằng bé chạy về bảo ông

Bò đen ta đã xuống sông mất rồi :

Thực là ngọt ngào, và cũng mỉa mai ; cái nghiêm trang của *Đời vua Thái-tổ Thái-tông*, với cái nao nức của quốc dân, *con bế, con bồng, con dất, con mang*, mà thành ra cái chuyện hỗn độn, bát nháo, chẳng những là trong đám lễ mà còn ở cả trong đầu óc của thằng bé con, với những bò vàng và bò đen đánh lộn. Cái khôi hài đó thực là làm cho người ta phải cười ra nước mắt, Mà người bị chỉ trích bởi người dân,

không những là vua, mà lại là vua Thái tổ, không những là Thái-tổ, mà là chính Lê Thái-tổ, người đã giải phóng cho đất nước. Nhưng người ta cũng không nhắm mắt làm thính.

Chúng ta đã mất thì giờ quá nhiều về những cái không phải là tư-tưởng Việt-nam, mà những người có tư-tưởng của Việt-nam không chấp nhận và chính-nghĩa cùng lịch-sử Việt-nam đều bài xích. Thực ra những kẻ này, cùng những chủ trương nguy nghịch của họ, không đáng để ta nói tới nhiều như vậy. Nhưng vì rằng ngay trong hiện tại, vẫn còn có một lớp người chưa hoặc không ý thức được thế nào là tư-tưởng Việt nam, vì rằng tư-tưởng Việt-nam vẫn chưa được sáng tỏ trong chính học-giới Việt-nam và chưa được giảng dạy cho chính thanh niên Việt-nam, nên chúng ta đã phải nói đến những bộ mặt nguy-trí-thức đã và đang làm hại dân tộc Việt-nam. Cái sắc thái đối kháng này của tư-tưởng Việt-nam, chúng ta không thể coi nhẹ được.

(còn tiếp)

TRẦN NGỌC NINH

Kỳ tới: Hai khuynh hướng lớn của Tư-tưởng Việt-nam

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25.861

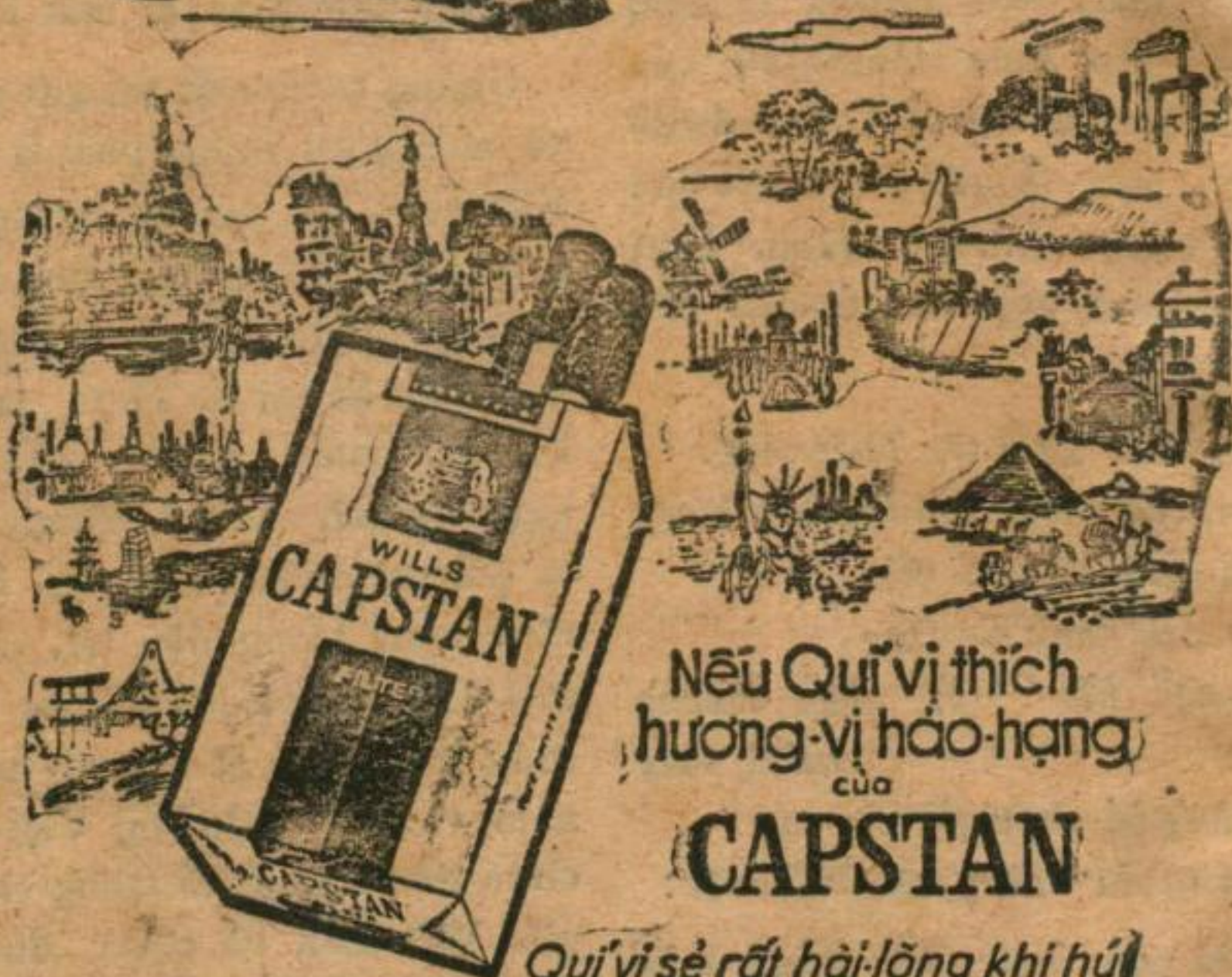
NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.966 - 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Những việc đáng ghi nhớ trong năm 1974

(tiếp theo trang 18)

sáu điểm tiến tới chế độ xã hội ngày 20/12. Vua Sélassié vẫn sống, vẫn chưa nộp tiền cho cách mạng trong khi nhiều đàn em ông đã bị hành quyết.

Tại Bồ-đào Nha ngày 25/4 Tướng Spinola cùng phe đảo chính lật đổ chính phủ độc tài của ông Caetano. Ngày 15/5 tướng Spinola trở thành Tổng Thống Bồ-đào-Nha nhưng chỉ hơn 4 tháng sau tới lượt chính ông phải từ chức nhường chỗ cho tân Tổng Thống, tướng Costa Gomes (30-9).

Tại Chypre, một cuộc đảo chính quân sự do Hy-Lạp yểm trợ lật đổ tu sĩ Tổng-thống Makarios ngày 15/7 Ông trốn đi ngoại quốc. Ở nhà một người lừng danh với thành tích khủng bố là ông Sampson lên làm Tổng-Thống nhưng chỉ ở chức vụ có 8 ngày đã phải từ chức, đề nhường cho Chủ tịch Hạ viện Clerides lên thay thế. Chiến tranh xảy ra tại Chypre khi quân đội Thổ đồ bộ lên đảo chia đôi lãnh thổ. Ngày 7/12 Giáo chủ Makarios sau nhiều tháng lưu vong lại vinh quang trở về Chypre nhưng còn cần thận thăm dò mà chưa có hành động nào ngoạn mục.

Những cuộc đảo chính nho nhỏ cũng xảy ra nhiều trên thế giới nhưng không quan trọng như tại Nigeria ngày 15/4, tại Bắc Yemen (còn gọi là Cộng hòa Ả-Rập Yémen) ngày 12/6. vv...

oOo

Dầu lửa là một vấn đề rắc rối từ năm 1973 kéo dài hết năm 1974 vẫn

không lối thoát. Từ tháng 10/73 các nước Ả rập và Bắc Phi giảm sản xuất dầu và ngưng xuất cảng sang Mỹ, Hòa Lan, Bồ Đào Nha và Nam Phi. sau cuộc chiến tranh Trung Đông giữa Do Thái và Ai-Cập, Si-Ry

13 quốc gia sản xuất dầu họp lại thành tổ chức OPEC để quyết định những biện pháp chung về dầu lửa mà biện pháp chính là tăng giá dầu lên vùn vụt.

Các nước kỹ nghệ chịu ảnh hưởng rất nặng nề vì sự tăng giá này. Mỹ tìm mọi cách thuyết phục phe sản xuất dầu lửa hạ giá nhưng thất bại, Biện pháp quân sự được nói tới nhưng phe sản xuất dọa phá nổ các giếng dầu nếu Mỹ tấn công. Và lại Mỹ có thể chiếm được giếng dầu nhưng có giữ nổi các ống dẫn dầu dài hàng ngàn cây số không nếu dùng biện pháp quân sự. Ấy là không kể chuyện Nga có thể đứng vào phe Ả Rập.

oOo

Năm 1974 cũng là năm của các hội nghị thượng đỉnh như hội nghị thượng đỉnh Ả-Rập tại Rabat từ 26 tới 29-10, Hội nghị Thị-trường chung Âu châu tại Ba-lê từ 9 tới 12-12.

Những cuộc gặp gỡ thượng-đỉnh tay đôi cũng khá nhiều. Khi ông Pompidou còn sống, ông đã sang Nga thăm Tổng bí thư cộng đảng Brezhnev hai ngày 12 và 13-3. Đề đáp lễ Tổng Bí thư Nga tới Pháp quốc thăm Tổng Thống Giscard d'Estaing từ 4 đến 7-12.

Phía Cộng sản, Brezhnev tới thăm Quy Ba 5 ngày kể từ 28-1. Chỉ có chuyến đi Ai Cập dự tính đã lâu nhưng tới ngày 30-12 chính phủ Nga cho biết chuyến đi này được hoãn lại vô hạn định với lý do che dấu là bệnh.

Cuộc bang giao thượng đỉnh Nga Mỹ trong năm 1974 vẫn có từ khi ông Nixon tại chức. Sau khi thăm viếng, gặp gỡ các lãnh tụ Ai Cập, Ả Rập Sa-u-di, Si-Ry, Do Thái và Jordanie trong chuyến viếng thăm Trung Đông từ 12 tới 18-6, ngày 27-6 Tổng Thống Nixon sang Nga thăm các nhà lãnh đạo Nga tới 3-7 mới trở về nhưng không đạt được một hiệp ước mới nào về vấn đề hạn chế vũ khí nguyên tử.

Sau khi ông Nixon từ chức, chuyến xuất ngoại đầu tiên của Tổng Thống Ford kể như là sang Nga sơ mặc dầu trước khi tới Hải-xâm-uy ông đã ghé Nhà bán và Đại Hàn trong chuyến đi dài từ 18 tới 23 tháng 11. Chuyến xuất ngoại đầu tiên của ông Ford sang Nga kể từ khi nhận chức Tổng Thống được báo chí Mỹ làm um sùm như một biến cố lớn.

Thế nhưng cuộc họp thượng đỉnh như trong ba ngày 12 và 16-12 giữa Tổng Thống Ford và Tổng Thống Pháp Giscard d'Estaing tại đảo Martinique được báo chí Pháp loan báo kỹ càng thì báo Mỹ lại coi như không có. Tuần báo Time, một tạp chí lớn bậc nhất nước Mỹ, không có một dòng tường thuật nào về cuộc gặp gỡ này. Gần một tháng sau hội-nghị, khi ra số báo đầu năm 1975,

trong mục tổng kết những chuyển hoạt động của Tổng Thống Ford, báo Time chỉ nhắc tới Hải-Xâm-Uy mà không đề cập gì tới Martinique. Chỉ trong mục hình ảnh năm qua, mới có tám hình ông Ford tám với Tổng Thống Pháp chìm đắm trong mấy chục tấm hình tài tử, hình vợ chồng Kissinger, hình bão, chiến tranh Do Thái v.v...

Phải chăng báo Time đã không chú ý chuyện này như không hề có một giòng nói về vụ không tặc bị thảm nhất làm nổ phi cơ tại Phan Rang ngày 15-5 khiến 70 người chết trong khi loan rất kỹ những vụ không tặc khác dù chỉ chết một hai người hay không ai chết cả.

oOo

Cuộc chiến tranh Trung Đông được đánh dấu bằng hai sự việc đáng khích lệ là việc ký kết tại cây số 101 thỏa ước rút quân giữa Do Thái Ai Cập ngày 18-1 và việc ký kết tại Genève thỏa ước rút quân trên đồi Golan giữa Do Thái và Si Ry (31-5).

Nhưng rồi hòa bình Trung Đông lại lâm vào ngõ bí khi hội nghị thượng đỉnh Ả-Rập thừa nhận Tổ chức Giải-phóng Palestine ngày 29-10 rồi tới những việc lãnh tụ Arafat đọc diễn-văn tại diễn đàn LHQ ngày 13-11 và đại hội đồng LHQ thông qua quyết nghị ngày 22-11 công nhận quyền độc lập của người Palestine.

Mặc dù Do Thái tuyên bố không thương thuyết với Phong-trào Giải-phóng Palestine nhưng trên thực tế tới cuối năm 1974 địa vị của Do Thái trước thế-giới xuống rõ rệt. Từ một

nước được nề vi tại LHQ, Do Thái đã trở thành cô lập trong tổ chức này. LHQ thông qua hai, ba quyết nghị lên án Do tại Đại Hội-đồng trong khi tại Âu-châu Do Thái bị trục xuất khỏi Ủy-hội Giáo-dục Khoa-học và Văn-hóa (UNESCO).

Sau khi Do Thái chiến thắng chiến thuật trong trận chiến tranh tháng 10-73, phe Ả-Rập chỉ mong điều đình với Do Thái về vấn đề lấy lại những vùng đất Do đã chiếm trong trận chiến 1967, nhưng tới cuối 1974 thì phe Ả Rập không những đòi các vùng đất kể trên mà còn muốn xóa bỏ hẳn quốc gia Israel trên bản đồ thế giới khi phe Ả Rập có những chiến thắng chiến thuật trên mặt trận chính trị.

oOo

Những cuộc khủng bố, những tai nạn và chết bệnh trong năm 1974 cũng không khan hiếm.

26 học sinh và giáo viên chết trong vụ du kích quân Palestine tấn công trường học Maalot tại Do Thái ngày 15-5, học sinh biểu tình giết Tổng trưởng Giáo dục tại Căm-Bốt ngày 4-6, bom nổ dưới xe làm chết 28 người tại Ai-nhi-lan ngày 17-5, 12 người chết và 48 bị thương khi quân khủng bố phá xe lửa tốc hành tại Ý ngày 4-8, bom nổ tại tiệm nước giữa thủ-đô Madrid ngày 13-9 làm chết 11 người và bị thương 71 bà Phác Chánh Hy bị chết oan khi tên khủng bố toan ám sát chồng bà là Tổng Thống Đại Hàn hồi tháng 8 chỉ là một vài vụ điển hình trên thế-giới không thấm gì nếu so với Việt Nam.

Ấy là không kể những vụ bắt làm con tin như vụ xảy ra tại tòa Đại sứ Pháp ở La Haye ngày 13-9, vụ cướp đoạt phi cơ tại Tunisie ngày 21-11 v.v...

Tại nạn cũng đủ loại. Bão ngày 16-1 ở biển Manche (Pháp) làm chết 31 người. Bão Fifi ở Honduras từ 18 tới 20-9 tàn phá hàng chục ngàn nóc nhà và làm hàng ngàn người chết. Bão cuối năm tàn phá gần hoàn toàn thành phố Darwin (Úc Đại Lợi) Cháy trường học ở Bỉ ngày 23-1 làm chết 24 học sinh. cháy rừng ngày 1-2 ở Sao Paolo (Ba Tây) thiêu sống hơn 200 mạng. Xe lửa trật bánh cũng làm chết 15 người tại Zagreb (Nam Tư) ngày 31-8. Ngày 3-3, 346 người tử nạn khi chiếc DC 10 rớt tại Ermenonville (Pháp), là một tai nạn thảm khốc nhất trong lịch sử hàng không.

Trong số hàng ngàn hàng vạn chết vì chiến tranh vì khủng bố vì tai nạn hay bệnh tật, năm 1974 thế giới cũng mất nhiều danh nhân.

Trong giới văn nghệ sĩ đã rời bỏ thế giới bất ổn này có nhà soạn kịch Marcel Pagnol (18-4), ký giả Stewart Alsop (26-5), nhà văn Miguel Angei Asturias (9-6), nhà văn Par Lagerkvist (11-7), kịch tác gia Marcel Achard (4-9), điện ảnh gia Vittorio de Sica (13-11), ký giả Walter Lippman (8-12).

Các giới khác có Thống chế Ayoub Khan (20-4), Tướng Joukov (18-6), phi công Lindbergh (26-8), Tướng Abrams (3-9), cựu Tổng Thư-ký LHQ U-Thant (25-11) v.v...

Dù lúc sống họ đã góp phần cho nhân loại thêm vui tươi hay là kẻ chủ xướng chiến tranh tàn sát sinh linh, lúc cuối năm này ta cũng từ bi cầu chúc họ tiêu điều miền cực lạc.

Có những người chết thì cũng có những người sống sung sướng và vinh quang trong năm 74. Nhà văn Nga Soljenitsyne ngày 13-2 sung

sống khi vượt bức màn sắt tới Tây Đức được đón tiếp như một anh hùng.

Trong tháng mười nhiều nhà văn, nhà khoa học khác sung sướng cả về danh vọng lẫn tiền tài khi giải Nobel chiếu cố. Ngày 3-10, Eyvind Johnson và Harry Martinson đều là người Thụy-điển đoạt giải Văn chương. Thế là giải của Thụy-điển lại về Thụy-điển khỏi lọt ra ngoài. Cùng ngày có cựu Thủ-tướng Nhật Tisaku Sato và ông Sean Mac Bride (Ái-nhĩ-lan) chia nhau giải Hòa-bình. Ngày 9-10 thêm một người Thụy-điển khác, ông Gunnar Myrdal, chia nhau giải Kinh tế với ông Friedrich Von Hayek, người Áo. Giải Y-khoa ngày 10-10 về tay các ông Albert Claude, Christian de Duve (cả hai đều [người Bỉ]), và Georges Palade (Hoa-kỳ). Giải Nobel Vật lý về tay hai nhà khoa học Anh Martin Ryle, Antony Hewish và Nobel Hóa-học về tay Paul John Flory (Hoa-kỳ) được công bố sau cùng ngày 15-10.

Người trúng giải ít, nhưng tiền nhiều và vinh dự lớn lao nó làm cho giải Nobel cao quý hơn nhiều thứ giải tạp nhạp khác ở các nước khác. Chẳng hạn như ở Pháp, mỗi năm có tới 275 giải thi ca và có những giải được bảo trợ bởi các ông lái la ve hay rượu chát.

oOo

Trở lại Việt-nam, sau gần hai năm ký kết hiệp định Ba-lê chiến cuộc không hề sút giảm. Bên ngoài Trung Cộng xâm lăng chiếm nốt phần còn lại của quần đảo Hoảng Sa (19-1). Bên trong cộng quân gia tăng chiến sự chiếm của ta 11 quận lý và lần đầu tiên chiếm một tỉnh lý Phước

Long (7-1-75). Toàn quốc chịu tang Phước Long 3 ngày theo lời kêu gọi của Tổng-Thống và cũng lần đầu tiên Tổng-Thống xuất hiện đề nói chuyện cùng đồng bào trên truyền thanh truyền hình sau khi một thị trấn thất thủ.

Về hành chánh kể từ ngày 18-2, chính phủ cải tổ gồm 19 nhân vật do Thủ-tướng Trần-Thiện-Khiêm cầm đầu mãi tới 24-10 mới có một vụ từ chức một lúc 4 Tổng-trưởng trong đó có ông Tổng-trưởng Dân-vận Hoàng Đức Nhã. Hơn một tháng sau (28-11) Tổng-Thống mới bổ nhiệm một số tân Tổng-trưởng trong số có nhiều Tiến-sĩ. Bộ Dân-vận và Chiêu-hồi vẫn chỉ có một Tổng-trưởng kiêm-nhiệm chức vụ «quyền».

Về lập pháp ngày 14-10 bầu văn phòng Hạ viện, ngày 17-10 bầu văn phòng Thượng viện. Vẫn hai vị Chủ tịch cũ tái đắc cử sau khi các vị tranh cử một mình.

Biến chuyển quan trọng trong năm 1974 cũng phải kể tới sự xuất hiện của những Phong trào tranh đấu chống tham nhũng, Phong trào cứu đói, Phong trào đòi tự do báo chí, Phong trào hòa giải dân tộc...

Những sự việc không thể bỏ qua như đóng cửa Nam Việt Ngân Hàng (1-7) thu hồi cấp bậc của hai tướng Lê văn Tư và Trần quốc Lịch (7-9) rồi truy tố ra tòa về tội tham nhũng, việc loan báo Việt-Nam có thể có 1 tỷ Mỹ-kim hàng năm nhờ dầu lửa (6-11) của Tổng-trưởng từ chức Nguyễn đức Cường cũng là những việc đáng suy ngẫm bên lề chiến cuộc.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

SINH HOẠT

Thơ, Nhạc và... Chả cá

Nhân dịp ra mắt cuốn « Thơ Nhạc » của nhà thơ Cao Tiêu, tác giả thi phẩm « Đăng Trình » đã tổ chức một cuộc họp mặt thân mật, qui tụ gần bốn chục văn nghệ sĩ thân hữu vào chiều ngày 27-12 vừa qua tại tiệm chả cá Như Ý đường Lý Trần Quán.

Tham dự buổi họp mặt này, người ta thấy có nữ sĩ Mộng Tuyết Thất tiểu muội, nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh, Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, Tô Thùy Yên... các nhạc sĩ Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Thục Vũ, Vũ Minh Tuynh, Phan Thế... Phía các nhà văn có Mai Thảo, Thanh Nam, Nguyễn Đình Toàn...

Trong buổi họp mặt này, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã lưu đề với bốn câu thơ như sau :

*Thơ nhạc cung dâu hện cỏ bông
Lý Trần đây Quán chợt Thăng Long
Nghe như tiếng ốc xa đưa lên
Giục đá vàng mơ tuổi bốc đồng.*

và nữ sĩ Mộng Tuyết Thất tiểu muội cũng đã cảm đề như sau :

*Thơ nhạc Đăng Trình tỏa khói duyên
âm ba mờ ảo động cung huyền
« Heo may tình cũ » « Thơ bên suối »
Vút cánh trăm dâng nhạc trời lên.*

Riêng nhà văn Hi Di Bùi-Xuân-Uyên cảm xúc về buổi họp mặt qui tụ ba thế hệ văn chương rất... « như ý » này, đã hoàn tất một bài thơ 156 câu, mang nhiều tâm sự hướng về dĩ vãng xa xưa, mà chúng tôi xin trích đăng một vài đoạn sau đây :

*Sớm nay tôi đến với Triều Đầu,
Buồn vì mưa nhỏ nên tôi đi...*

*... Triều Đầu đã già, hết chổi cài !
Tóc bạc gần hết, bụng phệ ra.
Tôi nói, lại nói, đề mà nói,
Nếu đời buồn thì nói cho qua*

*Hỏi thăm Gia Trí : hôm trước đến.
Hỏi thăm Gia Đức : râu đề dài.
Ôi chao ! Ôi chao ! Thôi đừng nói !
Gia Đức mà râu bạc đến tai ?*

*..... Nhưng tối nay mình đi « Chả cá »
Món Hà nội ăn đúng ngày mưa.
Cao Tiêu « lễ trình » cuốn Thơ Nhạc
Với cái Làng Văn như thuở xưa.*

*Gã trẻ thật, mà đẹp trai nữa,
Ngoài bốn mươi, tuổi ấy là vừa !
Như mình ngày ấy bốn mươi mấy,
Gòn ngoài năm mươi, rõ chán chưa !*

*Hà ! Minh Đức ! cô bé, cô bé
« Người xứ Huế » gốc họ Vũ Hồn,
A ! ròn rã, nói đi, nói nữa !
« Nội Huế đi ! » nghe thích, thích hơn !*

*Còn đây ai ? Phạm Duy ư ? Phải ?
Tóc bạc đến thế, hết cả ư ?
Hơn mình một tuổi, hằn trên má
Những vết nhăn dài năm tháng mưa.*

*..... Ai làm mà đã nên bạc cụ,
Có phải chán không, Vũ Hoàng
Chương ?*

*Hồ ly còn đến hay không nhỉ
Trong gác mai vàng ngậm ý sương ?*

*Chỉ anh vẫn thế, Dương Thiệu Tước,
Hà nội năm nào vẫn thế ư ?
Trông kìa Mai Thảo đâu thay đổi,
Đâu có đời qua tính mỗi giờ !*

... Còn chuyện Làng Văn ở ngoài ấy
Ai, hay tôi, nhắc tôi đầu tiên :

« Thế Lữ chắc già rồi ! » « Bảy chục ! »
Đường Láng ngày nào tôi chưa quên

Bướm trắng, ruộng rau, độ nào nhĩ,
Bướm vàng đến Tết sẽ về theo.

Song Kim bên ghế, trà pha đậm,
Cho tôi chén ấy buổi hôm nào ?

Ba chục năm chưa ? Rồi ! Kinh khủng !

Áo thơ tôi mặc chẳng còn hương,

Nồi diên bên bếp cùng giông tổ,

Tôi chán đời tan mộng dị thường.

Anh bảo « Gió cuồng » tôi buổi ấy,

Bây giờ vẫn vậy, gió cuồng hơn.

Chỉ xin : thôi tóc đừng ai bọc

Đề trả trang thơ thuở ấy còn...

Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương

Cung Tiến, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Phan Lạc Phúc, Thanh Nam, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Vũ Khắc Khoan đã có sáng kiến tổ chức « Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương » tại Phòng trà Khánh Ly ở đường Tự Do Saigon vào ngày 16-1-1975 vừa qua từ 20 giờ. Chương trình và mục đích của « Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương » đã được ghi rõ ở Thiệp mời (mỗi thiệp 3.000đ.) là trình bày âm nhạc, nói chuyện và đọc thơ do nhóm thân hữu của nhà thơ thực hiện và bán đấu giá lối Hoa-kỳ ấn bản quý « Tác phẩm Vũ Hoàng Chương » để giúp gia đình thi sĩ.

Phải nói ngay là Đêm Thơ nói trên rất thành công. Gần 300 nam nữ văn nghệ sĩ và những thân hữu của nhà thơ danh tiếng hoặc của các người tổ chức đã tới tham dự, ngồi chật cả phòng trà Khánh Ly, trên gác cũng như dưới nhà, trong số này có cả Ông Bà Nguyễn Cao Kỳ.

Không khí Đêm Thơ rất thoải mái

như một cuộc họp mặt văn nghệ. Thoạt tiên Vũ Khắc Khoan, thay mặt Ban Tổ chức, nói rằng chúng ta phải cảm ơn Vũ Hoàng Chương vì nếu không có nhà thơ thì chúng ta không có dịp hội họp như hôm nay... Thanh Tâm Tuyền tiếp lời phân tích thơ Vũ Hoàng Chương và cho rằng Vũ Hoàng Chương sinh ra chỉ để làm Thơ, không thể làm gì khác. Dạy học chỉ là nghề tay trái của Ông.

Sau đó Hồ Điệp và Hồng Vân đã thay nhau ngâm nhiều bài thơ nổi tiếng của họ Vũ : « Nguyễn Cầu », « Ta đợi em từ 30 năm », v.v... Đỗ Quý Toàn lại đọc tiếp nhiều bài thơ khác trong các thi phẩm của Vũ Hoàng Chương và anh tiết lộ rằng các nam nữ thanh niên ở thế-hệ anh đã dùng thơ của Vũ Hoàng Chương để tỏ tình với nhau, vì có thể trích nhiều câu hợp tình, hợp cảnh : khi yêu, khi nhớ, khi xa nhau, khi thất vọng v.v...

Phòng trà nhộn nhịp hẳn lên khi mục bán đấu giá theo lối Hoa-kỳ bắt

đầu : lô duy nhất gồm 10 tác phẩm, ấn bản quý (trong số có 2 bản chép tay của chính thi sĩ) và một bức tranh do họa sĩ Thái Tuấn tặng. Các nhà văn nữ : Minh Đức Hoài Trinh, Nhã Ca, Lệ Hằng, Túy Hồng và Trùng Dương được mời lên đề ghi chép những số tiền thù được. 2 ca sĩ Khánh Ly và Tuyết Minh rất xuất sắc trong vai trò mời trả giá. Mỗi tiếng trả ít nhất là 5.000đ. và nhiều nhất có người trả tới 50.000đ.

Ông Nguyễn Hoàng Đạt, một thân hữu của thi sĩ Vũ Hoàng Chương và cũng của Ban Tổ chức đã mở đầu và kết thúc với giá 500.000đ. Có người trả lên tới 600.000đ. nhưng Ban Tổ chức đã giới hạn ở mức 500.000đ. Sau cùng ông Đạt lại có

nhã ý tặng Thiếu-tướng Nguyễn Cao Kỳ bức tranh của Thái Tuấn và 2 thi phẩm của họ Vũ.

Sau mục bán đấu giá các Ca sĩ Hoài Bắc, Anh Ngọc, Bùi Thiện, Thái Thanh, Hồng Vân... còn trình diễn nhiều ca khúc cho tới 23 giờ.

Người ta ước tính rằng 200 Thiếp mời, đã bán hết, thù được 600.000đ., cộng thêm số tiền bán đấu giá 500.000đ., nếu trừ tiền chi phí trả phòng trà độ 100.000đ., thì còn đúng 1 triệu. Vừa bằng một giải tuyên dương sự nghiệp của chính quyền. Sáng kiến của Ban Tổ chức Đêm Thơ thật rất đáng hoan nghênh.

THẾ NHÂN

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Hiện mẫu : Trùng Dương

Bách-Khoa số 416 (P) ngày 15-10-74 có đăng bài « Đàn bà viết văn » một bài nói chuyện tại Phan-Thiết của nhà văn Trùng-Dương, Chủ nhiệm nhật báo Sóng Thần. Sau đó khi đọc thấy trong bài này tác giả đã nói: nếu phải chọn lựa giữa cuộc sống cho gia đình và cuộc sống cho sự nghiệp văn nghệ thì bà sẽ không ngần ngại chọn cuộc sống cho gia đình, chăm sóc con cái, bởi vì « không một công trình nào lớn hơn công trình tạo dựng nên con người sống cho ra người », một nhà thơ, Ông Phạm-Phú Hoài-Mai, đã xúc động và nhờ chuyển đến nhà văn Trùng Dương bài thơ sau đây :

BÀN TAY MẸ

Kính gửi bậc hiền mẫu : Nữ sĩ Trùng Dương.

I

Tôi không có hân hạnh
Quen biết bà Trùng-Dương
Đọc bài đăng trên báo
Bỗng thấy lòng vương vương
Kính mến bậc hiền mẫu
Trước sự nghiệp văn chương
Không quên sự nghiệp lớn
Người đàn bà Đông phương
Tô bồi nền mẫu giáo
Dạy trẻ theo mỗi giường
Đề con được sinh trưởng
Trong đạo vị tình thương
Gốc gia đình vững chắc
Dân tộc phải hùng cường

Truy nguyên bao tội ác
 Tham si gây tai ương
 Vui đập tía công lý
 Chà đập trên máu xương
 Đều do con mắt dạy
 Thiếu ánh sáng thiên lương
 Mong mọi người làm mẹ
 Đồng ý bà Trưng-Dương
 Dạy con nên người đã
 Dù bận rộn trăm đường
 Một thiên chức quan trọng
 Người mẹ không thể nhường
 Cho tay ai, làm thế
 Đề vườn trẻ ngát hương
 Tạo gia đình hạnh phúc
 Gây xã hội kỷ cương
 Ôi ! bàn tay người mẹ
 Anh hưởng thiệt khôn lường
 Trên tâm hồn măng sữa
 Bồi vào đời tinh sương.

PHẠM PHÚ HOÀI MAI

Văn hóa Phật giáo

Từ 21-12 đến 24-12-1974, tại 294 Công lý Saigon, Tổng vụ Văn hóa đã tổ chức một Đại hội Văn hóa Phật giáo gồm những đại biểu ở Saigon và các địa phương và một số đề-tài đã được trình bày trước hội nghị. Người ta ghi nhận các thuyết trình viên sau đây :

— Giáo sư Nguyễn-Đặng-Thục với đề-tài : « Quốc học trong tinh thần hòa giải dân tộc » (sáng 22-12-74).

— Giáo sư Lê văn Siêu với đề-tài « Những ngộ nhận về Văn hóa Phật-giáo » (chiều 22-12-74) sẽ được tóm

tắt trong sổ tới trên Bách Khoa.

— Giáo sư Trần-Ngọc-Ninh với đề tài : « Tư tưởng Việt Nam » (sáng 23-12-74) đăng trên Bách-Khoa số này và sổ tới.

— Giáo sư Toan Ánh với đề tài : « Phát triển cơ sở Văn hóa trong khung cảnh thanh bình của đất nước » (sáng 24-12-74).

Trong dịp này nghệ sĩ lão thành Năm Châu, Giáo sư Lê-Văn-Siêu (21-12) và Nữ nghệ sĩ Kim-Cương (23-12) đều được trao tặng mỗi người một món quà văn hóa, là di ảnh Chùa Một cột tại Bắc phần, về những công trình đã đóng góp vào nền Văn-hóa Phật-giáo V.N.

Ngày Hoàng Sa

Ủy ban vận động dựng đền thờ Quốc tổ, Nhóm Chủ trương Tập san Sử Địa và Việt Võ Đạo tổ chức một cuộc triển lãm tài liệu về Hoàng Sa tại Thư Viện Quốc gia từ 20 đến 23-1-75. Trong cuộc triển lãm này có các tài liệu chữ Hán, Anh, Pháp, Việt, các bản đồ cổ từ thế kỷ 16 đến nay chứng minh chủ quyền Việt-Nam tại Hoàng-Sa, và Trường Sa, các văn kiện hành chánh chứng minh sử hành sử chủ quyền VN tại Hoàng Sa, và các hình ảnh, không ảnh, các cổ vật, di vật về đảo này.

Cũng ngày 20-1-75 phát hành « Tập san Sử Địa Xuân Ất Mão » đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa với nhiều tài liệu mới lạ, khảo cứu công phu.

THU THUY

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-COP"

Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc